

**Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam**  
**Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

..... \*\*\* .....

*Thái Nguyên, ngày tháng 5 năm 2023*

**THUYẾT MINH**  
**ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH CHUNG XÂY DỰNG**  
**XÃ THẦN SA, HUYỆN VĨ NHAI,**  
**TỈNH THÁI NGUYÊN ĐẾN NĂM 2035**

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN VĨ NHAI**  
*( Kèm theo Quyết định số ..... ngày.....tháng..... năm.....)*

**PHÒNG KINH TẾ & HẠ TẦNG HUYỆN VĨ NHAI**  
*( Kèm theo Văn bản số ..... ngày.....tháng..... năm.....)*

**ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ THẦN SA**  
*( Kèm theo Tờ trình số ..... ngày.....tháng..... năm.....)*

**ĐƠN VỊ TƯ VẤN**

**THỰC HIỆN: PHÒNG THIẾT KẾ 6**

## MỤC LỤC

1. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH; CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH; XÁC ĐỊNH QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU QUY HOẠCH.....	5
1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch điều chỉnh .....	5
1.2. Các căn cứ pháp lý.....	5
1.3. Xác định quan điểm và mục tiêu điều chỉnh quy hoạch.....	8
1.3.1 Quan điểm .....	8
1.3.2 Mục tiêu.....	8
1.4. Tính chất, chức năng .....	9
1.5. Kinh tế chủ đạo .....	9
II. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP .....	10
2.1 Điều kiện tự nhiên.....	10
2.1.1 Đặc điểm địa lý.....	10
2.1.2 Địa hình, địa mạo.....	10
Căn cứ vào bản đồ địa chính sơ bộ đánh giá địa hình của xã Thần Sa nằm trên vùng địa hình có 2 dạng cơ bản: .....	10
2.1.3 Khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng .....	10
2.1.4 Tài nguyên nước .....	12
2.1.5 Tài nguyên rừng.....	12
2.1.6 Các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu.....	12
2.2 Dân số.....	13
2.3. Đặc điểm về văn hóa, dân tộc và phân bố dân cư .....	15
2.4. Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ .....	15
2.4.1 Phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp.....	15
2.4.2. Lĩnh vực phi nông nghiệp.....	16
2.4.3. Về thương mại dịch vụ.....	17
2.5. Hiện trạng sử dụng và biến động từng loại đất.....	17
2.5.1. Hiện trạng sử dụng đất .....	17
2.5.2. Biến động từng loại đất .....	19
2.5.3 Những vấn đề tồn tại trong việc sử dụng đất đai .....	19
2.6. Hiện trạng về nhà ở, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, môi trường, các công trình di tích, danh lam, thắng cảnh du lịch. ....	20
2.6.1. Hiện trạng về nhà ở.....	20
2.6.2. Hiện trạng công trình công cộng.....	21
2.6.3. Hiện trạng danh lam, thắng cảnh du lịch.....	25
2.6.4. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật.....	25
2.6.4. Hiện trạng hạ tầng phục vụ sản xuất .....	31
2.6.5. Hiện trạng môi trường.....	32
2.7. Việc thực hiện các quy hoạch có liên quan, các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã.....	33
2.7.1. Việc thực hiện các quy hoạch có liên quan .....	33
2.7.2. Các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã .....	33
III. XÁC ĐỊNH TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN XÃ .....	43
3.1. Đánh giá tiềm năng, thế mạnh và các hạn chế trong phát triển kinh tế.....	43
3.1.1. Đánh giá tiềm năng thế mạnh .....	43
3.1.2. Đánh giá các hạn chế trong phát triển kinh tế.....	44

3.2. Dự báo quy mô dân số, lao động, cho giai đoạn quy hoạch .....	45
3.2.1. Dự báo dân số .....	45
3.2.2. Dự báo lao động.....	46
3.2.3. Dự báo số hộ .....	46
3.3. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo của xã.....	46
3.3.1. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo của xã .....	46
3.4. Xác định tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phục vụ dân cư, công trình hạ tầng và sản xuất. ....	48
3.5. Xác định quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình công cộng, dịch vụ ...	49
3.5.1. Trụ sở làm việc cơ quan xã.....	49
3.5.2. Chỉ tiêu về quy mô tối thiểu của các công trình công cộng, dịch vụ .....	50
3.6. Quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình.....	51
<b>IV. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TỔNG THỂ XÃ .....</b>	<b>52</b>
4.1. Định hướng tổ chức hệ thống và không gian quy hoạch kiến trúc trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn.....	52
4.1.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã.....	52
4.1.2. Xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản .....	54
4.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ.....	56
4.2.1 Công trình trụ sở .....	56
4.2.2. Công trình giáo dục .....	57
4.2.3. Công trình y tế .....	58
4.2.4. Công trình thể thao .....	58
4.2.5. Công trình thương mại dịch vụ. ....	59
4.2.6. Công trình thể thao văn hóa khu chức năng các thôn .....	59
4.2.7. Công trình tôn giáo, tín ngưỡng.....	60
4.2.8. Công hàng rào, kết cấu nhỏ lẻ khác .....	60
4.3 Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cho các khu dân cư mới và các xóm, bản cũ .....	60
4.3.1 Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới.....	61
4.3.2 Định hướng cải tạo các thôn, bản cũ.....	61
4.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ thương mại.....	62
4.4.1. Đất canh tác sản xuất nông nghiệp.....	62
4.4.2. Dịch vụ thương mại.....	64
4.4.3. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp .....	64
4.5. Định hướng tổ chức các khu chức năng đặc thù khác trên địa bàn xã .....	65
4.5.1 Khu chức năng đặc thù phát triển thương mại du lịch kết hợp khu nhà ở theo mô hình nhà vườn. ....	65
4.5.2 Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất. ....	65
<b>V. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT.....</b>	<b>66</b>
5.1. Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện .....	66
5.2. Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn 5 năm, 10 năm và các thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất .....	66
5.3. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất.....	66
<b>VI. QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT.....</b>	<b>67</b>
6.1. Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã .....	67

6.1.1. Giao thông .....	67
6.1.2. Cấp điện.....	68
6.1.3. Cấp nước.....	68
6.1.4. Thoát nước.....	68
6.1.5. Thủy lợi .....	69
<b>6.2. Xác định vị trí, quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật .....</b>	<b>69</b>
6.2.1. Quy hoạch hệ thống giao thông .....	69
6.2.2. Quy hoạch san nền .....	78
6.2.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện.....	78
6.2.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa .....	80
6.2.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước .....	81
6.2.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và thu gom rác thải.....	81
6.2.7. Quy hoạch và quản lý nghĩa trang .....	84
6.2.8. Quy hoạch hệ thống thủy lợi.....	85
6.2.9 Công tác khác nhằm giảm thiểu tai biến thiên nhiên .....	86
<b>VII: ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG.....</b>	<b>87</b>
7.1. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện. ....	87
7.1.1 Về cơ chế chính sách.....	87
7.1.2 Về quy hoạch, kế hoạch .....	87
7.1.3 Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường.....	87
<b>VIII. DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ.....</b>	<b>91</b>
8.1. Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn .....	91
8.1.1. Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã .....	91
8.1.2. Kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn.....	92
8.1.3. Các nguồn lực thực hiện.....	93
<b>IX. KẾT LUẬN &amp; KIẾN NGHỊ.....</b>	<b>98</b>
9.1 Kết luận.....	98
9.2 Kiến nghị .....	98

# **1. LÝ DO VÀ SỰ CẦN THIẾT LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH; CĂN CỨ LẬP QUY HOẠCH; XÁC ĐỊNH QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU QUY HOẠCH**

## **1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch điều chỉnh**

Thần Sa là xã miền núi nằm ở phía Bắc của huyện Võ Nhai, cách trung tâm huyện (thị trấn Đình Cả) 36km, và cách trung tâm thành phố Thái Nguyên 45 km. Tổng diện tích đất tự nhiên là 10.224,19 ha.

Thần Sa có vị trí: Phía Bắc giáp huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn; phía Tây giáp xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ; phía Nam giáp xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ và xã Cúc Đường; phía Đông giáp xã Thượng Nung và xã Sáng Mộc. Thần Sa được chia thành 7 xóm Kim Sơn, Trung Sơn, Ngọc Sơn (Dự kiến sáp nhập Ngọc Sơn I, Ngọc Sơn II), Xuyên Sơn, Hạ Sơn (Dự kiến sáp nhập Hạ Sơn Tày, Hạ Sơn Dao), Tân Kim, Thượng Kim.

Cơ sở hạ tầng được đầu tư từ giai đoạn xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2021 tương đối thuận lợi để phát triển mô hình kinh tế mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp sang dịch vụ thương mại, tiểu thủ công nghiệp. Tuy nhiên do chưa khai thác triệt để tiềm năng và thế mạnh, nhân dân trong xã vẫn sống chủ yếu bằng nghề nông nghiệp nên đời sống chưa được nâng cao.

Xã Thần Sa đã có quy hoạch xây dựng nông thôn được lập và phê duyệt vào năm 2021 tại Quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND huyện Võ Nhai về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng Nông thôn xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030. Công tác triển khai thực hiện các dự án và quy hoạch các điểm dân cư nông thôn đến nay cũng đã có những kết quả nhất định. Tuy nhiên, qua rà soát một số điểm dân cư cũng như các vị trí dự kiến quy hoạch hạ tầng xã hội (Nhà văn hóa xóm, sân thể thao...), các điểm sản xuất không phù hợp với hiện trạng tự nhiên, nếu triển khai sẽ không khả thi do địa hình đồi núi, quỹ đất đào đắp nhiều, tăng chi phí thực hiện dự án. Ngoài ra một số vị trí dự án cũng như đề án chuyển đổi rừng phòng hộ và rừng đặc dụng sang rừng sản xuất không phù hợp với Quyết định của UBND tỉnh: Số 4143/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 về việc phê duyệt Dự án “Thành lập lại khu rừng đặc dụng Thần Sa – Phượng Hoàng huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Số 4386/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững Khu dự trữ thiên nhiên Thần Sa – Phượng Hoàng, giai đoạn 2021 – 2030; Diện tích rừng của xã Thần Sa đưa vào Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia và tích hợp vào quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 là 9.238,03 ha, trong đó: rừng đặc dụng 5.573,46 ha, rừng phòng hộ 2.237,76 ha, rừng sản xuất 1.426,24 ha, tuy nhiên chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Để đảm bảo việc quy hoạch xây dựng nông thôn xã Thần Sa được thực hiện phù hợp với nguyện vọng của người dân địa phương, đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới, cùng với các quy hoạch liên quan đã được duyệt, cập nhật theo đúng các tiêu chuẩn quy chuẩn hiện hành và nhất là chuyển đổi cơ cấu đất đai cho phù hợp với tình hình thực tế hiện nay ở xã thì việc điều chỉnh quy hoạch xây dựng nông thôn xã Thần Sa là hết sức cần thiết.

## **1.2. Các căn cứ pháp lý**

Luật xây dựng 50/2014/QH13; Luật số 62/2020/QH14 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng

Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Luật Quy hoạch số 21/2017/QH14 ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch

Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Nghị định 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP

Nghị định của Chính phủ: số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018.

Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BXD ngày 27/04/2020 của Bộ xây dựng: Nghị định về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng

Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD

Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Thông tư số 31/2009/TT-BXD ngày 10/09/2009 của Bộ xây dựng về việc ban hành Tiêu chuẩn quy hoạch xây dựng nông thôn;

Thông tư số 20/2019/TT-BXD Ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị;

Quyết định số 193/QĐ-TTg ngày 02/02/2010 của Thủ tướng Chính Phủ về việc phê duyệt chương trình rà soát quy hoạch nông thôn mới;

Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 536/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2031-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 664/QĐ-TTg ngày 20/5/2020 về việc phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025;

Các Nghị định của Chính phủ: Số 156/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, Kế hoạch sử dụng đất Quốc gia 5 năm 2021-2025.

Quyết định số 5203/QĐ-BNN-TCTL ngày 27/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cầu- sông Thương giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 222/QĐ-Ttg ngày 14/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

Quyết định số 2292/QĐ-UBND ngày 07/09/2016 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành Đề án xây dựng nông thôn tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016-2020 và định hướng đến năm 2030;

Các Quyết định của UBND tỉnh Thái Nguyên: Số 1563/QĐ-UBND ngày 08/8/2007 về việc phê duyệt kết quả rà soát, quy hoạch lại 3 loại rừng năm tỉnh Thái Nguyên năm 2006; số 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014 về phê duyệt điều chỉnh quy hoạch 03 loại rừng tỉnh Thái Nguyên năm 2013 và đến năm 2020; số 2500/QĐ-UBND ngày 05/11/2014 về việc điều chỉnh một số nội dung của Quyết định số 312/QĐ-UBND ngày 01/3/2012 về việc Phê duyệt Rà soát, bổ sung Quy hoạch thủy lợi tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2010-2020; số 2687/QĐ-UBND ngày 31/8/2020 và số 1232/QĐ-UBND ngày 26/4/2021 của UBND tỉnh về việc phân giao nhiệm vụ quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; số 1360/QĐ-UBND ngày 22/6/2022 của UBND tỉnh phê duyệt Kế hoạch phòng chống thiên tai tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025.

Quyết định của UBND tỉnh: Số 4143/QĐ-UBND ngày 28/12/2021 về việc phê duyệt Dự án “Thành lập lại khu rừng đặc dụng Thần Sa – Phượng Hoàng huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên; Số 4386/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc phê duyệt Phương án quản lý rừng bền vững Khu dự trữ thiên nhiên Thần Sa – Phượng Hoàng, giai đoạn 2021 – 2030;

Quyết định số 2713/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất huyện Võ Nhai thời kỳ 2021-2030;

Quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND huyện Võ Nhai về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng Nông thôn xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.

Công văn số 2540/UBND-KT&HT ngày 23/09/2022 của UBND huyện Võ Nhai v/v rà soát điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Thần Sa và lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Điểm dân cư xóm Tân Kim, xã Thần Sa.

Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 14/03/2023 của UBND huyện Võ Nhai về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán chi phí điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030.

#### **Các nguồn tài liệu, số liệu**

- Các tiêu chuẩn Việt Nam và các nguồn tài liệu liên quan khác ;
- Các tài liệu quy hoạch và dự án liên quan trong khu vực quy hoạch;
- Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Võ Nhai

#### **Cơ sở bản đồ:**

- Bản đồ hành chính huyện Võ Nhai
- Bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện Võ Nhai đến năm 2030
- Bản đồ quy hoạch chung xây dựng nông thôn xã Thần Sa theo QĐ 3479
- Cơ sở số liệu, tài liệu bản đồ: Số liệu và bản đồ quy hoạch 3 loại rừng xã Thần Sa, huyện Võ Nhai được UBND tỉnh phê duyệt tại các Quyết định: Số 1563/QĐ-

UBND ngày 08/8/2007, số 1518/QĐ-UBND ngày 10/7/2014, số 2500/QĐ-UBND ngày 05/11/2014.

- Các số liệu, tài liệu, dự án, bản đồ khác có liên quan

### **1.3. Xác định quan điểm và mục tiêu điều chỉnh quy hoạch**

#### **1.3.1 Quan điểm**

- Quan điểm và mục tiêu cơ bản vẫn theo Quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND huyện Võ Nhai về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng Nông thôn xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030. Đạt chuẩn nông thôn mới.

- Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã đảm bảo hướng tiếp cận nghiên cứu, định hướng lập quy hoạch:

- Hướng tiếp cận theo nhu cầu phát triển các trục đường chính;

- Hướng tiếp cận đáng giá sự phát triển các khu vực xung quanh;

- Hướng tiếp cận theo nền tảng, nội lực phát triển của khu vực nghiên cứu lập quy hoạch;

- Hướng tiếp cận các dự án có quy mô lớn đang và dự kiến hình thành trong tương lai có ảnh hưởng đến sự phát triển của khu vực nghiên cứu...

- Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã dựa trên nền tảng hiện trạng, nhằm xác định tiềm năng, động lực phát triển, quy mô dân số, lao động, quy mô đất đai, mạng lưới điểm dân cư nông thôn, định hướng tổ chức không gian tổng thể toàn xã, định hướng phát triển các khu chức năng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nhà ở, dịch vụ, du lịch và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật. Để từ đó khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của xã, đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, huy động sử dụng mọi nguồn lực cho phát triển nhanh, bền vững theo hướng “phát triển xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”, bảo vệ môi trường sinh thái thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Xác định các định hướng của một số ngành và lĩnh vực trong quá trình xây dựng huyện nông thôn mới hướng tới huyện nông thôn mới nâng cao phát triển theo hướng lấy phát triển nông nghiệp bền vững, thân thiện môi trường làm động lực cho tăng trưởng, tạo việc làm và thúc đẩy chuyển dịch lao động, tập trung vào công nghiệp chế biến gỗ, chế biến nông, lâm, thủy sản, chế biến sâu khoáng sản, vật liệu xây dựng; ... . Lấy dịch vụ là nền tảng cho phát triển bền vững, trọng tâm là du lịch trải nghiệm; Lấy nông nghiệp theo chuỗi giá trị, chế biến sâu, sản xuất hàng hóa là trụ đỡ cho phát triển bền vững, bảo đảm an ninh lương thực, đời sống nhân dân.

- Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã mang tính khả thi, linh hoạt góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và huyện, nhằm lan tỏa cộng đồng và sự đóng góp của nhân dân...

#### **1.3.2 Mục tiêu**

- Cụ thể hoá các chủ trương, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và quy hoạch vùng huyện; quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 và Chương trình phát triển đô thị tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2035.



- Việc điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thần Sa nhằm rà soát và điều chỉnh quy hoạch nông thôn mới cho sát với tình hình thực tế tại địa phương, đáp ứng chu kỳ rà soát theo tinh thần của Luật Xây dựng hiện hành;

- Làm căn cứ cho công tác lập quy hoạch sử dụng đất toàn xã, đảm bảo thống nhất về sử dụng đất giữa công tác quy hoạch và công tác quy hoạch sử dụng đất;

- Đảm bảo tính thống nhất với quy hoạch vùng tỉnh, vùng huyện, từ đó làm cơ sở xác định các dự án đầu tư và lập quy hoạch chi tiết xây dựng các điểm dân cư nông thôn trên địa bàn xã;

- Rà soát, điều chỉnh tổ chức không gian tổng thể toàn xã, tổ chức phân bố các chức năng sử dụng đất (hệ thống trung tâm xã, đất điểm dân cư, đất sản xuất..), tổ chức hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong phạm vi địa giới hành chính xã, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn phát triển của địa phương trong tương lai theo thời hạn của quy hoạch..

Gắn kết chặt chẽ với Chương trình xây dựng nông thôn mới, các chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án khác đang triển khai trên địa bàn và gắn với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Làm cơ sở pháp lý cho việc lập các dự án đầu tư xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch.

#### **1.4. Tính chất, chức năng**

- Là **xã nông nghiệp**, có khả năng phát triển sản xuất Nông- lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa gắn với chuỗi giá trị.

- Có chức năng kết nối hệ thống hạ tầng giao thông kỹ thuật, giao thương kinh tế với các xã lân cận khác trong huyện Võ Nhai, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

#### **1.5. Kinh tế chủ đạo**

- **Cơ cấu kinh tế xã Thần Sa được xác định là Khai thác khoáng sản, nông lâm nghiệp, dịch vụ du lịch. Hiện nay trên địa bàn xã có nhiều dự án khai thác khoáng sản đã và đang tiến hành xây dựng góp phần thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động trong xã ngày càng mạnh mẽ.**

+ Phát triển sản xuất nông – lâm nghiệp, trang trại vườn đồi, chăn nuôi gia súc.

+ Sản xuất Nông nghiệp kết hợp với du lịch, đặc biệt phát triển tiềm năng và du lịch sinh thái công đồng; Khu du lịch Bản Ná, Khu du lịch sinh thái Thác Mưa rơi, Khu du lịch sinh thái thác Bảy tầng, Khu khảo cổ Thần Sa, Phiêng Tung...

+ Thần Sa có trữ lượng các loại khoáng sản đa kim khá lớn, có khả năng phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, kéo theo là tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu xã hội.

## II. PHÂN TÍCH VÀ ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG TỔNG HỢP

### 2.1 Điều kiện tự nhiên

#### 2.1.1 Đặc điểm địa lý.

Thần Sa là xã vùng sâu, vùng xa của huyện Võ Nhai, nằm ở phía bắc huyện Võ Nhai cách trung tâm huyện khoảng 36km, xã có ranh giới giáp ranh với các địa phương sau;

- Phía Bắc giáp huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn
- Phía Tây giáp xã Văn Lãng, huyện Đồng Hỷ
- Phía Nam giáp xã Tân Long, huyện Đồng Hỷ và xã Cúc Đường
- Phía Đông giáp xã Thượng Nung và xã Sảng Mộc

Quy mô : Diện tích quy hoạch là 10.224,19 ha.

#### 2.1.2 Địa hình, địa mạo

Địa hình Võ Nhai khá phức tạp, chủ yếu là đồi núi, hình thành ba vùng rõ rệt: Vùng núi cao, gồm sáu xã; Nghinh Tường, Sảng Mộc, Thượng Nung, Cúc Đường, Thần Sa, Vũ Chấn, có đất rừng đa dạng với tập đoàn cây, con phong phú, tạo nên cảnh đẹp tự nhiên. Nơi đây có khối núi đá vôi Thượng Nung đồ sộ nhất tỉnh Thái Nguyên, rộng tới 300km<sup>2</sup>, độ cao từ 500m đến 600m, kéo dài từ Thần Sa qua Nghinh Tường, đến Liêm Thủy( huyện Na Rì, tỉnh Bắc Kạn)

Xã có địa hình chủ yếu là đồi núi, với nhiều dãy núi cao chạy dọc theo hướng đông tây, cùng với hệ thống sông suối phức tạp, địa hình chia cắt mạnh, gây khó khăn không nhỏ cho việc điều hành, quản lý, khai thác và vận hành các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất, các công trình giao thông. Cao độ địa hình thay đổi rất mạnh, diện tích phân bố theo cao độ được thống kê như sau:

**Thông kê diện tích đất theo độ cao**

Khu vực	Đồi núi	Sườn đồi	Thung lũng
Cao độ(m)	200-700	100-200	50-100
Diện tích (ha)	6670	2463	1129
Tỷ lệ (%)	65%	24%	11%

Căn cứ vào bản đồ địa chính sơ bộ đánh giá địa hình của xã Thần Sa nằm trên vùng địa hình có 2 dạng cơ bản:

#### 2.1.3 Khí hậu, thủy văn, thổ nhưỡng

##### (1) Khí hậu

Xã Thần Sa thuộc vùng trung du miền núi phía Bắc, nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới ẩm, gió mùa. Nhưng có phần khắc nghiệt hơn.

- Nắng: Trên toàn lãnh thổ, thời gian nắng dài. Số giờ nắng trung bình trong một năm: Miền Bắc nhỏ hơn 2000h. Tổng số giờ nắng tỉnh Thái Nguyên năm 2021 là 1486h (Niêm giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2021).

- Nhiệt độ không khí: Miền Bắc có nhiệt độ trung bình năm phổ biến dưới 24°C. Trong đó nhiệt độ trung bình hàng năm tỉnh Thái Nguyên: từ 24,2 đến 24,70C, tháng nóng nhất vào giữa tháng 6 và tháng 7 bình quân: 30,50C; nhiệt độ bình quân nhỏ nhất vào tháng 12, tháng 1, tháng 2 khoảng 15,70C (*Nhiệt độ không khí trung bình tại Trạm quan trắc khí tượng Thái Nguyên 2017-2021*).

- Chế độ ẩm: trên toàn lãnh thổ, độ ẩm tương đối của không khí quanh năm cao: từ 76%-88%; Tại Thái Nguyên, độ ẩm trung bình 78% - 81%; độ ẩm trung bình cao nhất 90% tháng 5, độ ẩm trung bình thấp nhất 30%- 60% tháng 12 tháng 1(*Niên giám thống kê tỉnh Thái Nguyên năm 2021*)

- Thời kỳ mưa phùn, lạnh ẩm: kéo dài từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, thời tiết hanh khô, nhiệt độ thấp, thường có mưa phùn ẩm ướt, giá rét. Trong mùa khô, từ tháng 12 đến tháng 1 năm sau thường xuất hiện sương muối ảnh hưởng đến năng suất cây trồng và đời sống của nhân dân trong vùng.

- Thời tiết nồm ẩm: diễn ra khoảng thời gian cuối mùa đông, đầu mùa xuân (tháng 2 đến tháng 4) thường có thời tiết nồm ẩm, có độ ẩm tương đối lớn, trên 95%, có lúc bão hòa.

- Chế độ gió: Gió Đông Nam hoạt động mạnh từ tháng 5 đến tháng 10 mang nhiều lượng nước gây ra mưa, xuất hiện khoảng 16 lần trong năm, cũng là những tháng có ẩm độ cao, lượng mưa lớn tạo điều kiện thuận lợi cho sinh trưởng phát triển của cây trồng. Gió mùa đông bắc hoạt động mạnh từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, xuất hiện 18 lần trong năm, gió thường khô hanh làm hạn chế sinh trưởng của cây trồng đồng thời sương muối và rét đậm kéo dài từ 21/ 12 đến 20/2 năm sau.

- Chế độ Mưa: Lượng mưa phân bố không đều trong năm. Lượng mưa trung bình hàng năm là: 286-342 mm, mùa mưa kéo dài từ tháng 15/6 đến tháng 31/10, lượng mưa lớn (chiếm khoảng 70-80% tổng lượng mưa cả năm). Trong mùa mưa có xuất hiện gió lốc và mưa đá, chính vì vậy đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và hoạt động sản xuất của bà con trong vùng.

- Các hiện tượng thời tiết đặc biệt: Sương muối, sương mù, thường xuất hiện vào tháng 1÷3, ít ảnh hưởng đến nông nghiệp.

## **(2) Thủy văn**

Võ nhai có 2 con sông nhánh thuộc hệ thống sông Cầu và Sông Thương, được phân bố ở phía Bắc và phía Nam huyện. Sông Nghinh Tường có chiều dài 46km, bắt nguồn từ những dãy núi của vòng cung Bắc Sơn chảy qua các xã Nghinh Tường, Sảng Mộc, Thương Nung, Thần Sa và đổ ra sông Cầu qua địa bàn huyện Đồng Hỷ. Khoảng 40% chiều dài dòng chảy là vùng đá vôi, thung lũng thường hẹp và sâu, vách đá dựng đứng.

## **(3) Thổ nhưỡng**

Theo kết quả phúc tra theo phương pháp định lượng FAO/UNESCO do Viện Thiết kế xây dựng thực hiện thì toàn huyện Võ Nhai có các nhóm đất sau:

- Đất phù sa, đất đen, đất xám bạc màu, đất đỏ. Trong đó, đất đỏ vàng trên phiến thạch sét là loại đất có diện tích lớn nhất, với diện tích 136.880 ha, chiếm

38,72% diện tích tự nhiên, phân bố tập trung thành các vùng lớn thuộc các huyện Phú Lương, Võ Nhai, Đồng Hỷ, Đại Từ, Định Hóa. Đất có thành phần cơ giới từ thịt trung bình đến thịt nặng, cấu trúc dạng cục, ngập nước lâu ngày sẽ có quá trình gây hóa mạnh. Trong loại đất này có khoảng 48,5% diện tích có độ dốc từ 8° – 25° rất thích hợp với phát triển cây chè và cây ăn quả, cây lâm nghiệp.

#### **2.1.4 Tài nguyên nước**

Trong xã có sông Cái chảy qua và nhiều khe, suối nhỏ do đó nguồn nước mặt tương đối phong phú nhưng phân bố không đều. Các hệ thống khe, suối chảy từ trên cao xuống thấp, từ Bắc xuống Nam, hợp lưu vào Sông Cái tại khu vực trung tâm xã chảy từ Đông sang Tây. Đây là nguồn cấp nước mặt chủ yếu cho xã, tổng diện tích nước mặt trên toàn xã là 61,44ha cung cấp nước tưới phục vụ cho sản xuất nông nghiệp và sinh hoạt.

Đánh giá chung: Nhìn chung xã Thần Sa có đủ lượng nước mặt để cung cấp cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt. Tuy nhiên vẫn cần phải đầu tư các trạm cấp nước sinh hoạt cho các xóm cũng như đầu tư xây dựng mới các trạm bơm phục vụ sản xuất nông nghiệp. Về chất lượng nước mặt ít bị ô nhiễm, có giá trị rất lớn trong phát triển kinh tế xã hội và sinh hoạt, nếu được khai thác sử dụng hợp lý sẽ đáp ứng đủ nhu cầu nước cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, đời sống và nhiều lĩnh vực khác.

#### **2.1.5 Tài nguyên rừng**

xã Thần Sa cũng nằm thuộc về Khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa - Phượng Hoàng với tổng diện tích hơn 17.000 ha rừng, đây là khu vực hiện còn nhiều loại gỗ quý hiếm như nghiến, trai, lý, sến... với trữ lượng khá lớn

Đánh giá chung: Đây là một trong những khó khăn trong việc phát triển rừng sản xuất, tại một số xóm người dân không có đất phát triển sản xuất, trồng rừng do diện tích trên địa bàn là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng.

#### **2.1.6 Các ảnh hưởng của thiên tai, biến đổi khí hậu**

Trong những năm trở lại đây, hiện tượng biến đổi khí hậu có những biểu hiện và tác động ngày càng rõ nét, gây ra các hiện tượng thời tiết cực đoan, như: Bão, lũ, sạt lở đất, ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống và sản xuất của người dân trên địa bàn xã. Được quan tâm của chỉ đạo Ủy ban nhân dân huyện, xã đã xây dựng kế hoạch, triển khai những giải pháp kịp thời ứng phó với các hiện tượng thời tiết do biến đổi khí hậu gây ra, nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại về người và tài sản.

Xã hay xảy ra các hiện tượng lũ lụt. Khi xảy ra mưa bão lớn thì các khu vực dọc ven sông, suối thường bị ngập lụt trong thời gian ngắn. Xóm Tân Kim, xã Thần Sa là nơi thường hay chịu ảnh hưởng của các trận mưa bão lớn. Đã nhiều năm nay, các hộ dân sống tập trung hai bên bờ suối dài hơn 1km. Tuyến đường di chuyển chính trong xóm là dưới lòng suối, bởi vậy, việc đi lại gặp nhiều khó khăn, nguy hiểm, nhất là vào mùa mưa, lũ. Song với địa hình đặc thù là xã đồi núi dốc với hệ thống các khe, suối chảy trên núi cao chảy về với lượng nước lớn, trong khi hệ thống thoát nước chưa đảm bảo dẫn đến lũ ống, lũ quét và ngập cục bộ tại một số vị

trí trên địa bàn xã vào những trận mưa lớn kéo dài. Ngoài ra các hộ dân phần lớn sống ở ven, sườn đồi vào những mùa mưa lũ làm ảnh hưởng không nhỏ đến đời sống của người dân.

Nhiều năm qua, nguồn nước sông Thần Sa, một trong những phụ lưu của sông Cầu bị ô nhiễm nặng do ảnh hưởng của hoạt động khai thác khoáng sản ở phía thượng nguồn. nguồn nước ô nhiễm là do hoạt động khai thác, tuyển rửa vàng tại khu vực Khau Âu của huyện Chợ Mới dồn về. Trên dòng Suối Bó, hiện có mỏ khai thác khoáng sản của các doanh nghiệp: Công ty TNHH Kim Ngân tại Mỏ vàng Khau Âu (Chợ Mới); Công ty CP Đầu tư xây dựng và Khai thác khoáng sản Thăng Long với Mỏ vàng Bản Ná, Khắc Kiệm và Nam Khắc Kiệm; Công ty CP Đầu tư thương mại Thủ đô Gió Ngàn với Mỏ vàng Bãi Mỏ, xóm Thượng Kim và khu vực Đèo Căng, xóm Trung Sơn.

Tình trạng sông Thần Sa bị ô nhiễm, bồi lắng bùn đất đã có từ lâu, ảnh hưởng tới sinh hoạt và sản xuất của người dân. Chính quyền địa phương đã nhiều lần phối hợp với cơ quan chức năng để khảo sát và báo cáo lên cấp trên. Đồng thời đề nghị có giải pháp khắc phục, nhất là đối với nguyên nhân gây ô nhiễm từ bên ngoài địa giới của xã Thần Sa. Nguyên nhân chính gây nước đục tại Suối Bó có thể là do hang Hút đã tích lũy bùn từ nhiều năm và một phần do hoạt động khai thác khoáng sản trên lưu vực

Nhìn chung, môi trường của xã vẫn còn được đảm bảo nhất là môi trường không khí, chưa ảnh hưởng tác động xấu đến đời sống người dân. Tuy nhiên, trong những năm gần đây việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc trừ sâu ngày một tăng cộng với chất thải từ sinh hoạt và chăn nuôi... gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt làm ô nhiễm nguồn nước ảnh hưởng đến sức khỏe và sản xuất của người dân.

Đề hướng đến mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai. Khuyến khích, tuyên truyền, vận động nhân dân thay đổi nếp sống sinh hoạt, sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật, phân bón có nguồn gốc sinh học, sử dụng để đảm bảo an toàn cho môi trường đất và nước.

Đánh giá chung: Xã đã thành lập Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã và thường xuyên kiện toàn khi có nhân sự thay đổi, có phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban chỉ huy PCTT-TKCN, thành lập đội xung kích PCTT tại chỗ để chỉ đạo điều hành công tác phòng chống thiên tai - Tìm kiếm cứu nạn khi có mưa bão xảy ra và thực hiện tốt quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ.

Hoạt động phòng chống thiên tai được triển khai thực hiện đáp ứng yêu cầu dân sinh. Hàng năm xã đã xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch PCTT và TKCN, triển khai phương án ứng phó với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xảy ra trên địa bàn.

## **2.2 Dân số**

(1) Trên địa bàn xã hiện có tổng số hộ dân là 637 hộ; nhân khẩu 2804 người

Dân số xã Thần Sa trong 5 năm qua có những giai đoạn tăng trưởng âm. Do quá trình đồng bào di dân tự do, một số hộ, người dân chuyển ra khỏi địa phương dẫn đến tình trạng dân số xã hầu như không biến động.

Toàn tỉnh Thái Nguyên bình quân 5 năm 2017-2021, tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số là 0,97%. Riêng năm 2021 là 0,95%. Dự báo dân số tăng tự nhiên theo số liệu bình quân chung toàn tỉnh, tỷ lệ 0,9%/năm

Xã Thần Sa là xã có tỷ lệ hộ nghèo cao (40,19%) dân cư chủ yếu sống bằng nghề nông, chủ yếu là trồng trọt và chăn nuôi, đời sống người dân còn gặp nhiều khó khăn.

#### HIỆN TRẠNG DÂN SỐ XÃ (2019-2022)

TT	Hạng mục	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Xóm Kim Sơn	87		88	448	96	452	97	457
2	Xóm Trung Sơn	102		102	455	102	465	106	462
3	Xóm Ngọc Sơn I	59		59	274	63	293	63	289
4	Xóm Ngọc Sơn II	47		51	204	48	189	47	185
5	Xóm Xuyên Sơn	90		94	394	85	370	85	354
6	Xóm Hạ Sơn Tày	37		37	144	41	154	41	161
7	Xóm Hạ Sơn Dao	75		75	364	80	320	82	375
8	Xóm Tân Kim	76		81	368	81	360	83	364
9	Xóm Thượng Kim	33		34	156	33	154	33	157
*	<b>Tổng</b>	<b>606</b>	<b>2.739</b>	<b>621</b>	<b>2.807</b>	<b>629</b>	<b>2.757</b>	<b>637</b>	<b>2.804</b>

(2) Lao động trên địa bàn xã: Hiện tại có 2.183 người (theo thống kê năm 2022)

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo còn thấp, đạt 20,06%; tỷ lệ lao động đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 16,09%.

- Định hướng giải quyết lao động tại chỗ, những năm tới giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp trên cơ sở đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - thương mại.

- Hiện nay trên địa bàn xã có khoảng 159 lao động đang làm việc tại các mỏ khoáng sản trên địa bàn xã.

- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động của tỉnh Thái Nguyên từ 2015-2020 dao động từ 60,2%-60,5%. Trong QHT đến năm 2025 chọn 59,9% và đến năm 2030 chọn 59,1%.

- Dự báo quy mô lao động đến năm 2035 là 1.841 người.

Đánh giá chung: Chủ yếu sản xuất nông nghiệp, tỷ lệ hộ kinh doanh dịch vụ thấp.

### **2.3. Đặc điểm về văn hóa, dân tộc và phân bố dân cư**

Năm 2022, trên toàn xã có 08/ 09 xóm đạt Xóm văn hóa tỷ lệ 88% ; Gia đình văn hóa 531 hộ/631 hộ đạt 84% .

Những phát hiện khảo cổ học tại di chỉ Thần Sa đã khẳng định địa bàn Võ Nhai là một trong những cái nôi của người nguyên thủy,

(1) Trên địa bàn xã hiện có 9 xóm và 04 dân tộc cùng chung sống, chủ yếu là dân tộc Dao chiếm 33,3%; dân tộc Tày chiếm tỷ lệ 56,87%; dân tộc Mông chiếm tỷ lệ 10,4%; **Người Nùng chiếm 0,42%**. Địa danh các xóm như Hạ Sơn Dao, Hạ Sơn Tày phản ánh đặc điểm định cư lâu đời của các dân tộc trên địa bàn.

(2) Sự phân bố dân cư trên địa bàn không đồng đều, chủ yếu tập trung dọc tuyến đường giao thông, các khu vực thuận lợi cho làm nông nghiệp giáp các tuyến đường và các khu vực định cư lâu đời theo tập quán của từng dân tộc.

### **2.4. Phát triển kinh tế trong các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và ngành nghề công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ**

#### **2.4.1 Phát triển kinh tế trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp**

Sản xuất nông nghiệp là mũi nhọn trong định hướng phát triển kinh tế trên địa bàn xã. Đảng ủy đã xây dựng Nghị quyết chuyên đề lãnh đạo phát triển kinh tế trong đó tập trung chỉ đạo chuyển dịch sản xuất nông nghiệp theo hướng phát triển nông nghiệp chất lượng cao, tạo mọi điều kiện và khuyến khích nhân dân tích cực cải tạo vườn tạp, phát triển trồng cây ăn quả năng suất cao, trồng rừng sản xuất.

#### **\* Lương thực:**

+ Cây lúa: Gieo cấy được 135,2ha/145ha đạt 93% kế hoạch. Sản lượng đạt 750/760 tấn/năm đạt 98% kế hoạch. Bằng 95,5% so với cùng kỳ.

+ Cây ngô: Gieo cấy 121 ha/135ha đạt 89,6% kế hoạch. Sản lượng đạt 760/789 tấn/năm đạt 96% kế hoạch. Bằng 110% so với cùng kỳ.

+ Cây rau, đậu các loại 288 tấn/288 tấn đạt 100% KH. Bằng 100% so với cùng kỳ.

#### **\* Cây Chè và cây ăn quả:**

+ Sản lượng chè búp tươi: 200 tấn/ 205 tấn đạt: 97% KH. Bằng 100% so với cùng kỳ.

Triển khai mô hình trồng cây dong giềng với trên địa bàn xã với diện tích 15.972 m<sup>2</sup> với 09 hộ tham gia, kết quả cây trồng phát triển tốt cho năng suất khá cao đạt hiệu quả kinh tế.

#### **\* Lâm nghiệp:**

Tổng diện tích đất lâm nghiệp là 9.381,37 ha; trong đó đất rừng sản xuất 1345,36 ha; đất rừng phòng hộ là 2357,08 ha; đất rừng đặc dụng là 5678,93 ha;

Ban Lâm nghiệp xã và các ban, ngành liên quan phối hợp với các Trạm Kiểm lâm đóng trên địa bàn xã đi kiểm tra, truy quét các đối tượng khai thác lâm sản trái phép trên địa bàn. Thường xuyên nắm bắt ngăn chặn các đối tượng khai thác và vận chuyển lâm sản, Tuyên truyền vận động nhân dân giao nộp súng săn, tuyên truyền công tác quản lý và bảo vệ rừng, và phòng cháy chữa cháy rừng. Trong năm phối hợp với BQL rừng đặc dụng phòng hộ tuyên truyền 04 buổi với 300 lượt người tham gia nghe tuyên truyền. Sảy ra 01 vụ cháy thực bì rừng tại xóm Kim Sơn với diện tích 0,3 ha tại tiểu khu 84, khoảng 12, lô 1, lực lượng chữa cháy đã triển khai với 27 người tham gia đã tham gia khống chế và dập tắt hoàn toàn. Tạm giữ tang vật 7200 kg gỗ nghiến tạp dạng bìa đã chuyển cơ quan thẩm quyền xử lý, trên địa bàn có 03 cơ sở chế biến lâm sản (lò đốt than củi từ gỗ rừng trồng, gỗ vườn nhà, cây trồng phân tán). Hoạt động nuôi nhốt động vật hoang dã: Có 04 cơ sở nuôi Dúi quy mô hộ gia đình với > 1000 cá thể.

Tiến hành kiểm tra theo phản ánh của công dân về việc xây dựng lò đốt than hoạt động đốt than trái phép tại xã Thần Sa (đình chỉ 03 lò đốt than xây dựng trái phép tại xóm Ngọc Sơn II).

- Trồng rừng tập trung theo Dự án: 11,5 ha
- Trồng rừng sản xuất: 1,03 ha
- Trồng rừng do người dân tự bỏ vốn trồng: 4,80 ha.(Trong đó trồng mới: 0ha ha; Sau khai thác: 4,80ha ha);
- Trồng cây phân tán 3.071 cây

#### **\* Chăn nuôi:**

Tổng đàn gia súc, gia cầm tính đến quý IV năm 2022 như sau: Đàn trâu: 420/350 đạt 120%, Đàn bò: 336/250 đạt 134%, Đàn lợn: 610/500 đạt 122%, Gia cầm: 12.765/15.000 đạt 85%.

#### **\* Thủy sản**

- Các khu nuôi trồng thủy sản xuất hiện manh mún trong các hộ gia đình, chủ yếu là sản xuất nhỏ lẻ hình thức hộ gia đình; người dân cũng bắt đầu thử nghiệm nuôi cá nước lạnh và ban đầu có tín hiệu khả quan trong hướng đi mới.

### **2.4.2. Lĩnh vực phi nông nghiệp**

#### **Công tác phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp**

Tăng cường hỗ trợ các thành phần kinh tế vừa tháo gỡ khó khăn, phục hồi phát triển sản xuất, kinh doanh, vừa bảo đảm công tác phòng, chống dịch covid-19, gắn với phát triển các thành phần kinh tế.

Công ty CP Đầu tư xây dựng và Khai thác khoáng sản Thăng Long với Mỏ vàng Bản Ná, Khắc Kiệm và Nam Khắc Kiệm; Công ty CP Đầu tư thương mại Thủ đô Gió Ngàn với Mỏ vàng Bãi Mỏ, xóm Thượng Kim và khu vực Đèo Căng, xóm Trung Sơn.

Đánh giá chung: Trên địa bàn xã đã hình thành các cơ sở sản xuất khai thác vật liệu xây dựng, tiểu thủ công nghiệp chủ yếu là chế biến gỗ hoạt động nhỏ lẻ không tập trung. Ngoài ra trên địa bàn xã còn có các doanh nghiệp khai thác khoáng sản quy mô lớn.



### **2.4.3. Về thương mại dịch vụ**

Xã hiện chưa có chợ. Hiện nay trên địa bàn xã có 18 hộ kinh doanh cá thể, trong đó chủ yếu kinh doanh vật liệu xây dựng, thức ăn chăn nuôi, hàng tạp hóa, dịch vụ ăn uống, nhìn chung ngành thương mại dịch vụ đã đáp ứng cơ bản hàng hóa, dịch vụ phục vụ cho nhu cầu đời sống và sinh hoạt của nhân dân.

Các hộ kinh doanh đã chủ động khắc phục các khó khăn, hàng hóa trên thị trường phong phú và đa dạng, đáp ứng nhu cầu của người dân, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất.

Đánh giá chung: các hộ kinh doanh chủ yếu tập chung ở trực đường chính hình thức buôn bán nhỏ lẻ chủ yếu kết hợp nhà ở.

### **2.5. Hiện trạng sử dụng và biến động từng loại đất**

Thực trạng quản lý sử dụng đất nông nghiệp nói chung trong những năm qua đã có chuyển biến tích cực. Với việc giao đất ổn định lâu dài cho hộ gia đình cá nhân; Công khai Quyết định số 141/QĐ-UBND ngày 18/01/2022 của UBND huyện Võ Nhai về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho 80 hộ gia đình tại xã Thân Sa, huyện Võ Nhai, và bàn giao quy định đến các hộ dân có 60/80 hộ nhận bàn giao.

Tuyên truyền các hộ dân di chuyển mồ mã có nguy cơ sạt lở trong mùa mưa bão nằm trong dự án Mỏ vàng sa khoáng Khắc Kiệm.

Rà soát báo cáo các dự án có chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, đất lâm nghiệp sang mục đích khác trên địa bàn xã.

Báo cáo danh sách hộ dân có nhà ở nằm trong quy hoạch rừng đặc dụng trên địa bàn xã Thân Sa, huyện Võ Nhai.

Phối hợp với Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Võ Nhai đo đạc điểm dân cư xóm Xuyên Sơn,... đã làm cho việc quản lý đất đai tại địa phương ngày càng chặt chẽ, đảm bảo đúng pháp luật. Qua đó đã giúp cho người dân yên tâm đầu tư sản xuất, đẩy mạnh thâm canh tăng vụ nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Các mô hình sản xuất có hiệu quả kinh tế cao như trồng rau, hoa, cây cảnh, cây ăn quả đặc sản,... xuất hiện ngày càng nhiều, góp phần sử dụng tiết kiệm, hiệu quả đất đai, tăng nguồn thu cho ngân sách, phát triển kinh tế của địa phương, giữ vững trật tự an toàn xã hội và cải thiện đời sống của người dân.

Bên cạnh đó, thực trạng quản lý sử dụng đất nông nghiệp trong những năm qua còn nhiều tồn tại bất cập đó là: Khu vực sản xuất nông nghiệp chủ yếu là tại các vùng có địa hình sườn dốc, gây khó khăn cho việc canh tác; cây Chè, chủ yếu trồng trên các sườn đồi có địa hình dốc, địa hình đồi cao khiến cho nhân dân gặp khó khăn trong canh tác, sản xuất, cũng như thu hoạch.

#### **2.5.1. Hiện trạng sử dụng đất**

- Tổng diện tích đất theo ranh giới hành chính:  $S = 10.224,19\text{Ha}$
- + Đất nông nghiệp: Diện tích 9874,34 ha, chiếm 96,58% tổng diện tích tự nhiên toàn xã;
- + Đất xây dựng: Diện tích 288,41 ha, chiếm 2,82% tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã;
- + Đất khác: Diện tích 61,44 ha, chiếm 0,60% tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã.
- Cụ thể từng loại đất như sau:

**Bảng tổng hợp hiện trạng sử dụng đất**

<b>STT</b>	<b>MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT</b>	<b>HIỆN TRẠNG (HA)</b>	<b>TỶ LỆ (%)</b>
<b>1</b>	<b>ĐẤT NÔNG NGHIỆP</b>	<b>9874.34</b>	<b>96.58%</b>
<i>1.1</i>	<i>Đất sản xuất nông nghiệp</i>	<i>484.92</i>	<i>4.74%</i>
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	369.36	3.61%
1.1.1.1	Đất trồng lúa	225.69	2.21%
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	143.67	1.41%
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	115.56	1.13%
<i>1.2</i>	<i>Đất lâm nghiệp</i>	<i>9381.37</i>	<i>91.76%</i>
1.2.1	Đất rừng sản xuất	1345.36	13.16%
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	2357.08	23.05%
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	5678.93	55.54%
<i>1.3</i>	<i>Đất nuôi trồng thủy sản</i>	<i>8.05</i>	<i>0.08%</i>
<i>1.4</i>	<i>Đất chăn nuôi tập trung</i>		
<b>2</b>	<b>ĐẤT XÂY DỰNG</b>	<b>288.41</b>	<b>2.82%</b>
<i>2.1</i>	<i>Đất ở</i>	<i>22.07</i>	<i>0.22%</i>
<i>2.2</i>	<i>Đất công cộng</i>	<i>3.80</i>	<i>0.04%</i>
<i>2.3</i>	<i>Đất cây xanh, thể dục, thể thao</i>		
<i>2.4</i>	<i>Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền</i>	<i>6.35</i>	<i>0.06%</i>
<i>2.5</i>	<i>Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề</i>	<i>0.01</i>	<i>0.00%</i>
<i>2.6</i>	<i>Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng</i>	<i>209.77</i>	<i>2.05%</i>
<i>2.7</i>	<i>Đất xây dựng các chức năng khác</i>		
<i>2.8</i>	<i>Đất hạ tầng kỹ thuật</i>	<i>41.83</i>	<i>0.41%</i>
2.8.1	Đất giao thông	39.68	0.39%
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn		
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2.15	0.02%

2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác		
<b>2.9</b>	<b>Đất hạ tầng phục vụ sản xuất</b>	<b>4.57</b>	<b>0.04%</b>
<b>2.10</b>	<b>Đất quốc phòng, an ninh</b>		
<b>3</b>	<b>ĐẤT KHÁC</b>	<b>61.44</b>	<b>0.60%</b>
<b>3.1</b>	<b>Đất sông ngòi, kênh rạch, suối &amp; mặt nước chuyên dùng</b>	<b>61.44</b>	<b>0.60%</b>
<b>3.2</b>	<b>Đất chưa sử dụng</b>		
<b>TỔNG DIỆN TÍCH ĐẤT</b>		<b>10224.19</b>	<b>100.00%</b>

### 2.5.2. Biến động từng loại đất

Cơ cấu sử dụng đất trong xã đất nông nghiệp chiếm cơ bản diện tích đất tự nhiên trong xã, trong đó đất rừng là chủ yếu còn một số ít là đất màu để trồng lúa nước và một số cây màu. Đất chưa sử dụng trong xã còn khá nhỏ, hầu hết là núi đá, hốc, khe không có giá trị sử dụng.

(1) Thực trạng hiện nay đất ở có nhu cầu tăng do nhu cầu của người dân tại các xóm, các dự án khai thác khoáng sản có thu hồi phần đất ở, các khu vực di dời chỗ ở của người dân tại những khu vực có nguy cơ sạt lở do mưa bão.

(2) Một phần diện tích đất lâm nghiệp (đất rừng sản xuất) đã được chuyển đổi sang trồng cây lâu năm, nhưng chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đất rừng đặc dụng sang đất rừng sản xuất.

(3) Hiện nay một số diện tích đất lúa đã được chuyển sang đất trồng cây lâu năm (chủ yếu trồng cây ăn quả), nhưng được chưa chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

(4) Một số hộ dân sinh sống hai bên các trục đường liên xã và các trục đường liên thôn... đã chuyển diện tích đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm sang đất ở nông thôn.

Đánh giá chung: Biến động tăng về đất trồng cây lâu năm trong đó cây chè và cây ăn quả, chủ yếu biến động tăng về đất ở nông thôn, đất hạ tầng kỹ thuật. Đất khai thác khoáng sản. Biến động giảm đối với đất lâm nghiệp.

### 2.5.3 Những vấn đề tồn tại trong việc sử dụng đất đai

Trong những năm qua tình hình quản lý đất đai trên địa bàn xã Thành Sa đã dần đi vào ổn định, nề nếp. Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật làm cơ sở để thực hiện giao đất, cho thuê đất, cho chuyển mục đích sử dụng đất tại địa phương. Công tác thống kê, kiểm kê đất đai được thực hiện theo đúng quy định. Công tác giải quyết đơn thư tranh chấp đất đai được quan tâm giải quyết không để tồn đọng, thường xuyên kết hợp với các bộ phận chuyên môn và các thôn nắm tình hình quản lý sử dụng đất tại địa bàn nổi cộm về việc sử dụng đất đai để kịp thời phối hợp với huyện giải quyết theo đúng quy định.

Thường xuyên tổ chức các đợt thanh tra, kiểm tra tình hình hoạt động cũng như tình hình sử dụng đất của các cá nhân, tổ chức được giao, cho thuê đất, kịp thời phát hiện các trường hợp sử dụng đất sai mục đích, xây dựng công trình trái phép trên đất nông nghiệp...để kịp thời xử lý. Công tác quản lý và giám sát việc thực hiện quyền và

nghĩa vụ của người sử dụng đất ngày càng được quan tâm và thực hiện nghiêm túc theo đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên công tác đo đạc lập bản đồ được thực hiện từ nhiều năm trước, nên có nhiều sự thay đổi về quy trình, quy chuẩn và phương pháp đo đạc. Bên cạnh đó, tỷ lệ bản đồ lớn (1/10.000), nên dẫn đến sự sai khác và biến động của bản đồ so với thực trạng ngoài thực địa là rất lớn, một số khu vực chưa được đo vẽ cập nhật gây khó khăn cho việc số hóa, lưu trữ. Việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của Pháp luật, nhưng việc triển khai thực hiện quy hoạch một số công trình còn chậm do thiếu nguồn vốn chưa được đầu tư dẫn đến quy hoạch treo. Đó cũng là những nguyên nhân dẫn đến khó khăn trong việc quản lý sử dụng đất.

## **2.6. Hiện trạng về nhà ở, công trình công cộng, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng phục vụ sản xuất, môi trường, các công trình di tích, danh lam, thắng cảnh du lịch.**

### **2.6.1. Hiện trạng về nhà ở**

- Toàn xã có 637 hộ = 637 nhà ở dân cư

- Trong những năm qua, nhà ở dân cư trên địa bàn xã Thần Sa cơ bản là do các hộ gia đình tự đầu tư xây dựng, một số ít được hỗ trợ từ nguồn vốn nhà nước, doanh nghiệp, xã hội hóa; cụ thể như sau:

- Nhà tạm, dột nát: 20 hộ

- Nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố: 521 hộ đạt 81,78%



*Hình 2.1. Nhà ở điển hình*

Đánh giá chung:

Nhà ở nông thôn truyền thống: trên địa bàn xã còn giữ được nhiều nhà ở nông thôn truyền thống. Chủ yếu là nhà vườn, nhà sàn, diện tích 600 - 800m<sup>2</sup> xây dựng bằng vật liệu gạch gỗ, mái ngói.

## 2.6.2. Hiện trạng công trình công cộng

### (1) Trụ sở Ủy ban nhân dân xã:

Trụ sở nhà Ủy ban đặt tại thôn Trung Tâm với tổng diện tích đất  $S=2728m^2$ . Diện tích xây dựng:  $350m^2$ .



Hình 2.5. Hiện trạng trụ sở Ủy ban nhân dân xã

Đánh giá chung: Tuy trụ sở Ủy ban nhân dân xã về cơ sở vật chất hiện nay cơ bản đáp ứng được nhu cầu sử dụng, tuy nhiên do việc bố trí quy hoạch các công trình trên phần diện tích hiện có dẫn tới trong thời gian tới không thể bố trí xây dựng các công trình mới trên phần diện tích hiện có. Dự kiến trong kỳ điều chỉnh quy hoạch này sẽ điều chỉnh khối cơ quan xã sang vị trí mới.

### (2) Cơ sở trường học

Xã Thần Sa gồm 3 trường: 01 trường Mầm non, 01 trường Tiểu học, 01 trường Phổ thông dân tộc bán trú THCS Thần Sa.

Stt	Thể loại	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Vị trí XD (xóm)	Giáo Viên - Học Sinh	Hiện trạng	
					năm xd/số phòng/tầng cao	
1	<b>Trường Mầm Non</b>					
	Trường Mầm Non Thần Sa	1.852	Trung Sơn	34 - 160	XD năm:	2006
					Số Phòng	11
					Tầng cao	2
2	<b>Trường Tiểu học</b>					
	Trường tiểu học	9.609,0	Trung Sơn	42 - 285	XD năm:	2002
					Số Phòng	26
					Tầng cao	2
3	<b>Trường Trung học cơ sở</b>					
	Trường THCS	6.660,7	Kim Sơn	15 - 107	XD năm:	2002
					Số phòng:	15
					Tầng cao:	2

STT	Hạng mục công trình	Vị trí xây dựng	Diện tích	Ghi chú
			(m <sup>2</sup> )	
1	Trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Thần Sa	Kim Sơn	6.660,7	
2	Trường Tiểu học Thần Sa	Trung Sơn	9.609,0	
3	Trường Mầm non Thần Sa	Trung Sơn	1.852,0	
4	Phân trường tiểu học Hạ Sơn	Hạ Sơn Dao	2.400,0	
5	Phân trường mầm non Hạ Sơn	Hạ Sơn Dao		
6	Phân trường tiểu học Ngọc Sơn I	Ngọc Sơn I	972,0	
7	Phân trường mầm non Ngọc Sơn I	Ngọc Sơn I	321,0	
8	Phân trường tiểu học Ngọc Sơn II	Ngọc Sơn II	470,0	
15	Phân trường mầm non Ngọc Sơn II	Ngọc Sơn II	1.206,0	
9	Phân trường tiểu học Tân Kim	Tân Kim	1.994,1	
12	Phân trường mầm non Tân Kim	Tân Kim		
11	Phân trường tiểu học Xuyên Sơn	Xuyên Sơn	734,1	
13	Phân trường mầm non Xuyên Sơn	Xuyên Sơn		
16	Phân trường mầm non Thượng Kim	Thượng Kim		Học nhờ nhà văn hóa
10	Phân trường tiểu học Thượng Kim	Thượng Kim	1511,2	



Hình 2.2. Hiện trạng trường Tiểu học & Mầm non Thần Sa

Đánh giá chung: Cơ sở vật chất nhìn chung cơ bản đảm bảo cho công tác giảng dạy và học tập.

### (3) Công trình văn hóa thể thao

a. Nhà văn hóa xã: Nhà văn hóa xã nằm trong khuôn viên UBND xã tại xóm Kim Sơn, Diện tích xây dựng 340m<sup>2</sup>.

b. Nhà văn hóa thôn: Đến nay xã Thần Sa có 09/09 thôn đã xây dựng được nhà văn hóa, với đầy đủ tầng âm, loa đài, bàn ghế, đã đáp ứng một phần nhu cầu hội họp và tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao của thôn. Hiện tại ở các thôn chưa có khu thể thao.

### HIỆN TRẠNG NHÀ VĂN HOÁ, KHU THỂ THAO XÃ

TT	Hạng mục	Hiện trạng	Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Diện tích xây dựng (m <sup>2</sup> )
<b>I</b>	<b>Nhà văn hóa xã (Trung tâm văn hóa xã)</b>	<b>Tốt</b>	<b>2.780</b>	<b>340</b>
<b>II</b>	<b>Vị trí nhà văn hóa các xóm</b>			
1	Xóm Kim Sơn	Tốt	119,2	100
2	Xóm Trung Sơn	Tốt, không còn đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng	188,2	96
3	Xóm Ngọc Sơn I	Tốt	202,9	102,9
4	Xóm Ngọc Sơn II	Tốt	204	104
5	Xóm Xuyên Sơn	Tốt	104	104
6	Xóm Hạ Sơn Tày	Tốt	200	100
7	Xóm Hạ Sơn Dao	Tốt	200	100
8	Xóm Tân Kim	Tốt	197	117
9	Xóm Thượng Kim	Tốt	200	100

c) Các Công trình văn hóa, tôn giáo, tín ngưỡng

- Đài tưởng niệm liệt sỹ xã đã được xây dựng tại vị trí giáp trường PTDT-BT-THCS Thần Sa, diện tích 211,4m<sup>2</sup>. Tuy nhiên do vị trí xây dựng bị xen kẹt giữa các hộ dân nên công trình không đảm bảo được tính nghiêm trang vốn có.

- Các xóm trên địa bàn xã đa phần đều có công trình Đình Làng, nhà nguyện phục vụ nhu cầu đi lễ của người dân trên địa bàn;

Đánh giá chung: Các thiết chế văn hóa, thể thao đã phát huy được hiệu quả, tạo điều kiện để mọi tầng lớp nhân dân được hưởng thụ và tham gia các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần, thể chất, đảm bảo sức khỏe cho người dân. Tuy nhiên cơ sở vật chất mới chỉ đảm bảo ở quy mô nhỏ chưa đảm bảo cho các hoạt động lễ hội cũng như tổ chức các sự kiện quy mô lớn cấp xã. Cần quy hoạch và đầu tư xây dựng các hạng mục còn thiếu cũng như mở rộng diện tích một số điểm theo nhu cầu thực tế của người dân.

**(4) Chợ nông thôn:** Hiện nay trên địa bàn xã chưa có chợ.

Đánh giá chung: Cần đầu tư xây dựng chợ trung tâm xã làm nơi giao thương, trao đổi, mua bán các mặt hàng thực phẩm thiết yếu, các sản phẩm nông lâm sản của nhân dân trên địa bàn xã.

#### **(5) Bưu điện văn hóa xã:**

Trên địa bàn xã hiện có điểm bưu điện văn hóa được xây dựng từ lâu tại xóm Kim Sơn, hiện nay bưu điện hoạt động theo mô hình đa dịch vụ, phục vụ nhân dân như chuyển tiền, thu hộ, chi hộ, bảo hiểm, bưu chính, chuyển phát, phát hành báo chí, cung ứng hoàng hóa...đảm bảo chất lượng dịch vụ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Quy mô xây dựng 1 tầng, DT xây dựng 42 m<sup>2</sup>. Diện tích khu đất xây dựng 162m<sup>2</sup>



*Hình 2.3. Hiện trạng Bưu điện văn hóa xã*

Đánh giá chung: Các thôn trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại cố định mặt đất, thông tin di động mặt đất. 100% thôn trên địa bàn xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy cập Internet băng thông rộng cố định mặt đất và mạng viễn thông di động mặt đất. Xong xét về lâu dài cần đầu tư xây dựng nhà bưu điện mới cho khang trang đảm bảo nhu cầu sử dụng.

#### **(6) Cơ sở y tế:**

- Trạm y tế xã đã được đầu tư mới 1 nhà trạm 2 tầng với đầy đủ các phòng chức năng vào năm 2020.





*Hình 2.4. Hiện trạng trạm y tế xã*

Đánh giá chung: Cơ sở vật chất đạt chuẩn, trang thiết bị y tế cơ bản đảm bảo danh mục theo quy định, đảm bảo đáp ứng đủ thuốc phòng bệnh, thuốc chữa bệnh và thuốc cấp cứu tại các trạm y tế.

### **2.6.3. Hiện trạng danh lam, thắng cảnh du lịch**

Thần Sa có di chỉ khảo cổ Bãi đá Ngườm, Khu khảo cổ Thần Sa, Phiêng Tung, khu bảo tồn thiên nhiên Thần Sa- Phượng Hoàng, Khu du lịch Bản Ná, Điểm du lịch sinh thái Thác Mưa rơi, Điểm du lịch sinh thái thác Bảy tầng với những cánh đồng lúa và các khe, thác, đất lớn là thắng cảnh thu hút du lịch trải nghiệm. Ngoài ra mô hình canh tác nông nghiệp trên địa bàn xã cũng thu hút lượng lớn khách du lịch theo mô hình du lịch cộng đồng.

Đánh giá chung: Hiện nay việc đầu tư phát triển các loại hình kinh doanh dịch vụ, thương mại du lịch gắn với danh lam, thắng cảnh du lịch còn nhỏ lẻ, tự phát chưa có định hướng lâu dài, chưa được quy hoạch và kêu gọi đầu tư quy mô tương xứng với tiềm năng cảnh quan trên địa bàn xã.

### **2.6.4. Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật**

(1) Giao thông:

- Hiện trạng hệ thống giao thông của xã

STT	Tên tuyến	Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (Km)	Bề rộng (m)		Kết cấu mặt đường (Km)				
					Nền	Mặt	BT XM	BT N	Láng nhựa	Cấp phối	Đất
<b>A</b>	<b>Đường huyện</b>										
<b>B</b>	<b>Đường liên xã, xã</b>			<b>23</b>			<b>11</b>	<b>0</b>	<b>12</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
1	Đường đi xã Thần Sa	Nga ba Nước Hai	Trung tâm xã	5.6	4-6	3	0.0	0.0	5.6	0.0	0.0
2	Đường từ trung tâm xã đi xóm Ngọc Sơn 2	Trung tâm xã	Ngã ba Suối Phung	6.4	3,5-5	3	0.0	0.0	6.4	0.0	0.0
3	Đường từ trung tâm xã đi Văn Lãng, Đồng Hỷ	Trung tâm xã	Văn Lãng, Đồng Hỷ	5.2	3,5-5	3	5.2	0.0	0.0	0.0	0.0
4	Đường từ xóm Tân Kim đi Như Cốc, Bắc Kạn	Đường xã	xã Như Cốc, Chợ Mới, Bắc Kạn	2	4		2.0	0.0	0.0	0.0	0.0
5	Đường đi xóm Tân Kim	Ngã ba Suối Phung	xóm Tân Kim	3.8	3,5-5	3	3.8	0.0	0.0	0.0	0.0
<b>C</b>	<b>Đường trục xóm, liên xóm</b>			<b>29.13</b>			<b>20.5</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>8.6</b>
1	Đường đi xóm Ngọc Sơn 2	Ngã ba Suối Phung	Xóm Ngọc Sơn 2	2.9	3,5 - 4	3	2.9	0.0	0.0	0.0	0.0
2	Đường đi xóm Xuyên Sơn	Ngã ba Suối Phung	Xóm Xuyên Sơn	4.8	3 - 4	0	4.8	0.0	0.0	0.0	0.0
3	Đường đi xóm Hạ Sơn Tày	Cầu treo xóm Hạ Sơn Tày	Xóm Hạ Sơn Tày	1.55	3.5	3	1.55	0.0	0.0	0.0	0.0
4	Đường từ Tân Kim đi xóm Thượng Kim	Xóm Tân Kim	Xóm Thượng Kim	4	3-5		0.0	0.0	0.0	0.0	4.0
5	Đường theo Khe Nước Đục đi xóm Thượng Kim	Xóm Xuyên Sơn	Xóm Thượng Kim	4	3-5		0.0	0.0	0.0	0.0	4.0
6	Đường trục xóm Kim Sơn	Cầu treo Trung Kim Sơn	Đường xã	1.7	3	2	1.7	0.0	0.0	0.0	0.0
7	Đường vào Lũng Mông, xóm Ngọc Sơn I	Trung tâm xóm Ngọc Sơn I	Lũng Mông	1.2	3 - 4	2	1.20	0.0	0.0	0.0	0.0
8	Đường xóm Hạ Sơn Dao	Đường đi Văn Lãng	xóm Hạ Sơn Dao	0.9	3	2.5	0.90	0.0	0.0	0.0	0.0
9	Đường từ xóm Trung Sơn đi xóm Xuyên Sơn	Xóm Trung Sơn	Xóm Xuyên Sơn	1.8	3 - 5		1.2	0.0	0.0	0.0	0.6
10	Đường đi xóm Tân Kim	Ngã ba Suối Phung	Xóm Tân Kim	4.4	3,5 - 4	3	4.4	0.0	0.0	0.0	0.0
11	Đường xóm Trung Sơn	Đường xã	xóm Trung Sơn	1.88	3	2.5	1.88	0.0	0.0	0.0	0.0

<b>D</b>	<b>Đường ngõ xóm</b>			<b>32.97</b>			<b>27.48</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>5.48</b>
1	Đường ngõ xóm Kim Sơn	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3.2	2 - 3	1,5 - 2	3.20	0	0	0	0.00
2	Đường ngõ xóm Trung Sơn	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	4.6	2 - 3	1,5 - 2	4.60	0	0	0	0.00
3	Đường ngõ xóm Hạ Sơn Tây	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3.7	2 - 3	1,5 - 2	3.37	0	0	0	0.33
4	Đường ngõ xóm Hạ Sơn Dao	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3.8	2 - 3	1,5 - 2	3.30	0	0	0	0.50
5	Đường ngõ xóm Ngọc Sơn I	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3.9	2 - 3	1,5 - 2	3.90	0	0	0	0.00
6	Đường ngõ xóm Ngọc Sơn 2	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	4.67	2 - 3	1,5 - 2	4.67	0	0	0	0.00
7	Đường ngõ xóm Xuyên Sơn	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3.8	2 - 3	1,5 - 2	3.60	0	0	0	0.20
8	Đường ngõ xóm Tân Kim	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	2	2 - 3	1,5 - 2	0.00	0	0	0	2.00
9	Đường ngõ xóm Thượng Kim	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3.3	2 - 3	1,5 - 2	0.8	0.0	0.0	0.0	2.46
<b>Đ</b>	<b>Đường trục chính nội đồng</b>			<b>2.5</b>			<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.5</b>
	Đường nội đồng xóm Ngọc Sơn I	Đường xã	Ra cánh đồng xóm Ngọc Sơn I	1	1-2		0.00	0	0	0	1
	Đường nội đồng xóm Kim Sơn	Đường xóm	Ra cánh đồng xóm Kim Sơn	0.4	1-2		0.00	0	0	0	0.4
	Đường nội đồng xóm Trung Sơn	Đường xóm	Cánh đồng xóm Trung Sơn	1.1	1-2		0.00	0	0	0	1.1

Nhìn chung Thần Sa là một xã khó khăn về giao thông do điểm đầu cuối của trục xã thông ra các địa phương khác đều phải đi qua suối, cầu tạm, ngoài đoạn đường Nước Hai - Thần Sa – Văn Lãng mới được sửa chữa thảm nhựa, còn lại tất cả các tuyến đường khác đều đã xuống cấp trầm trọng, vào mùa mưa mặt đường lầy lội xuất hiện nhiều ô voi, ô gà gây khó khăn cho việc đi lại và vận chuyển nông sản của người dân. Đặc biệt xóm Tân Kim, hiện trạng mặt đường giao thông cũng chính là lòng suối, vào mùa mưa nước suối dâng lên việc đi lại hầu như không thể thực hiện;

a. Trục giao thông đối ngoại

- Trục giao thông nước Hai đi qua trung tâm xã đi Văn Lãng – huyện Đồng Hỷ có chiều dài toàn tuyến là 10,8km có kết cấu mặt đường trải nhựa, nền đường rộng 5-6m; mặt đường 3,5-4m



*Hình 2.6. Hiện trạng tuyến đường Nước Hai- trung tâm xã*

b. Giao thông đối nội:

- Các tuyến đường trục thôn, liên thôn: Có 14 tuyến đường với tổng chiều dài 30,63 km., Bê tông hóa đạt 20,5/30,63km, còn lại là đường đất và cấp phối

Đánh giá chung: Đường chính là đường Nước Hai -Trung tâm xã -Văn Lãng đi qua xã, các tuyến đường trục thôn, liên thôn B<sub>mặt</sub>=3,0m và B<sub>nền</sub>=5,0m Bê tông hóa 67,04%. Tuy nhiên do được đầu tư xây dựng theo từng giai đoạn nên hiện nay một số khu vực đã hư hỏng, xuống cấp. Mặt khác do sự phát triển với tốc độ nhanh cộng thêm nhu cầu đi lại, chiều rộng tuyến đường trên đã hiện hữu phần nào bất cập về chiều rộng nền đường và mặt đường. Ngoài ra đường liên thôn và nội thôn đã cơ bản được cứng hóa xong cũng chịu ảnh hưởng từ những bất cập nêu trên.

(2) Hệ thống điện sinh hoạt và chiếu sáng

a. Hệ thống điện sinh hoạt.

Hệ thống điện trên địa bàn xã được nhà nước đầu tư đạt chuẩn theo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện, số trạm hạ thế đường 04 kw là: 11 trạm, với các trạm có công suất 50 kVA ÷ 180 kVA, tổng công suất đặt của các trạm là 1010kVA.

- Tỷ lệ hộ sử dụng điện an toàn thường xuyên: 637 hộ/637hộ đạt 100%, góp phần nâng cao đời sống sinh hoạt cho nhân dân trên địa bàn xã.

- Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của ngành điện,

b. Hệ thống điện chiếu sáng

Chưa có mạng lưới chiếu sáng đường giao thông.

STT	Tên Trạm	Công Suất	Vị trí
<b>I</b>	<b>Các trạm biến áp hiện có</b>		
1	Trạm Ngọc Sơn 2	50KVA	Ngã 3 Suối Phung, xóm Ngọc Sơn 2
2	Trạm Ngọc Sơn 1	50KVA	Xóm Ngọc Sơn 1
3	Trạm Làng Lớn	100KVA	Xóm Trung Sơn
4	Trạm Hạ Sơn Dao	50KVA	Xóm Hạ Sơn Dao
5	Trạm Hạ Kim	75KVA	Xóm Thượng Kim
6	Trạm UB Thần Sa	180KVA	Xóm Kim Sơn
7	Trạm Tân Kim	100KVA	Xóm Tân Kim
8	Trạm Hạ Kim	75KVA	Xóm Thượng Kim
9	Trạm UB Thần Sa	180KVA	Xóm Kim Sơn
10	Trạm Tân Kim	100KVA	Xóm Tân Kim
11	Trạm Hạ Sơn Dao	50KVA	Xóm Hạ Sơn Dao



*Hình 2.7. Hiện trạng trạm biến áp trên địa bàn xã*

Đánh giá chung: Hệ thống điện chiếu sáng hoàn chỉnh theo đồ án quy hoạch nông thôn mới giai đoạn 2011-2020.

### (3) Hệ thống thoát nước mặt và cấp nước sinh hoạt

a. Hệ thống thoát nước mặt: Trên địa bàn xã chưa có hệ thống thoát nước hoàn chỉnh, tự thấm, thoát theo địa hình và ra các con suối. Hệ thống thoát nước tại các cụm dân cư chưa có, tự thấm, thoát theo suối.

b. Cấp nước sinh hoạt: Hiện nay trên địa bàn xã có 07 công trình cấp nước sinh hoạt, còn lại chủ yếu dùng nước giếng khoan, đào. Số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh là 637/637 hộ, đạt 100% hộ dân sử dụng nước sạch theo quy định.

#### HIỆN TRẠNG CÔNG TRÌNH CẤP NƯỚC SINH HOẠT

STT	Tên Trạm	Công Suất	Vị trí	Ghi Chú
<b>I</b>	<b>Các công trình cấp nước hiện có</b>			
1	Cấp nước sinh hoạt xóm Trung Kim Sơn	500	Xóm Trung Sơn	Không đáp ứng nhu cầu SD
2	Cấp nước sinh hoạt xóm Xuyên Sơn	300	Xóm Xuyên Sơn	Đã xuống cấp
3	Cấp nước sinh hoạt xóm Thượng Kim	120	Xóm Thượng Kim	Đã xuống cấp
4	Cấp nước sinh hoạt xóm Ngọc Sơn I	230	Xóm Ngọc Sơn I	Được nâng cấp năm 2020
5	Cấp nước sinh hoạt xóm Ngọc Sơn II	230	Xóm Ngọc Sơn 2	Đã hư hỏng xuống cấp
6	Cấp nước sinh hoạt xóm Hạ Sơn Dao	300	Xóm Hạ Sơn Dao	Đã hư hỏng
7	Cấp nước sinh hoạt xóm Tân Kim	300 (2017)	Xóm Tân Kim	

Đánh giá chung: Khả năng diễn ra nguy cơ về bão lũ, sạt lở cao, cần có biện pháp đề phòng lũ cuốn, sạt lở tại các vị trí như ven đồi, ven suối...

### (4) Hệ thống xử lý rác thải:

a. Chất thải rắn sinh hoạt: Hiện tại xã chưa có hệ thống thu gom xử lý chất thải rắn, phần lớn chất thải đã sử dụng được lấp tại chỗ hoặc được phân huỷ tự nhiên tại các khu vực đất trống.

Rác thải sinh hoạt của người dân hầu hết là do dân tự xử lý bằng cách chôn lấp quanh vườn nhà và đổ ra những khu vực trũng gây mất vệ sinh tại một số khu vực.

b. Chất thải y tế: Chất thải y tế nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ và vận chuyển về khu xử lý theo tiêu chuẩn của ngành. Riêng chất thải sắc nhọn có hệ thống tiêu hủy trước khi đưa đi đốt. Nước thải y tế (gồm cả nước thải sinh hoạt) được xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn và được khử trùng bằng Cloramin B trước khi thải ra ngoài môi trường.

c. Chất thải nông nghiệp: Hiện nay, diện tích đất trồng cây lâu năm của xã là S=115,56 ha và diện tích đất trồng cây hàng năm là S=369,36 ha. Trên địa bàn xã đã

đầu tư xây dựng các bể thu gom vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được đặt trên các cánh đồng lớn để cho nhân dân thu gom lưu chứa các loại chai lọ, bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh tại các cánh đồng. Các loại chai lọ, bao gói thuốc bảo vệ thực vật phát sinh tại các cánh đồng được người dân thu gom tự đốt.

d. Chất thải rắn chăn nuôi: Ngoài chất thải sinh hoạt của con người, trong khu vực còn có rác thải do chăn nuôi gia súc gia cầm. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt 67,74% (409/604 hộ).

e. Chất thải rắn công nghiệp: Đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh trên địa bàn xã cho thấy, do đặc thù loại hình, ngành nghề sản xuất trên địa bàn xã, chất thải rắn công nghiệp phát sinh chủ yếu từ các hộ gia đình sản xuất, chế biến gỗ rừng trồng (đầu mẩu gỗ thừa, vỏ cây, mùn cưa,...). Các loại chất thải này đều được thu gom, bán cho các tổ chức, cá nhân thu mua, không đốt tại các cơ sở.

Đánh giá chung: Xét về mặt tổng quan đối với việc xử lý rác thải trên bàn xã mang tính chất lỏng lẻo, dẫn đến hiện tượng bãi rác tự phát cạnh ... Nếu không có biện pháp xử lý sớm, các loại rác này đang được thải ra môi trường trên địa bàn xã mỗi ngày mà phần lớn là chưa qua xử lý, hoặc xử lý không đạt tiêu chuẩn, gây ô nhiễm môi trường.

(5) Hệ thống thông tin liên lạc, điện thoại, mạng internet...

a. Điểm bưu điện văn hóa xã Thân Sa tại xóm Kim Sơn. Điểm phục vụ bưu chính có mặt bằng phù hợp. Hiện nay Bưu điện hoạt động theo mô hình đa dịch vụ, có đầy đủ các dịch vụ phục vụ nhân dân như chuyển tiền, thu hộ, chi hộ, bảo hiểm, bưu chính chuyển phát, phát hành báo chí, cung ứng hoàng hóa... đảm bảo chất lượng dịch vụ và phù hợp với quy định của pháp luật.

a. Xã có 01 điểm dịch vụ viễn thông và Internet phủ sóng 09/09 thôn đặt tại Bưu điện văn hóa xã, đảm bảo cung ứng các dịch vụ điện thoại cố định và di động mặt đất, dịch vụ viễn thông và Internet trên địa bàn xã do 2 đơn vị cung cấp là Viettel, Vinaphone với các trạm BTS đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy định.

- Xã có 01 đài truyền thanh cơ sở vô tuyến FM; 09/09 thôn xóm có hệ thống loa truyền thanh hoạt động, cơ bản đảm bảo phục vụ nhu cầu tiếp cận thông tin của người dân trong xã. Đài truyền thanh của xã thường xuyên hoạt động và có tin bài phát theo quy định, ngoài ra thường xuyên thông báo công khai các chính sách hỗ trợ của nhà nước đến nhân dân qua đó phát huy tính công khai dân chủ.

- Xã đã có ứng dụng thông tin trong quản lý, điều hành, 100% cán bộ, công chức xã sử dụng máy tính trong công tác chuyên môn, các máy tính đã được kết nối Internet, có kết nối với cổng thông tin điện tử của Huyện ủy, Ủy ban nhân dân huyện (hệ điều hành tác nghiệp, hệ thống dịch vụ công) đảm bảo tốt công tác thông tin, báo cáo.

Đánh giá chung: Hiện nay trên bàn xã đã có hệ thống truyền phát nhanh đảm bảo phục vụ các cuộc họp trực tuyến.

#### **2.6.4. Hiện trạng hạ tầng phục vụ sản xuất**

(1) Đường nội đồng: Do đặc thù xã miền núi hệ thống đường trục chính nội đồng mới chỉ dừng ở con số 2,5km, với kết cấu là đường đất, hệ thống đường nội

đồng tại xã chủ yếu kết hợp sử dụng cùng đường thôn xóm, đường bờ ruộng, đường mòn,...

(2) Công trình thủy lợi : Xã Thần Sa có hệ thống suối, khe, lạch dày đặc, nhưng chủ yếu là suối nhỏ, phát triển tự nhiên, vào mùa mưa lượng nước lớn hay gây lũ, về mùa khô không có nước, gây rất nhiều khó khăn cho sản xuất và sinh hoạt.

Hệ thống kênh mương chủ yếu là mương đất do nhân dân tự đào đắp rất manh mún, hiệu quả khai thác rất kém.

Hệ thống kênh mương đã được kiên cố hóa trong giai đoạn qua, góp phần hiệu quả khai thác cung cấp nước tưới cho sản xuất nông nghiệp. Các công trình thủy lợi trên địa bàn xã cơ bản đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh. Có hệ thống công trình thủy lợi xây dựng theo quy hoạch và thiết kế được duyệt, các công trình thủy lợi được duy tu, sửa chữa kịp thời, đảm bảo phát huy trên 80 % năng suất thiết kế

STT	Hạng mục	Đơn vị	Tốt	Trung bình	Kém
<b>1</b>	<b>Thủy Lợi</b>				
1	+ Số km kênh mương hiện có:	8, 7 km;			
2	+ Trong đó đã kiên cố hóa:	4, 9 km;			
3	+ Số km cần cứng hóa là:	3,8 km.			
<b>II</b>	<b>Đập dâng</b>				
1	+ Đập Nà Khù – Trung Sơn.			x	
2	+ Đập Nà Mò - Trung Sơn.			x	
3	+ Đập Khe Rác – Hạ Sơn Dao.		x		
4	+ Đập Bó Lù – Ngọc Sơn I.		x		
5	+ Đập Suối Phung – Ngọc Sơn II.		x		
<b>III</b>	<b>Trạm Bơm</b>				
	Trạm bơm xóm Kim Sơn			x	

Trạm bơm Nà Ruộc, xóm Kim Sơn hiện đang được xây dựng trong giai đoạn 2022-2023.

Đánh giá chung: xã Thần Sa còn thiếu nhiều công trình phục vụ sản xuất, số lượng đập thủy lợi, trạm bơm không đủ đáp ứng nhu cầu sản xuất, hệ thống kênh mương manh mún, chủ yếu là mương đất, không đảm bảo nhu cầu tưới tiêu của bà con

### 2.6.5. Hiện trạng môi trường

(1) Trên địa bàn xã số hộ sử dụng nước hợp vệ sinh là 637/637 hộ, đạt: 100%.

(2) Số hộ có nhà tiêu hợp vệ sinh: Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể nước sinh hoạt hợp vệ sinh là 70% (đạt so với tiêu chí 70% số hộ trên địa bàn xã có nhà tiêu, nhà



tắm, bể chứa nước hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch theo cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch” do Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam phát động).

(3) Ngoài chất thải sinh hoạt của con người, trong khu vực còn có rác thải do chăn nuôi gia súc gia cầm. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường đạt 67,74% (409/604 hộ). Việc bố trí chuồng trại và việc xử lý hổ chất thải trong các hộ chăn nuôi vẫn còn chưa hợp lý, gia súc nuôi thả tự nhiên nhiều nên việc quản lý chất thải chăn nuôi gặp nhiều khó khăn, hạn chế. Hệ thống cấp nước khó khăn nên điều kiện vệ sinh chuồng trại hạn chế cũng là nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường và bệnh dịch trong chăn nuôi.

(4) Việc mai táng, chôn cất người quá cố được tổ chức theo dòng tộc, từng thôn khác nhau. Các điểm nghĩa trang nằm rải rác tại các thôn trong xã.

Hiện tại xã có điểm nghĩa trang tập trung diện tích 2 ha địa điểm tại xóm Trung Sơn và các điểm nghĩa trang nhỏ lẻ phân tán tại các xóm sử dụng kết hợp cả hung táng và cát táng, tuy nhiên đến nay 2 điểm trên chưa được quy hoạch chi tiết, vị trí quy hoạch năm 2021 nghĩa trang xóm Xuyên Sơn không phù hợp với quy hoạch rừng đặc dụng. Hiện tại người dân các xóm đang sử dụng các điểm nghĩa trang phân từng nhóm nhỏ tại các xóm sử dụng kết hợp cả hung táng và cát táng, phù hợp với quy định và theo quy hoạch

Đánh giá chung: Việc xử lý môi trường của xã tuân thủ theo quy hoạch và mang tính lâu dài và bền vững. Hoạt động nghĩa trang đáp ứng đủ đáp ứng được nhu cầu sử dụng, về lâu dài cần tính đến xây dựng theo mô hình đầu tư xây dựng có quy mô đầy đủ các hạng mục (như quần trang, hệ thống đường và điện chiếu sáng...).

## **2.7. Việc thực hiện các quy hoạch có liên quan, các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã**

### **2.7.1. Việc thực hiện các quy hoạch có liên quan**

Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thần Sa được phê duyệt tại Quyết định số 3479/QĐ-UBND ngày 19/11/2021 của UBND huyện Võ Nhai về việc phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch xây dựng Nông thôn xã Thần Sa, huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên đến năm 2030. Trong quá trình tổ chức thực hiện Đồ án và Đề án xây dựng nông thôn mới, xã đã rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương. Đến nay Ủy ban nhân dân xã Thần Sa đã quản lý và thực hiện tốt quy hoạch được phê duyệt. Phương án quy hoạch phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

### **2.7.2. Các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã**

- Thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng xây dựng các công trình trên địa bàn.

- Các công trình xây dựng cơ bản trên địa bàn được triển khai thực hiện theo kế hoạch cụ thể như sau:

- Tổ chức khởi công công trình đường bê tông 135 xóm Tân Kim
- Xây dựng kênh mương Bản Chang – xóm Trung Sơn

- Sửa chữa nâng cấp kênh mương Xó Páng – xóm Kim Sơn
- Sửa chữa nâng cấp đường trục xã từ ngã ba Nước Hai đi xóm Ngọc Sơn 2
- Xây dựng phòng học chức năng trường PTBTTHCS Thần Sa
- Xây dựng trạm y tế xã Thần Sa
- Tiếp nhận 01 nhà gồm 03 phòng học do trung đoàn cảnh sát cơ động số 3 xây tặng cho trường Tiểu học Thần Sa tại diêm trường Hạ Sơn.
- Vốn chương trình xây dựng nông thôn mới gồm:
  - Công trình Cầu tràn xóm Ngọc Sơn I
  - Công trình Cầu tràn xóm Trung Sơn
  - Công trình Đường bê tông xóm Hạ Sơn Tày
  - Công trình Đường bê tông ngõ xóm Kim Sơn
  - Công trình Đường bê tông ngõ xóm Trung Sơn
  - Công trình Đường bê tông ngõ xóm Ngọc Sơn I
  - Công trình Sửa chữa lò đốt rác trường mầm non, tiểu học, PTDTBT THCS xã Thần Sa.
- Trạm Bơm Nà Ruộc, Kim Sơn

**BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH THÁI NGUYÊN GIAI ĐOẠN 2022-2025**

<b>I. QUY HOẠCH</b>						
<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của xã</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>1</b>	<b>Quy hoạch</b>	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt	
<b>II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI</b>						
<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của xã</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>2</b>	<b>Giao thông</b>	2.1. Tỷ lệ đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	100%	23/23km =100%.	Đạt	Chưa đạt
		2.2. Tỷ lệ đường thôn, bản, ấp và đường liên thôn, bản, ấp ít nhất được cứng hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	≥80%	20,5/30,63km=67,04%	Chưa đạt	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	90% (≥70% cứng hóa)	27,48/32,97km= 83,36%	Đạt	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm	90% (≥50% cứng hóa)	0/2,5km =0%	Chưa đạt	

3	<b>Thuỷ lợi và phòng, chống thiên tai</b>	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên		≥80%	152,52 ha /188,3ha = 80,9%	Đạt	Đạt
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ		Đạt	Đạt	Đạt	
4	<b>Điện</b>	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn		≥95%	637/637 hộ = 100%.	Đạt	
5	<b>Trường học</b>	Tỷ lệ trường học các cấp (Mầm non, tiểu học, THCS; hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là THCS) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Các xã có hơn 3 trường: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (≥70% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)	Đạt	0	Đạt	Đạt
			Các xã có từ 3 trường trở xuống: 100% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (≥50% đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1)	Đạt	3/3 trường = 100%		
6	<b>Cơ sở vật chất văn hoá</b>	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định		Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
		6.3. Tỷ lệ thôn, bản, ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng		100%	9/9 xóm = 100%	Đạt	

7	<b>Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn</b>	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa		Đạt	Trên địa bàn xã có cửa hàng kinh doanh tổng hợp	Đạt	Đạt	
8	<b>Thông tin và Truyền thông</b>	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính		Đạt	1 điểm	Đạt	Đạt	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet		Đạt	8/9 xóm	Đạt		
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn		Đạt	9/9 xóm	Đạt		
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Tỷ lệ máy tính/tổng số cán bộ, công chức		≥50%	100%		Đạt
			Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử chính thức của cơ quan nhà nước; Hệ thống một cửa điện tử; Công/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến		Đạt	Đạt		
Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã			≥30%	1686/3371 hồ sơ = 50,01%				
9	<b>Nhà ở dân cư</b>	9.1. Nhà tạm, dột nát		Không	20	Chưa đạt	Chưa đạt	
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố		≥75%	521/637 đạt 81,78%	Đạt		
<b>III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT</b>								
<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>		<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của xã</b>	<b>Ghi chú</b>	

10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2022	≥39	22 triệu	Chưa đạt	Chưa đạt
			Năm 2023	≥42			
			Năm 2024	≥45			
			Năm 2025	≥48			
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2021 - 2025	≤13%	40.19%	Chưa đạt	Chưa đạt	
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥75%	516/2.572= 20,06%	Chưa đạt	Chưa đạt	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥25%	414/2.572= 16,09%.	Chưa đạt		
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt		
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	≥1 sản phẩm	0 sản phẩm	Đạt		
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Đạt	Đạt	Đạt		
		13.5. Có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả	≥1 tổ	≥1 tổ	Đạt		
<b>IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG</b>							
TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Kết quả thực hiện	Kết quả tự đánh giá của xã	Ghi chú
14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt	Đạt		

		giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	≥98%	100%		
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 2	Đạt	Đạt		
			Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	Đạt		
			Trung tâm học tập cộng đồng được đánh giá, xếp loại	Khá	Khá		
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)	≥70%	80%	Đạt		
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)	≥90%	100%	Đạt	Đạt	
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt		
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤24%	33/190 = 17,37%	Đạt		
		15.4. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử	≥50%	20%	Chưa đạt		
16	Văn hoá	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định, có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	Tỷ lệ thôn, bản, ấp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	≥70%	8/9 xóm = 88,9%.	Đạt	Đạt
			Có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	Đạt	Đạt		
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn	Xã không thuộc khu vực III	≥30%(≥10% từ hệ thống cấp nước tập trung)	0	Chưa đạt	Chưa đạt

		Xã khu vực III	$\geq 20\%$ ( $\geq 10\%$ từ hệ thống cấp nước tập trung)	204/637 hộ = 32% (0% từ hệ thống cấp nước tập trung) Chưa đạt	
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	$\geq 90\%$	Đạt	Đạt
		17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn	$\geq 2\text{m}^2/\text{người}$	Chưa đạt	Chưa đạt
		17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Đạt	Đạt	Đạt
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định	$\geq 70\%$	0%	Chưa đạt
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường	100%	100%	Đạt
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	Đạt	Đạt
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường	$\geq 60\%$	409/604 = 67,74 %.	Đạt



		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	100%	Đạt	
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%	0%	Chưa đạt	
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định	≥30%	0%	Chưa đạt	
<b>V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ</b>						
<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chí</b>	<b>Nội dung tiêu chí</b>	<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Kết quả thực hiện</b>	<b>Kết quả tự đánh giá của xã</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>18</b>	<b>Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật</b>	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.3. Tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên	100%	100%	Đạt	
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển thôn	Đạt	Đạt	Đạt	
<b>19</b>	<b>Quốc phòng và</b>	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng		Đạt	Đạt	Đạt

	<b>An ninh</b>	<p>19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.</p>		Đạt	Đạt	
--	----------------	---	--	-----	-----	--

### **III.XÁC ĐỊNH TIỀM NĂNG, ĐỘNG LỰC VÀ DỰ BÁO PHÁT TRIỂN XÃ**

#### **3.1. Đánh giá tiềm năng, thế mạnh và các hạn chế trong phát triển kinh tế**

##### **3.1.1. Đánh giá tiềm năng thế mạnh**

###### **(1) Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp**

Thần Sa là một xã có nhiều tiềm năng, thế mạnh về đất đai. Đặc biệt với diện tích đất nông nghiệp lớn (chiếm 96,57% tổng diện tích đất tự nhiên toàn xã). Phát triển trồng rừng sản xuất (với các loại cây trồng Keo, Bạch Đàn, Quế,...), trồng cây công nghiệp,... Từng bước hình thành vùng cây công nghiệp tập trung gắn với công nghiệp chế biến phục vụ nhu cầu thị trường trong và ngoài xã tại khu vực xóm Hạ Sơn Dao, Hạ Sơn Tây. Song song với đó diện tích đất trồng cây lâu năm mới đạt 1,13% diện tích tự nhiên kết hợp với điều kiện thổ nhưỡng phù hợp phát triển cây chè và các loại cây ăn quả cho năng suất chất lượng cao.

###### **(2) Thương mại dịch vụ, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp**

Thần Sa là có nhiều lợi thế về vị trí địa lý do có tuyến đường vành đai 2 chạy qua cũng như các tuyến đường liên xã, liên huyện được đầu tư cơ bản, xã có rất nhiều tiềm năng phát triển, giao lưu buôn bán, trao đổi hàng hoá trong khu vực, hình thành một hệ sinh thái kết nối thương mại sôi động. Hoạt động dịch vụ tương đối đa dạng, tập trung vào các lĩnh vực như: Du lịch trải nghiệm.

Xã Thần Sa có một nguồn tài nguyên đất đai màu mỡ, với những thảm thực vật phong phú thích hợp cho phát triển trồng rừng sản xuất, trồng cây chè và cây ăn quả. Với diện tích đất trồng rừng lớn các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ trong nông thôn nhất là các xưởng chế biến gỗ, xưởng nghề mộc dân dụng, sửa chữa máy móc, điện dân dụng, sửa chữa ô tô, xe máy...có xu hướng phát triển mạnh mẽ trên địa bàn xã.

Ngoài ra xã Thần Sa có nguồn tài nguyên phục vụ sản xuất vật liệu xây dựng rất lớn, các mỏ cát sỏi có trữ lượng lớn, rất thích hợp để phục vụ thi công xây dựng.

Thần Sa có trữ lượng các loại khoáng sản đa kim khá lớn, có khả năng phát triển công nghiệp khai thác khoáng sản, kéo theo là tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu xã hội. Nhu cầu hiện nay là mở rộng và quy hoạch các mỏ khai khoáng hiện có hiện có, phù hợp với quy hoạch tỉnh.

Không chỉ chứa đựng trong mình một nguồn tài nguyên khoáng sản quý hiếm mà mảnh đất này còn lưu giữ rất nhiều những nét đẹp văn hóa, phong tục tập quán độc đáo của đồng bào các dân tộc thiểu số. Việc phát triển kinh tế thương mại du lịch với nhiều loại hình khác nhau cũng là tiềm năng cho giai đoạn mới như: Sản xuất Nông nghiệp kết hợp với du lịch, đặc biệt phát triển tiềm năng và du lịch sinh thái công đồng; Khu du lịch Bản Ná, Khu du lịch sinh thái Thác Mưa rơi, Khu du lịch sinh thái thác Bảy tầng, Khu khảo cổ Thần Sa, Phiêng Tung .... Trong đó, loại hình du lịch gắn với cộng đồng theo xu hướng tích cực khám phá, tìm hiểu văn hóa bản địa, cùng làm, cùng sống,

giao lưu trực tiếp giữa khách du lịch với người dân bản xứ (homestay) đã và đang rất được ưa chuộng.

### (3) Phát triển kết cấu hạ tầng

Kết cấu hạ tầng xã cơ bản đã được đầu tư đảm bảo điều kiện cho việc phát triển kinh tế của xã (các tuyến đường liên xã và các tuyến đường liên thôn đã được cứng hóa các công trình thủy lợi được đầu tư đảm bảo cho nhu cầu sản xuất, các công trình công cộng được hình thành đã phân nào đáp ứng được nhu cầu sử dụng trong giai đoạn hiện nay...). Với lợi thế về cơ sở hạ tầng sẵn có và các quỹ đất có thể mở rộng dẫn đến xã có nhiều cơ hội phát triển về kết cấu hạ tầng nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế của xã.

Đánh giá chung: Ngoài các tiềm năng thế mạnh phát triển về các sản phẩm nông nghiệp và lâm nghiệp xã có rất nhiều tiềm năng lợi thế phát triển du lịch (bao gồm các hình thức du lịch sinh thái; du lịch cộng đồng; du lịch trải nghiệm) đây là những định hướng mới cho giai đoạn tương lai dựa trên việc xác định và đánh giá đúng tiềm năng lợi thế đã có của xã để đưa ra hoạch định đầu tư nhằm khai thác tối đa các tiềm năng.

### 3.1.2. Đánh giá các hạn chế trong phát triển kinh tế

Chưa có định hướng phân khu sản xuất theo chức năng trên địa bàn xã (như khu ở, khu phục vụ sản xuất, khu dành cho sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp...), tuy đã có các doanh nghiệp hoạt động khai thác trên địa bàn, nhưng nhìn chung các hoạt động phát triển kinh tế mang tính nhỏ lẻ và tự phát chưa có định hướng chung.

Tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế chưa mạnh, thu nhập bình quân đầu người còn thấp. Trong sản xuất nông nghiệp chưa phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của địa phương. Đặc biệt chưa xây dựng các mô hình dịch vụ phục vụ cho các sản phẩm chủ đạo của xã.

Tỷ trọng ngành chăn nuôi còn thấp, tiểu thủ công nghiệp nông thôn còn ít và chậm phát triển. Bước đầu hình thành một số vùng sản xuất thâm canh, chuyên canh về cây trồng, vật nuôi, song chưa tạo thành vùng sản xuất hàng hóa lớn. Các tổ hợp tác xã chưa có và thiếu kinh nghiệm trong sản xuất và liên kết theo chuỗi, các mặt hàng nông sản chưa xây dựng được thương hiệu. Việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất còn hạn chế vì vậy năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm hàng hóa chưa cao. Chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp còn chậm. Lực lượng lao động tuy dồi dào nhưng trình độ còn thấp, thuần nông. Khả năng tính toán và đầu tư vốn trong sản xuất còn chưa khai thác được hết tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

Sức cạnh tranh trong nền kinh tế yếu, hàng hóa dịch vụ phát triển với quy mô nhỏ lẻ, manh mún, chưa thực sự thu hút thị trường. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi còn chậm, năng suất thấp.

Công tác quản lý và sử dụng đất còn có những hạn chế nhất định. Quỹ đất để phát triển xây dựng khá hạn chế do đất địa hình đặc trưng của các xã miền núi.

### 3.2. Dự báo quy mô dân số, lao động, cho giai đoạn quy hoạch

#### 3.2.1. Dự báo dân số

##### HIỆN TRẠNG DÂN SỐ XÃ

TT	Hạng mục	Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022	
		Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu	Số hộ	Số khẩu
1	Xóm Kim Sơn	87		88	448	96	452	97	457
2	Xóm Trung Sơn	102		102	455	102	465	106	462
3	Xóm Ngọc Sơn I	59		59	274	63	293	63	289
4	Xóm Ngọc Sơn II	47		51	204	48	189	47	185
5	Xóm Xuyên Sơn	90		94	394	85	370	85	354
6	Xóm Hạ Sơn Tày	37		37	144	41	154	41	161
7	Xóm Hạ Sơn Dao	75		75	364	80	320	82	375
8	Xóm Tân Kim	76		81	368	81	360	83	364
9	Xóm Thượng Kim	33		34	156	33	154	33	157
*	<b>Tổng</b>	<b>606</b>	<b>2.739</b>	<b>621</b>	<b>2.807</b>	<b>629</b>	<b>2.757</b>	<b>637</b>	<b>2.804</b>

Dân số xã Thần Sa trong 5 năm qua có những giai đoạn tăng trưởng âm. Do quá trình đồng bào di dân tự do, một số hộ, người dân chuyển ra khỏi địa phương dẫn đến tình trạng dân số xã hầu như không biến động.

Toàn tỉnh Thái Nguyên bình quân 5 năm 2017-2021, tỷ lệ tăng tự nhiên của dân số là 0,97%. Riêng năm 2021 là 0,95%. Dự báo dân số tăng tự nhiên theo số liệu bình quân chung toàn tỉnh, tỷ lệ 0,9%/năm

Dự báo dân số:

Qua công thức dự báo:  $P_t = P_1 \times (1 + n)^t$

Trong đó:

$P_t$ : Dân số dự báo năm

$P_1$ : Dân số hiện trạng năm dự báo

$n$ : Tỷ lệ tăng trưởng dân số

$t$ : số năm dự báo

Quy mô dân số tăng tự nhiên đến năm 2035 khoảng 3.122 người

Dân số tạm trú: Đây là số lao động hiện đang lao động sản xuất tại các mỏ khoáng sản trên địa bàn; số lượng lao động dự kiến không thay đổi khoảng 160 người.

Dự kiến dân số toàn xã đến năm 2035: 3.282 người.

### **3.2.2. Dự báo lao động**

Hiện tại có 2.183 người (theo thống kê năm 2022)

- Định hướng giải quyết lao động tại chỗ, những năm tới giảm tỷ trọng lao động nông nghiệp, tăng tỷ trọng lao động phi nông nghiệp trên cơ sở đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ - thương mại.

- Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động của tỉnh Thái Nguyên từ 2015-2020 dao động từ 60,2%-60,5%. Trong QHT đến năm 2025 chọn 59,9% và đến năm 2030 chọn 59,1%.

- Dự báo quy mô lao động đến năm 2035 là 1.841 người

### **3.2.3. Dự báo số hộ**

Hiện tại số hộ xã Thần Sa là 637 hộ, dự báo đến năm 2035 là 715 hộ.

## **3.3. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo của xã**

### **3.3.1. Dự báo loại hình, động lực phát triển kinh tế chủ đạo của xã**

#### ***(1) Kinh tế thuần nông, nông lâm kết hợp.***

Đây là loại hình, động lực phát triển kinh tế của xã. Với những lợi thế và tiềm năng của xã việc quy hoạch, định hướng phát triển sản xuất theo hướng mô hình phát triển mang tính bền vững.

Tập trung phát triển kinh tế nông nghiệp, trong đó trọng tâm là phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, duy trì diện tích lúa, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào canh tác, nâng cao sản lượng.

Với đặc thù là xã nông thôn miền núi có địa hình phần lớn là đồi núi cao, nên có nhiều lợi thế trong việc trồng cây lâu năm, trồng rừng sản xuất. Phát triển phân diện tích rừng sản xuất cho năng suất cao, hình thành các vùng cây công nghiệp tập chung gắn với công nghiệp chế biến phục vụ nhu cầu thị trường trong và ngoài xã.

Công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản được triển khai và thực hiện nghiêm túc. Đặc biệt với lợi thế sẵn có từ tự nhiên mang lại, xã đã khai thác hiệu quả với việc nuôi cá Tầm, các Hôi... mang lại hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân.

#### ***(2) Chăn nuôi.***

Chuyển đổi mô hình chăn nuôi nhỏ lẻ sang mô hình chăn nuôi theo sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp nông thôn, nâng cao tỷ trọng chăn nuôi. Phát triển một số mô hình chăn nuôi tập trung có mô hình vừa và lớn theo chuỗi liên kết, sản xuất tiêu thụ sản phẩm, kết hợp với mô hình chăn nuôi trang trại vừa và nhỏ theo hướng sản xuất sản phẩm hàng hóa hữu cơ, đặc sản. Nâng cao chất lượng đàn gia súc, gia cầm theo hướng tăng nhanh về chất lượng và số lượng, đặc biệt phát triển chăn nuôi đại gia súc, nâng cao phát triển các mô hình chăn nuôi Trâu, Bò thương phẩm, có giá trị kinh tế cao gắn với phát triển công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Do địa bàn xã lớn, địa hình đồi

độc, việc khoanh vùng khu chăn nuôi được chia thành nhiều khu vực có diện tích từ 2 đến 15ha. Đây cũng là 1 trong những định hướng phát triển kinh tế trong giai đoạn 2022-2035.

### ***(3) Thương mại dịch vụ, tiểu thủ công nghiệp.***

Quy hoạch các khu vực phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ trong nông thôn nhất là các xưởng sản xuất và chế sản phẩm gỗ rừng trồng, điện nông nghiệp.... Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân được hưởng đầy đủ các ưu đãi của Nhà nước, của tỉnh, của huyện trên địa bàn để sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh phát triển các ngành nghề dịch vụ, chuyển dịch cơ cấu lao động, giải quyết việc làm. Tạo điều kiện về mặt bằng, hỗ trợ làm thủ tục về vốn để một số hộ dân đầu tư mở các loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ mới trên địa bàn như: chế biến gỗ, dịch vụ kho bãi...; đồng thời nâng cấp các cơ sở hiện có.

Phát triển mô hình du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái dựa trên sự ảnh hưởng phát triển du lịch của các vùng lân cận, các danh thắng trên địa bàn xã.

### ***(4) Khai thác khoáng sản***

Mở rộng và quy hoạch các mỏ khai khoáng hiện có theo giấy phép được cấp và theo quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050

### ***(5) Quy mô sản xuất, sản phẩm chủ đạo, khả năng thị trường, định hướng giải quyết đầu ra.***

a. Quy mô sản xuất, sản phẩm chủ đạo: Sản phẩm chủ lực của xã gồm : Lúa ;Cây màu: Ngô, Lạc, Khoai lang; Các sản phẩm từ gỗ rừng trồng; Các sản phẩm từ chăn nuôi.

- Hiện nay diện tích trồng cây Lúa của xã hiện nay là S=225,69 ha, 369,36 ha đất trồng cây hàng năm khác. Ngoài ra với diện tích đất trồng cây lâu năm 115,56 ha có thổ nhưỡng đất phù hợp với cây chè, các loại cây ăn quả là điều kiện thuận lợi cho việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ các loại cây lâu năm cho năng suất không cao sang trồng cây ăn quả cho năng suất cao. Đầu ra theo mô hình liên kết hộ nông dân và doanh nghiệp trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, kết hợp việc bán hàng bằng thương mại điện tử cho các sản phẩm nông sản của xã.

- Các sản phẩm chăn nuôi:

+ Toàn xã hiện có tổng đàn gia súc chính là 1.366 con gia súc chính (Trong đó: đàn trâu: 420 con; đàn bò: 336 con; đàn lợn: 610 con).

Cần quy hoạch vùng chăn nuôi, khuyến khích sự tham gia của doanh nghiệp liên kết và ưu tiên nuôi những giống đặc sản có giá trị kinh tế cao theo hướng hàng hóa chất lượng cao, ứng dụng khoa học công nghệ nhằm nâng cao giá trị chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường.

- Ngoài ra xã còn phát triển trồng cây lâm nghiệp (diện tích đất rừng trồng: 1345,36 ha), kết hợp sản xuất chế biến các sản phẩm từ gỗ ứng dụng khoa học công

nghệ nhằm nâng cao giá trị chất lượng sản phẩm, sức cạnh tranh và khả năng tiếp cận thị trường.

b. Khả năng thị trường, định hướng giải quyết đầu ra:

- Quy hoạch quỹ đất, thu hút các nhà đầu tư xây dựng các xưởng sản xuất, chế biến gỗ rừng trồng và chế biến vật liệu xây dựng.

- Phát triển hệ thống phân phối tại các thị trường, đặc biệt là kết nối hệ thống thương mại điện tử làm cầu nối để tiêu thụ sản phẩm. Mở rộng thị trường ngoại tỉnh theo hướng đa dạng hoá thị trường.

- Triển khai mạnh mẽ và thường xuyên tổ chức các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá thông qua các chương trình, lễ hội, hỗ trợ xây dựng thương hiệu, xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý huyện và tỉnh cho các sản phẩm của xã Thần Sa.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin ở tỉnh và huyện như Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các hệ thống phát thanh, truyền hình huyện và truyền thanh cấp xã để tuyên truyền kỹ thuật sản xuất, quảng bá về các sản phẩm rộng rãi đến với người sản xuất và tiêu dùng.

### **3.4. Xác định tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất phục vụ dân cư, công trình hạ tầng và sản xuất.**

Thần Sa có tổng diện tích tự nhiên  $S=10.224,19$  ha, đất thuộc 3 nhóm đất cơ bản (đất nông nghiệp, đất xây dựng và đất khác)

Cụ thể đánh giá tiềm năng một số loại đất như sau:

(1) Tiềm năng đất nông nghiệp (diện tích  $S=9874,34$  ha):

Đối với đất trồng lúa: Diện tích đất trồng lúa của xã theo hiện trạng năm 2022 là 225,69 ha, chiếm 2,21% diện tích đất nông nghiệp. Trong tương lai, một phần diện tích đất trồng lúa phải chuyển sang đất phi nông nghiệp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của xã. Do đó, phải tập trung sản xuất lúa có chất lượng cao, đẩy mạnh áp dụng khoa học - kỹ thuật, cơ giới hóa các khâu sản xuất, nhằm giảm hao hụt và nâng cao chất lượng của nông sản hàng hóa.

Đối với đất trồng cây lâu năm, cây chè, cây ăn trái: Thích nghi nhất đối với đất trồng cây ăn trái được phân tán trong các khu vực dân cư nông thôn, xen kẽ với đất ở hộ gia đình. Tỷ lệ các loại thích nghi thuộc diện trung bình do yếu tố loại đất, điều kiện tưới tiêu,...và do cải tạo, đầu tư thích hợp đối với từng loại cây trên từng loại đất. Vì vậy, trong khai thác sử dụng đất cần chú trọng bảo vệ, đầu tư thâm canh hơn nữa để phát huy được tiềm năng của đất trồng cây lâu năm.

Đất nuôi trồng thủy sản: Hiện trạng xã chỉ có 8,05 ha đất nuôi trồng thủy sản; Tuy nhiên, khả năng mở rộng là hạn chế nên tận dụng diện tích mặt nước ao, diện tích đất trồng cây hàng năm giáp sông suối, kênh mương của xã, vào việc nuôi trồng thủy sản, thí nghiệm mô hình nuôi các nước lạnh phục vụ địa phương và khách du lịch.



Đất lâm nghiệp: Tiềm năng đất đai cho phát triển đất rừng sản xuất của xã rất lớn, hiện tại diện tích rừng sản xuất là 1345,36 ha, khả năng mở rộng từ diện tích rừng đặc dụng sang đất rừng sản xuất là rất lớn, tận dụng các diện tích giáp với khu vực đường giao thông liên xóm, khu vực khai thác khoáng sản hết thời hạn khai thác, những nơi phù hợp chuyển đổi mà không làm ảnh hưởng đến khu bảo tồn Thần Sa – Phượng Hoàng.

Nhìn chung tiềm năng đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp trên địa bàn xã là khá lớn đáp ứng đủ nhu cầu phát triển kinh tế cao với những mô hình chủ lực của xã như: Trồng lúa chất lượng cao, phát triển mạnh cây ăn quả mang lại hiệu quả kinh tế.

(2) Tiềm năng đất phi nông nghiệp: Đối với những phần diện tích đất trồng cây hàng năm, đất lâm nghiệp (rừng sản xuất khu vực thấp) có năng suất trồng trọt kém, không hiệu quả chuyển đổi mục đích sang đất ở nông thôn, đất phát triển hạ tầng kỹ thuật và đất xây dựng công trình công cộng dọc theo các tuyến đường liên thôn và tuyến đường liên xã. Tiềm năng chuyển đổi một số loại đất trồng rừng sản xuất sang đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp (sản xuất, chế biến gỗ rừng trồng) và thương mại dịch vụ.

(3) Tiềm năng đất khác: Đối với những phần diện tích đất bằng chưa sử dụng cần chuyển đổi mục đích sang các loại đất khác. Đất núi đá đưa vào quy hoạch khai thác và sản xuất tuy nhiên cần có cơ chế và biện pháp hợp lý đảm bảo môi trường và cảnh quan trong khu vực khai thác.

Đánh giá chung:

a. Dựa trên hiện trạng sử dụng đất, cũng như căn cứ vào chiến lược phát triển kinh tế xã hội của xã Thần Sa cho thấy xã có nhiều tiềm năng đất đai để chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn xã nhằm hình thành và phát triển vùng sản xuất hàng hóa tập trung, thực hiện đầu tư thâm canh, áp dụng tiến bộ khoa học công nghệ, đưa giống mới có năng suất, chất lượng cao vào sản xuất, bố trí lại cơ cấu cây trồng, mùa vụ và giống để giảm thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh phù hợp với điều kiện của từng thôn xóm.

b. Tạo lập quy đất phát triển du lịch và các quy đất đầu tư xây dựng các dự án công cộng nhằm phục vụ đời sống của nhân dân.

### **3.5. Xác định quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình công cộng, dịch vụ**

Chỉ tiêu sử dụng đất cho các mục đích phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương nhưng không được nhỏ hơn quy định theo QCVN01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và Thông tư số 01/2021/TT-BXD ngày 19/05/2021 của Bộ Xây dựng ban hành quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng.

#### **3.5.1. Trụ sở làm việc cơ quan xã**

Tổng diện tích đất trụ sở cơ quan xã tối thiểu là 1.000 m<sup>2</sup>.

(Theo thông tư số 01/2021/TT-BXD về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng)

### 3.5.2. Chỉ tiêu về quy mô tối thiểu của các công trình công cộng, dịch vụ

**Bảng chỉ tiêu quy mô tối thiểu cho từng loại công trình**

TT	Loại công trình	Chỉ tiêu (m <sup>2</sup> /người)	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Tầng Cao	Ghi chú
1	Trụ sở HĐND-UBND		≥1000	1 - 3	Theo QCVN 01:2021/BXD
2	Trung tâm văn hóa-thể thao xã		Diện tích đất quy hoạch đối với hội trường văn hóa đa năng tối thiểu 300m <sup>2</sup> ; Khu thể thao tối thiểu 1.200m <sup>2</sup> (chưa tính sân vận động).	1 - 2	Theo HD 4688/HD-BVHTTDL
3	Nhà văn hoá-khu thể thao thôn		Diện tích đất quy hoạch cho Nhà Văn hóa từ 200m <sup>2</sup> trở lên; Khu Thể thao từ 300m <sup>2</sup> trở lên.	1 - 2	
4	Trường mầm non	>12		1 - 2	Theo TCVN 3907/2011
5	Trường Cấp I	>10		1 - 3	Theo TCVN 8793/2011
6	Trường Cấp II	>10		1 - 4	Theo TCVN 8794/2011
7	Trạm y tế		Diện tích mặt bằng đất từ 500m <sup>2</sup> trở lên. Diện tích xây dựng và sử dụng khối nhà chính từ 250m <sup>2</sup> trở lên	1 - 2	Theo QĐ 4667/QĐ-BYT
8	Điểm phục vụ bưu chính, viễn thông		≥150	1 - 2	Theo QCVN 01:2021/BXD
9	Chợ		≥1500	1 - 5	Theo QCVN

### 3.6. Quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình

#### (1) Hộ sản xuất nông nghiệp.

Khu vực chăn nuôi, phục vụ sản xuất phải đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường. Khoảng cách từ nhà ở tới các khu vực chăn nuôi, sản xuất, kho chứa hóa chất bảo vệ thực vật phải > 20 m.

Khu sản xuất phải bố trí gần các trục đường chính, đường liên thôn, liên xã, liên hệ thuận tiện với đồng ruộng và khu ở nhưng phải cuối hướng gió chủ đạo, cuối nguồn nước...

Các công trình phục vụ sản xuất như kho nông sản, kho giống lúa, ngô, kho phân hóa học và thuốc trừ sâu, kho nông cụ vật tư, xưởng sửa chữa cơ khí nông cụ,... phải bố trí liên hệ thuận tiện với đường giao thông nội đồng. Khoảng cách từ các kho phân hóa học đến khu ở không được < 100 m.

#### (2) Hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp.

Những cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp không gây ô nhiễm môi trường có thể bố trí trong khu ở, tại các nhà phụ của từng hộ gia đình.

Cơ sở sản xuất có tác động xấu tới môi trường phải bố trí thành các cụm, nằm ngoài khu ở, gần đầu mỗi giao thông.

**Bảng chỉ tiêu sử dụng đất điểm dân cư nông thôn**

TT	Loại công trình	Tiêu chí sử dụng (m <sup>2</sup> /người)
1	Đất ở	≥ 25
Theo TT 31/2009/TT-BXD	- Hộ sản xuất nông nghiệp	≥ 300 (m <sup>2</sup> /hộ)
	- Hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp	≥ 150 (m <sup>2</sup> /người)
	- Hộ thương mại dịch vụ	≥ 150 (m <sup>2</sup> /người)
2	Đất xây dựng công trình dịch vụ	≥ 5
3	Đất cho GT và HTKT	≥ 5
4	Đất cây xanh công cộng	≥ 2

## IV. ĐỊNH HƯỚNG QUY HOẠCH KHÔNG GIAN TỔNG THỂ XÃ

### 4.1. Định hướng tổ chức hệ thống và không gian quy hoạch kiến trúc trung tâm xã, khu dân cư mới và cải tạo thôn

#### 4.1.1. Định hướng tổ chức hệ thống trung tâm xã

Kế thừa đồ án Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Thần Sa, giai đoạn 2010-2020. Khu trung tâm của xã hiện nay đã hình thành và xây dựng tương đối đầy đủ. Nằm hai bên trục đường chính quan trọng của xã hướng kết nối ra tuyến Nước Hai – Thần Sa, đây là khu trung tâm với đầy đủ các chức năng hành chính, thương mại dịch vụ, giáo dục, y tế, thể thao văn hóa cấp xã như: Trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban xã, nhà làm việc Công an xã, Trạm y tế xã, nhà làm việc đoàn thể kết hợp hội trường văn hóa xã, trường mầm non, trường tiểu học và trung học cơ sở, chợ trung tâm xã, bưu điện văn hóa xã, khu thương mại dịch vụ...đảm bảo mục tiêu “phát triển xanh, hài hòa, bản sắc và hạnh phúc”.

a) Đầu tư xây dựng mới hoàn chỉnh trụ sở Đảng ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, trụ sở Công an, Quân sự xã khối đoàn thể xã.

b) Quy hoạch mới các quỹ đất ở nông thôn trong khu vực trung tâm xã

g) Quy hoạch chỉnh trang hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm xã, mở rộng nền đường, mặt đường, đầu tư xây dựng hệ thống hành lang rãnh thoát nước, hệ thống điện chiếu sáng ....

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Vị trí	Ghi chú
	<b>Hệ thống công trình công cộng, dịch vụ cấp xã</b>			
1	Trụ sở Đảng Ủy, HĐND, UBND xã	4245	Kim Sơn	Quy hoạch Mới
2	Quy hoạch sân thể thao, đất cây xanh	15000	Trung Sơn	Quy hoạch mới
3	Đài tưởng niệm Liệt sỹ	211	Kim Sơn	Giữ nguyên vị trí, diện tích hiện trạng
4	Bưu điện xã	162	Kim Sơn	Giữ nguyên vị trí, diện tích hiện trạng
5	Trạm Y tế	2271	Kim Sơn	Giữ nguyên vị trí, diện tích hiện trạng
6	Trường mầm non Thần Sa	2728	Kim Sơn	Quy hoạch vào vị trí Đất Ủy ban
7	Trường tiểu học Thần Sa	8456,6	Trung Sơn	Giữ nguyên vị trí, Mở rộng diện tích sang phần đất trường mầm non
8	Trường PTDT-BT-THCS Thần Sa	8549	Kim Sơn	Giữ nguyên vị trí, Mở rộng diện tích

9	Chợ Trung tâm	3700	Kim Sơn	Quy hoạch vị trí mới
10	Trụ sở Công an xã	3000	Kim Sơn	Quy hoạch mới
11	Trụ sở Quân Sự xã	1300	Kim Sơn	Quy hoạch mới

#### 4.1.1.1. Yêu cầu về tổ chức không gian khu trung tâm

- Lấy đặc trưng của địa phương miền núi làm gốc, đảm bảo tính đặc thù theo từng cụm chức năng, đảm bảo sự giao thoa sống động và hoà nhập trong từng khu vực.

- Mỗi cụm công trình có tính đặc thù nhưng phải hài hoà với thiên nhiên và liên kết với nhau bằng các không gian chuyển tiếp tránh phá vỡ cảnh quan chung.

- Tổ chức không gian kiến trúc cần phối kết hài hoà với không gian xanh, màu sắc và ánh sáng. Không gian xanh tổ chức trong khu trung tâm được trồng theo loại cây đặc trưng theo từng cụm không gian công trình.

Cụ thể như sau:

a. Cụm không gian công trình giáo dục: Tổ chức trồng các loại cây có hoa nhiều màu sắc kết hợp với cây có tán lá rộng thường xanh cho phù hợp với tính chất, chức năng công trình giáo dục (có thể trồng một số loại cây như cây giáng hương, phượng vĩ, xà cừ, osaka, bò cạp vàng, móng bò tím...). Kết hợp với vườn hoa phía trước mặt tạo thành một hệ không gian xanh có tác dụng rất tốt cho công tác giáo dục.

b. Đường trục chính (tuyến đường Nước Hai – Trung tâm xã – Văn Lãng): Tổ chức trồng chủ đạo một loại cây có hoa và thường xanh (có thể trồng một trong số các cây như cây bàng đài loan, cây sao đen, cây, cây lim xẹt, cây móng bò...). Tạo ra tuyến phố đặc trưng, đồng thời tạo nên tính chất yên bình và thanh nhã của đời sống cư dân.

c. Cụm không gian công trình dịch vụ thương mại: Tổ chức trồng chủ đạo một loại cây có tán nhỏ hoặc cây thân cột thưa thoáng không che khuất công trình (có thể trồng một trong số các cây như cây lộc vừng, cây sang...).

d. Cụm không gian công trình nhà ở: Tổ chức trồng phối hợp giữa cây hoa nhiều màu sắc và cây thường xanh cho phù hợp với tính chất chức năng của từng loại hình nhà ở (có thể trồng một trong số các cây như cây hoa ban, cây osaka, cây tùng...).

#### 4.1.1.2. Màu sắc kiến trúc khu trung tâm

Màu sắc của công trình kiến trúc cũng phải có tính đặc trưng cho cụm chức năng và phối kết với màu sắc cây xanh để sắc thái không gian của từng cụm không gian của màu sắc phải được tổ chức phù hợp với tính chất công trình.

(1) Như cụm công trình giáo dục nên sử dụng màu làm nhẹ nhàng, gần gũi, đầm ấm, tránh màu quá loè loẹt hoặc ảm đạm (có thể sử dụng một số màu như đỏ,

vàng, cam...làm điểm đối với trường màn non; đối với Tiểu học và Trung học cơ sở nên lựa chọn màu trung tính sạch sẽ và tươi mới...)

(2) Cụm công trình dịch vụ thương mại nên sử dụng phối hợp các gam màu nóng lạnh làm tôn hoạt động thương mại sôi động...

(3) Cụm công trình khối nhà làm việc Ủy ban nên chọn những gam màu vàng nhạt điểm thêm các màu trắng.....

(4) Cụm các khối nhà làm việc khác như y tế, chợ, nhà làm việc công an và xã đội... khi chọn màu sắc cần tính toán đến sự hài hòa tổng thể cũng như sự đặc trưng của từng ngành...

#### **4.1.1.3. Hệ thống ánh sáng**

Màu sắc ánh sáng điện cũng được tổ chức thay đổi cho phù hợp với tính chất của từng cụm không gian kiến trúc. Đối với cụm không gian công trình giáo dục, dân cư trên trục chính (tuyến đường Nước Hai – Trung tâm xã – Văn Lãng) nên sử dụng đèn có ánh sáng màu vàng. Cụm không gian thương mại, dịch vụ ... có thể sử dụng đèn đa sắc màu.

#### **4.1.1.4. Đối với công trình hạ tầng**

(1) Chính trang đô thị hệ thống đèn chiếu sáng vỉa hè được thiết kế bổ sung các hạng mục cây xanh, điện trang trí, ghế đá, vòi nước cứu hỏa, tiểu cảnh trang trí.

(2) Hệ thống đường điện bố trí ngầm và an toàn cho các công trình trên trục đường. Hệ thống điện chiếu sáng công cộng và trang trí, quảng cáo phải được xem xét phê duyệt của các cấp có thẩm quyền trước khi thực hiện, không tùy tiện bố trí làm ảnh hưởng đến mỹ quan khu trung tâm.

#### **4.1.1.5. Đối với công trình nhà ở các điểm dân cư**

Các công trình nhà ở được thiết kế tuân thủ các yêu cầu cơ bản về hình khối màu sắc, chiều cao, độ đưa xa của ban công.

Đề xuất các mô hình nhà ở nông thôn phù hợp và các nhóm nhà ở nông thôn kết hợp với khu sản xuất thuận tiện, phù hợp với điều kiện tự nhiên đặc thù trên địa bàn xã.

Đề xuất các mô hình nhà vườn trong các khu dân cư xây dựng.

Kiến trúc các điểm dân cư ưu tiên theo hướng nhà sàn, mái lợp tôn, ngói, đảm bảo vệ sinh môi trường, có tổ chức hầm tự hoại cho khu vệ sinh. Không gian ở kết hợp với không gian sản xuất thuận tiện, lưu thông dễ dàng.

### **4.1.2. Xác định quy mô dân số, tính chất, nhu cầu đất ở cho từng khu dân cư mới và cải tạo thôn, bản**

#### **4.1.2.1. Quy mô dân số**

##### **Quy mô dân số các xóm**

TT	Danh Mục	Năm 2022	Năm 2035
		Số khẩu	Số Khẩu
1	Xóm Kim Sơn	457	513

2	Xóm Trung Sơn	462	519
3	Xóm Ngọc Sơn I	289	325
4	Xóm Ngọc Sơn II	185	208
5	Xóm Xuyên Sơn	354	398
6	Xóm Hạ Sơn Tày	161	181
7	Xóm Hạ Sơn Dao	375	421
8	Xóm Tân Kim	364	409
9	Xóm Thượng Kim	157	176

#### 4.1.2.2. Tính chất

Tạo khu dân cư mới và cải tạo khu dân cư đã có gắn với quy hoạch sản xuất và quy hoạch sử dụng đất đai phù hợp với điều kiện thực tế của xã, khuyến khích xây dựng nhà vườn theo mô hình vườn, ao, chuồng và các công trình phục vụ thôn, xóm, và khu chức năng.

Là khu dân cư mới đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, có chất lượng sống cao, thân thiện với môi trường, đáp ứng nhu cầu phát triển của xã nói riêng và của huyện nói chung, đảm bảo các chỉ tiêu, định hướng theo quy hoạch vùng huyện, tầm nhìn đến năm 2035.

Khai thác hiệu quả quỹ đất đối các vùng có tiềm năng phát triển và có địa hình sản xuất không hiệu quả. Ngoài ra tạo nguồn thu ngân sách thông qua chuyên nhượng, đấu giá... cho ngân sách địa phương.

#### 4.1.2.3. Nhu cầu đất ở cho từng khu

Khi hoàn thành việc quy hoạch chung xã, quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã và các dự án trọng điểm của huyện, xã đi vào khai thác nhu cầu đất ở cho khu vực trung tâm là rất tiềm năng. Ngoài ra những khu vực chức năng khác trên địa bàn xã nhu cầu cải tạo, mở rộng khu dân cư đã có là cần thiết và cấp bách do nhu cầu về đất ở của người dân.

**Điểm dân cư trung tâm xã:** thuộc xóm Kim Sơn, là khu dân cư tập trung nằm dọc theo tuyến liên xã từ Trạm kiểm lâm đến trường PTDT-BT-THCS Thần Sa với 2 điểm, diện tích khoảng 4,3ha

**Điểm dân cư xóm Kim Sơn:** dọc tuyến đường Liên xã vào Đồng Bán Đàng có quy mô 6,6ha. Điểm khu dân cư dọc tuyến đường từ UBND xã đi Mái Đá Ngườm.

**Điểm dân cư xóm Hạ Sơn Dao;** bố trí các điểm nhỏ lẻ dọc tuyến đường liên xã Vành đai 2, đường vào xóm Hạ Sơn Tày diện tích tổng cộng khoảng 8,0ha.

**Điểm dân cư xóm Hạ Sơn Tày:** bố trí dọc tuyến đến Đình làng và các trục ngõ xóm, quy mô diện tích khoảng 1,4ha.

**Điểm dân cư xóm Trung Sơn:** bố trí dọc theo tuyến đường liên xã, trục xóm; diện tích khoảng 9,0ha.

**Điểm dân cư xóm Ngọc Sơn 1:** bố trí dọc và xen kẽ các trục ngõ xóm, diện tích dự kiến khoảng 3,0ha.

**Diện dân cư Ngọc Sơn 2:** bố trí dọc và xen kẽ các trục ngõ xóm, diện tích dự kiến khoảng 2,3ha.

**Diện dân cư Tân Kim:** bố trí dọc và xen kẽ các trục ngõ xóm, diện tích dự kiến khoảng 0,8ha. Và 1 điểm quy hoạch khu di dân Tân Kim dự kiến 6,6ha, đây là điểm di dân toàn bộ xóm Tân Kim ra khỏi khu vực ở hiện tại do hiện nay không đảm bảo an toàn khi mùa mưa bão về.

**Diện dân cư Xuyên Sơn:** quy hoạch điểm dân cư xóm Xuyên Sơn với quy mô 4,63 ha;

## **4.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ**

Để đảm bảo tốt công tác quản lý trên địa bàn xã Thần Sa và phục vụ nhu cầu vui chơi giải trí cho người dân khu vực đề án định hướng tổ chức hệ thống các công trình công cộng như sau:

### **4.2.1 Công trình trụ sở**

a. Trụ sở Cơ quan xã (Gồm Đảng Ủy, HĐND, UBND và các ban ngành, đoàn thể, hội trường đa năng)

Chỉ tiêu sử dụng đất theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy hoạch xây dựng.

Quy hoạch mới Trung tâm xã. Quy mô diện tích dự kiến là 4000,0m<sup>2</sup>. Toàn bộ các hạng mục trong UBND xã được xây mới. Định hướng kiến trúc các công trình xây dựng mới, mái dốc lợp tôn, kết cấu chịu lực nhà khung BTCT, móng BTCT chịu lực, tường xây gạch, tầng cao tối đa  $\leq 3$  tầng.

Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%;

Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến đường giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

b. Điểm bưu điện xã

Chỉ tiêu sử dụng đất theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy hoạch xây dựng.

Giữ nguyên vị trí cũ tại trung tâm xã, thực hiện quy hoạch chỉnh trang lại khuôn viên khu đất, trồng thêm cây xanh, hình thức kiến trúc giữ nguyên hiện trạng. Quy mô diện tích giữ nguyên hiện trạng là 162m<sup>2</sup>.

c. Trụ sở Công an xã

Quy hoạch mới vị trí tại xóm Kim Sơn. Quy mô diện tích là 3.000m<sup>2</sup>. Chỉ tiêu sử dụng đất theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy hoạch xây dựng. Định hướng kiến trúc các công trình xây dựng mới, mái dốc lợp tôn, kết cấu chịu lực nhà khung BTCT, móng BTCT chịu lực, tường xây gạch, tầng cao tối đa  $\leq 2$  tầng.

Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%;

Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến đường giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.



#### d. Trụ sở Quân sự xã

Quy hoạch mới vị trí tại xóm Kim Sơn. Quy mô diện tích là 1.300m<sup>2</sup>. Chỉ tiêu sử dụng đất theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy hoạch xây dựng. Định hướng kiến trúc các công trình xây dựng mới, mái dốc lợp tôn, kết cấu chịu lực nhà khung BTCT, móng BTCT chịu lực, tường xây gạch, tầng cao tối đa ≤ 2 tầng.

Mật độ xây dựng thuần tối đa: 40%;

Chỉ giới xây dựng: tuân thủ theo quy định các tuyến đường giao thông, tuy nhiên không nhỏ hơn 5m.

#### 4.2.2. Công trình giáo dục

+ Trường Mầm non Thần Sa;

Quy hoạch mới tại vị trí Ủy ban nhân dân xã tại Trung tâm xã. Quy mô diện tích là 2728,0m<sup>2</sup>. Toàn bộ các hạng mục nhà làm việc của UBND xã vừa được xây mới và cải tạo, chất lượng tốt chuyển đổi thành các phòng lớp học và các nhà phụ trợ khác. thực hiện quy hoạch chỉnh trang lại khuôn viên khu đất, cải tạo lại các công trình chính và phụ trợ, trồng thêm cây xanh làm bóng mát. Định hướng kiến trúc các công trình xây dựng mới, mái dốc lợp tôn, kết cấu chịu lực nhà khung BTCT, móng BTCT chịu lực, tường xây gạch, tầng cao tối đa ≤ 2 tầng.

Căn cứ theo điều kiện phân bố dân cư, khả năng đi lại và cập nhật các dự án trên địa bàn xã Thần Sa sẽ cải tạo mở rộng, quy hoạch mới 02 điểm trường mầm non;

+ Điểm trường Mầm non Hạ Sơn Đào;

Quy hoạch mở rộng, Quy mô diện tích là 1.700m<sup>2</sup>. Chỉ tiêu sử dụng đất theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy hoạch xây dựng.

+ Điểm trường Mầm non Thượng Kim:

Quy hoạch mới vị trí tại xóm Thượng Kim, Quy mô diện tích là 1.500m<sup>2</sup>. Chỉ tiêu sử dụng đất theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy hoạch xây dựng.

+ Điểm trường Mầm non Ngọc Sơn 2:

**Giữ nguyên vị trí tại xóm Ngọc Sơn 2, Quy mô diện tích là 1.206m<sup>2</sup>. Dự kiến sau khi sáp nhập lớp học sẽ chuyển đổi thành khu thể thao xóm Ngọc Sơn 2**

+ Trường Tiểu học Thần Sa:

Giữ nguyên vị trí tại xóm Trung Sơn, Quy hoạch mở rộng diện tích sang khu vực trường mầm non, thực hiện quy hoạch chỉnh trang lại khuôn viên khu đất, cải tạo lại các công trình chính và phụ trợ, trồng thêm cây xanh làm bóng mát. Định hướng kiến trúc các công trình xây dựng mới, mái dốc lợp tôn, kết cấu chịu lực nhà khung BTCT, móng BTCT chịu lực, tường xây gạch, tầng cao tối đa ≤ 2 tầng. Quy mô diện tích khu là 8456,6m<sup>2</sup>.

+ Điểm trường Tiểu học Ngọc Sơn 1;

Giữ nguyên vị trí tại xóm Ngọc Sơn 1. Quy mô diện tích là 1.500m<sup>2</sup>. Dự kiến sau khi sáp nhập lớp học sẽ chuyển đổi thành khu thể thao xóm Ngọc Sơn 1

+ Điểm trường Tiểu học Ngọc Sơn 2: Chuyển diện tích điểm trường Ngọc Sơn 2 sang nhà văn hóa kết hợp với sân thể thao

+ Điểm trường Tiểu học Tân Kim:

Thực hiện quy hoạch mở rộng khuôn viên khu đất, cải tạo lại các công trình chính và phụ trợ, trồng thêm cây xanh làm bóng mát. Định hướng kiến trúc các công trình xây dựng mới, mái dốc lợp tôn, kết cấu chịu lực nhà khung BTCT, móng BTCT chịu lực, tường xây gạch, tầng cao tối đa  $\leq 2$  tầng. Quy mô diện tích mở rộng là 2.567m<sup>2</sup>.

+ Trường PTDT-BT-THCS Thần Sa:

Giữ nguyên vị trí tại xóm Kim Sơn, thực hiện quy hoạch rộng khuôn viên ra phía sau với diện tích mở rộng là 1834,6m<sup>2</sup>. Chính trang lại khuôn viên khu đất, cải tạo lại các công trình chính và phụ trợ, trồng thêm cây xanh làm bóng mát. Định hướng kiến trúc các công trình xây dựng mới, mái dốc lợp tôn, kết cấu chịu lực nhà khung BTCT, móng BTCT chịu lực, tường xây gạch, tầng cao tối đa  $\leq 2$  tầng. Quy mô diện tích khu là 8.549m<sup>2</sup>.

+ Điểm trường Tiểu học Xuyên Sơn:

Quy hoạch trong khu vực điểm dân cư xóm Xuyên Sơn, diện tích quy hoạch 2947m<sup>2</sup>. Định hướng kiến trúc các công trình xây dựng mới, mái dốc lợp tôn, kết cấu chịu lực nhà khung BTCT, móng BTCT chịu lực, tường xây gạch, tầng cao tối đa  $\leq 2$  tầng

+ Các điểm trường khác:

Ngoài ra, tại khu di dân xóm Tân Kim sẽ quy hoạch điểm trường Mầm non điểm dân cư trên. điểm trường này sẽ được xác định vị trí trong quy hoạch chi tiết các điểm dân cư trên.

#### **4.2.3. Công trình y tế**

Trạm y tế xã

Chỉ tiêu sử dụng đất theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy hoạch xây dựng.

Giữ nguyên vị trí cũ tại xóm Kim Sơn, thực hiện quy hoạch chỉnh trang lại khuôn viên khu đất, trồng thêm cây xanh, đầu tư mua sắm thêm các trang thiết bị phục vụ công tác khám, chữa bệnh và thực hiện các chương trình y tế quốc gia. Định hướng kiến trúc giữ nguyên hiện trạng. Quy mô diện tích mở rộng là 2271,0m<sup>2</sup>.

#### **4.2.4. Công trình thể thao**

Khu thể thao trung tâm xã được quy hoạch mới tại xóm Trung Sơn với quy mô 15.000m<sup>2</sup>, đảm bảo diện tích tổ chức các lễ hội cũng như các tập tục sinh hoạt văn hóa văn nghệ thể thao nâng cao đời sống, dân trí cho dân cư trung tâm xã nói riêng

và cho toàn xã nói chung. Ngoài ra ở các thôn quy hoạch các tiểu công viên cây xanh kết hợp thể dục thể thao (tại vị trí các nhà văn hóa thôn trước khi sáp nhập)

Định hướng: Tạo môi trường sinh hoạt thể thao văn hóa trên toàn xã hoạt động sử dụng đạt trên 60% vào năm 2030 hoàn thiện tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

#### 4.2.5. Công trình thương mại dịch vụ.

+ Chợ Thần Sa

Quy hoạch mới vị trí tại xóm Kim Sơn, Quy mô diện tích là 3.700m<sup>2</sup>. Chỉ tiêu sử dụng đất theo tiêu chuẩn QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia Quy hoạch xây dựng. Định hướng kiến trúc các công trình xây dựng mới, mái dốc lợp tôn, kết cấu chịu lực nhà khung BTCT, móng BTCT chịu lực, tường xây gạch, tầng cao tối đa ≤ 2 tầng.

#### 4.2.6. Công trình thể thao văn hóa khu chức năng các thôn

##### - Công trình công cộng cấp xóm:

Bố trí tại các khu dân cư tập trung tại vị trí thuận tiện gần trục đường giao thông chính.

Mở rộng nâng cấp nhà văn hóa xóm xây dựng mới khu thể thao xóm.

Giữ nguyên khuôn viên các nhà văn hóa hiện có

Đối với các xóm quy hoạch nhà văn hóa tại vị trí mới. Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực, mang đặc trưng của công trình văn hóa.

Chiều cao từ 1-2 tầng

Mật độ xây dựng : ≤ 50%

TT	Hạng mục	Diện tích đất hiện trạng (m <sup>2</sup> )	Diện tích Quy hoạch (m <sup>2</sup> )	Ghi Chú
<b>I</b>	<b>Vị trí nhà văn hóa các xóm</b>			
1	Xóm Kim Sơn	119.2	1000	Mở rộng
2	Xóm Trung Sơn	188.2	1122	Quy hoạch vị trí mới
3	Xóm Ngọc Sơn I	202.9	1000	Mở rộng
4	Xóm Ngọc Sơn II	204	1170	Mở rộng
5.1	Xóm Xuyên Sơn	332	332	Giữ nguyên
5.2	Xóm Xuyên Sơn		720	Quy hoạch mới
6	Xóm Hạ Sơn Tày	440	1229	Mở rộng
7	Xóm Hạ Sơn Dao	200	1800	Mở rộng
8	Xóm Tân Kim	262	962	Mở rộng
9	Xóm Thượng Kim	333	957	Mở rộng

#### 4.2.7. Công trình tôn giáo, tín ngưỡng

Giữ nguyên khuôn viên các công trình tôn giáo, tín ngưỡng hiện có

Đối với các xóm quy hoạch công trình tôn giáo, tín ngưỡng tại vị trí mới. Định hướng kiến trúc: Kiến trúc phù hợp với khu vực, mang đặc trưng của công trình văn hóa.

Chiều cao từ 1-2 tầng

Mật độ xây dựng  $\leq 50\%$

STT	Tên công trình	Vị trí	Diện tích (m2)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Nhà Nguyện</b>			
1	Ngọc Sơn 1	Ngọc Sơn 1	1000	Giữ nguyên
2	Xuyên Sơn	Xuyên Sơn	1000	Giữ nguyên
<b>II</b>	<b>Đình làng</b>			
1	Khắc Kiệm	Xuyên Sơn	417.1	Giữ nguyên
2	Kim Sơn	Kim Sơn	244	Giữ nguyên
3	Trung Sơn	Trung Sơn	1000	Giữ nguyên
4	Hạ Sơn Tày	Hạ Sơn Tày	300	Giữ nguyên
5	Ngọc Sơn 2	Ngọc Sơn 2	414	Giữ nguyên
6	Ngọc Sơn 1	Ngọc Sơn 1	130.8	Giữ nguyên
7	Bản Ná	Xuyên Sơn	4555	Giữ nguyên
			9060.9	

#### 4.2.8. Cổng hàng rào, kết cấu nhỏ lẻ khác

Việc thực đầu tư xây dựng phải đảm bảo theo định hướng quy hoạch và được thẩm định cũng như đánh giá về mỹ quan, màu sắc....tạo sự hài hòa về tổng thể và không gian chung của các khu chức năng.

#### 4.3 Định hướng tổ chức không gian kiến trúc cho các khu dân cư mới và các xóm, bản cũ

Do đặc điểm tự nhiên, địa hình của xã và truyền thống sinh sống lâu đời của người dân nên việc di dời các hộ dân để hình thành khu dân cư tập trung là khó thực hiện. Vì vậy, quy hoạch giữ nguyên các khu dân cư hiện tại, dành quỹ đất để hình thành các khu đất dự trữ cho các hộ có nhu cầu tách hộ và các hộ dân trong khu vực thu hồi, trên cơ sở chuyển đổi một phần đất nông nghiệp xen cài trong khu dân cư, đất ven thôn, bản canh tác kém hiệu quả thành đất dự trữ phát triển dân cư phục vụ nhu cầu trong tương lai.

Quy hoạch mạng lưới điểm dân cư toàn xã và chỉnh trang khu dân cư hiện hữu phải đánh giá thực trạng quy hoạch sử dụng đất của khu dân cư, khu trung tâm xã, khu xây dựng các công trình sản xuất và phục vụ sản xuất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật và khu dành cho các mục đích khác (quốc phòng, du lịch, di tích lịch sử...). Khu vực (theo chức năng) đã sử dụng ổn định, phù hợp với quy hoạch được giữ lại; khu vực đã ổn định cần chỉnh trang, cải tạo. Những khu đất không còn phù hợp phải chuyển đổi mục đích sử dụng.

Cần chuyển đổi mục đích sử dụng những thửa đất canh tác nhỏ lẻ xen lẫn với đất thổ cư để có điều kiện hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội và nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

Cần đề xuất quy hoạch mới khu dân cư phù hợp với định hướng phát triển trong tương lai hoặc nhu cầu tái định cư khi có yêu cầu thay đổi chức năng sử dụng đất, cho các điểm dân cư ở các vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai bắt buộc phải di dời.

Khi quy hoạch xây dựng các hạng mục công trình cần kết hợp nét kiến trúc hiện đại và truyền thống, vừa giữ gìn bản sắc địa phương phù hợp với quy hoạch chung của huyện, tỉnh; phát huy tối đa nội lực và sự hỗ trợ bên ngoài.

TT	Công trình	Chỉ tiêu
1	Đất ở	- Chỉ tiêu chung: $\geq 25\text{m}^2/\text{Người}$ . - Đối với hộ nông nghiệp: $\geq 300 \text{ m}^2/\text{Hộ}$ .
2	Nhà văn hóa xóm	- Khu nhà văn hóa: $>300\text{m}^2$ - Khu sân tập thể thao: $> 500\text{m}^2$

#### 4.3.1 Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc khu dân cư mới

Các điểm dân cư quy hoạch mới được bố trí xem cài với các khu dân cư hiện hữu, hình thức không gian nhà ở dạng nhà vườn, diện tích mỗi hộ khoảng 300m<sup>2</sup> - 1000m<sup>2</sup> được bố trí các chức năng phù hợp (kết hợp đất ở và sản xuất tiểu thủ nông nghiệp).

Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống: Trong khuôn viên đất ở có nhà chính, nhà phụ (bếp, kho, sản xuất phụ...). Các công trình phụ riêng biệt, có sân vườn...

Kiến trúc các điểm dân cư ưu tiên theo hướng nhà sàn, mái lợp tôn, ngói, đảm bảo vệ sinh môi trường, có tổ chức hàm tự hoại cho khu vệ sinh. Không gian ở kết hợp với không gian sản xuất thuận tiện, lưu thông dễ dàng.

Diện tích lô đất ở hộ sản xuất nông nghiệp: từ 300 m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp: từ 300 m<sup>2</sup>/hộ trở lên.

Mật độ xây dựng: tối đa 60%.

Chiều cao tầng: khuyến khích  $\leq 2$  tầng.

Chỉ giới xây dựng: Tuân thủ theo chỉ giới được quy định với các tuyến đường giao thông;

#### 4.3.2 Định hướng cải tạo các thôn, bản cũ

- Giữ nguyên các khu dân cư hiện trạng, tôn trọng các nét đặc trưng nhà ở hiện hữu nhưng phải tạo dựng được không gian sống hiện đại, môi trường trong sạch theo các tiêu chí nông thôn mới. Đồng thời huy động các nguồn vốn để cải tạo chỉnh

trang trên cơ sở nâng cấp cải tạo hệ thống hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện, nước,...nhằm ổn định và nâng cao chất lượng môi trường sống.

- Các công việc cần cải tạo, chỉnh trang khu dân cư bao gồm:
- + Mở rộng và cứng hóa các tuyến đường nội thôn, hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt.
- + Chỉnh trang, cải tạo công trình trong khuôn viên ở của từng hộ gia đình để thuận tiện cho sinh hoạt, sản xuất và đảm bảo vệ sinh môi trường.
- + Xây dựng hệ thống lưu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.
- Định hướng tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc:
- + Khuyến khích tổ chức không gian, xây dựng công trình kế thừa bản sắc và kiến trúc truyền thống.
- + Ban hành quy định quản lý kiến trúc và trật tự xây dựng để các cá nhân, tổ chức trong các xóm thực hiện đầu tư xây dựng, đảm bảo mỹ quan của bộ mặt các thôn, xóm.
- + Diện tích lô đất ở hộ sản xuất nông nghiệp: từ 300 m<sup>2</sup>/hộ trở lên.
- + Diện tích lô đất ở hộ kinh doanh, hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp: Từ 300 m<sup>2</sup>/hộ trở lên.
- + Mật độ xây dựng: tối đa 60%.
- + Chiều cao tầng: khuyến khích ≤ 2 tầng.
- + Chỉ giới xây dựng: Tuân thủ theo chỉ giới được quy định với các tuyến đường giao thông;

#### **4.4. Định hướng tổ chức các khu vực sản xuất nông nghiệp, công nghiệp và dịch vụ thương mại**

Không gian sản xuất của xã được bố trí trên tổng thể khu quy hoạch theo đó phần đất nông nghiệp được tổ chức theo 2 dạng tập trung và phân tán.

Phần diện tích đất nông nghiệp tập trung định hướng ở các khu trung tâm và các điểm dân cư nông thôn và chủ yếu là trồng cây ăn quả và trồng lúa.

Phần đất nông nghiệp phân tán trong các khu dân cư hiện hữu vẫn tiến hành đầu tư sản xuất nông nghiệp theo mô hình xen cài làng nông nghiệp sinh thái.

Tận dụng diện tích các loại đất phi nông nghiệp theo quy hoạch chung nhưng chưa tiến hành chuyển đổi công năng sang đất phi nông nghiệp.

Ngoài ra còn có một số mô hình riêng lẻ như nuôi heo, bò, trồng dược liệu...cũng được đầu tư phát triển có hiệu quả trên địa bàn xã.

Khuyến khích phát triển sản xuất nông nghiệp với các mô hình sản xuất, trồng trọt, nuôi trồng thủy sản. Phát triển các loại hình tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ phục vụ cho nông nghiệp và nhu cầu đời sống xã hội.

##### **4.4.1. Đất canh tác sản xuất nông nghiệp**

###### *Vùng trồng lúa*

Phát triển trên cơ sở các khu cánh đồng sản xuất lúa hiện tại của xã, lựa chọn các khu vực có điều kiện thuận lợi để xây dựng các vùng chuyên canh sản xuất lúa đã được quy hoạch tập trung trong giai đoạn 2012-2020

Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng đồng bộ ưu tiên chuyển đổi các khu vực 1 vụ lúa về sản xuất hai vụ lúa, nhằm tăng năng suất cây trồng, tạo thu nhập cao cho nông dân.

Quy hoạch vùng chuyên lúa: đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ chuyển đổi từ đất trồng lúa có năng suất thấp ra đất chuyên lúa có năng suất cao, tại cánh đồng xóm Trung Sơn, Hạ Sơn Tày, với quy mô 30 ha, các khu vực sản xuất lúa khác nằm xen kẽ với các loại đất khác trong xã tại tất cả các xóm chuyển đổi dần từ lúa 1 vụ thành lúa 2 vụ có năng suất cao.

Quy hoạch vùng sản xuất cây lương thực có hạt khác: Các vùng sản xuất cây lương thực có hạt khác như Ngô, Đỗ tương, Lạc, Đậu tằm trung chủ yếu tại xóm Ngọc Sơn 1, Ngọc Sơn 2, Kim Sơn, Hạ Sơn Dao, Tân Kim, Thượng Kim. Với tổng diện tích khoảng 200ha;

Tiếp tục quy hoạch vùng trồng cây ăn quả tại xóm Kim Sơn với quy mô 15ha

#### *Quy hoạch vùng trồng chè*

Quy hoạch vùng sản xuất chè: Tiếp tục giữ nguyên theo quy hoạch năm 2012 tại xóm Hạ Sơn Dao, Hạ Sơn Tày với quy mô 22,4 ha. Tiếp tục mở rộng diện tích, trong giai đoạn tới sẽ tập trung đầu tư chăm sóc ổn định diện tích chè hiện có toàn xã, đẩy mạnh ứng dụng KHKT theo quy trình Viet GAP

Chuyển đổi diện tích đất rừng sản xuất những khu vực dọc bên sườn núi thuộc xóm Kim Sơn, Hạ Sơn Dao, Hạ Sơn Tày. Dự kiến quy mô diện tích chuyển đổi thành 3 vùng;

Vùng 1: Xóm Kim Sơn, diện tích 38,9ha;

Vùng 2: Xóm Hạ Sơn Dao, diện tích 10,2 ha;

Vùng 3: Xóm Hạ Sơn Tày, diện tích 5,6 ha.

Các giống chè đưa vào sản xuất là các giống có chất lượng tốt như: Các giống chè nhập nội như: chè Kim Tuyên, chè Phúc Văn Tiên, chè LDP

#### *Quy hoạch Thủy Sản*

Củng cố giữ nguyên diện tích nuôi trồng thủy sản cũ, tiếp tục cải tạo và mở rộng diện tích mặt nước các ao, hồ, ... đồng thời tận dụng sản phẩm phụ từ các ngành khác (chăn nuôi, trồng trọt,...) làm thức ăn cho nuôi trồng;

- QH vùng nuôi trồng thủy sản tại xóm Hạ Sơn Dao với quy mô: 0,4 ha

-QH vùng nuôi trồng thủy sản tại xóm Trung Sơn với quy mô: 0,1ha

- Qh vùng nuôi trồng thủy sản tại xóm Ngọc Sơn 1 với quy mô: 0,3ha

#### *Chăn nuôi tập trung*

Tận dụng tiềm năng sẵn có của địa phương tập trung phát triển một số vật nuôi truyền thống như trâu bò, lợn và gia cầm, đưa thêm một số giống mới vào chăn nuôi như dê, thỏ... hạn chế chăn nuôi hộ gia đình.

Điều chỉnh lại quy mô và diện tích các khu vực chăn nuôi tập trung, điều chỉnh bỏ vùng chăn nuôi tập trung tại xóm Tân Kim. Điều chỉnh vị trí Khu chăn nuôi tập trung tại xóm Ngọc Sơn 2, Quy hoạch mới vị trí khu chăn nuôi tập trung tại xóm Ngọc Sơn 1, Kết hợp chăn nuôi công nghiệp kết hợp với hình thức bán chăn thả tại khu vực 2 xóm trên với quy mô 25,0 ha. **Quy hoạch mới vị trí khu chăn nuôi tập trung tại xóm Xuyên Sơn với quy mô 15,0 ha, tại xóm Trung Sơn với quy mô 2,0ha.**

#### *Sản xuất Lâm Nghiệp*

Tiếp tục phát triển Các vùng rừng sản xuất tập trung tại các xóm, tạo thành liên kết vùng rừng trồng sản xuất. Tăng cường công tác trồng rừng gắn với chăm sóc, quản lý bảo vệ rừng; tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn cho các chủ trang trại, khuyến khích doanh nghiệp liên kết với các hộ có đất rừng phát triển trang trại rừng theo hướng nông, lâm kết hợp trồng rừng giá trị kinh tế cao và rừng nguyên liệu, phát huy hiệu quả kinh tế rừng nhằm nâng cao thu nhập cho người lao động; đồng thời tận dụng không gian diện tích dưới tán rừng để cho chăn thả gia súc, gia cầm và kết hợp nuôi ong lấy mật; phát triển các mô hình nông lâm kết hợp, mô hình thâm canh các loại cây trồng

Phát triển các loại cây lâm nghiệp lấy gỗ phục vụ cho các ngành công nghiệp bột giấy, ván dăm, mộc mỹ nghệ như Keo, Bạch đàn, Mỡ và cây bản địa như Lát, Kháo, Lim, tại tất cả các khu vực rừng sản xuất trong xã nằm xen kẽ với rừng đặc dụng

Chuyển đổi diện tích đất rừng đặc dụng những khu vực dọc bên sườn núi thuộc xóm Hạ Sơn Dao, Xuyên Sơn, Thượng Kim, Ngọc Sơn 2

- Quy hoạch rừng sản xuất xóm Hạ Sơn Dao; diện tích 11.1ha;
- Quy hoạch rừng sản xuất xóm Xuyên Sơn; diện tích 34.8 ha;
- Quy hoạch rừng sản xuất xóm Thượng Kim; diện tích 38,0ha;
- Quy hoạch rừng sản xuất xóm Ngọc Sơn 2; diện tích: 15,0ha;
- Quy hoạch rừng sản xuất xóm Ngọc Sơn 1; diện tích; 2,5ha;

Trong quá trình chuyển đổi đất xây dựng nông thôn vẫn duy trì đất canh tác nông nghiệp ở các khu vực trong địa phương, ngoài ra cần chú ý:

a. Cơ giới hóa nông nghiệp nhằm nâng cao năng suất.

b. Đưa tiến bộ khoa học kỹ thuật chuyên giao các loại giống cây trồng có chất lượng cao cả về lượng và chất, ngoài ra còn trồng hoa, trồng rau sạch, trồng ngô...

#### **4.4.2. Dịch vụ thương mại**

Tập trung chủ yếu ở khu vực trung tâm xã. Chủ yếu là các hộ dân dọc trục đường vành đai 2. Quy hoạch và đầu tư xây dựng nâng cấp chợ trung tâm xã.

#### **4.4.3. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp**

Trên cơ sở các dự án đã được đầu tư và khai thác như Mỏ Vàng Khắc Kiệm, Mỏ vàng Khau Âu.

Điều chỉnh mở rộng và quy hoạch mới các điểm khai thác khoáng sản.



STT	Tên công trình, dự án	Địa điểm	Quy hoạch	Hiện trạng	Tăng thêm
1	Mỏ chì kẽm Lũng Đình - Lũng Sáu	Ngọc Sơn	15.33	14.40	0.93
2	Mỏ vàng sa khoáng Khắc Kiệm	Xuyên Sơn	34.09	6.81	27.28
3	Mỏ vàng gốc Khau Âu	Thương Kim	119.16	44.16	75.00
4	Mỏ vàng Tân Kim	Tân Kim	19.69	9.23	10.46
5	Mỏ vàng sa khoáng Nam Khắc Kiệm	Xuyên Sơn	10.27	8.17	2.10
6	Công trình phụ trợ của mỏ vàng sa khoáng Khắc Kiệm và mỏ vàng sa khoáng nam thung lũng Khắc Kiệm	Xuyên Sơn	20.00		20.00
7	Mỏ vàng gốc, delivi khu vực Đèo Cánh, Lũng Địa chất	Xuyên Sơn	28.00	25.12	2.88
8	Mỏ vàng gốc, deluvi Bãi Mỗ	Bãi Mỗ	27.80	14.10	13.70

- Mở rộng cụm khai thác Cát sỏi Suối Cái – Kim Sơn 11,0ha. mở rộng 7,0ha

#### 4.5. Định hướng tổ chức các khu chức năng đặc thù khác trên địa bàn xã

##### 4.5.1 Khu chức năng đặc thù phát triển thương mại du lịch kết hợp khu nhà ở theo mô hình nhà vườn.

Trên địa bàn xã dự kiến quy hoạch Điểm tham quan Thác Mưa Rơi tại xóm Kim Sơn và Điểm tham quan Thác Bảy tầng tại xóm Ngọc Sơn 1.

Quy hoạch khu chức năng phát triển thương mại du lịch tại bản Ná với diện tích quy hoạch S=46,0ha khi dự án Khai thác vàng sa khoáng Bản Ná của Công ty CPĐT và XD Thăng Long chấm dứt hoạt động, dự kiến khu vực này sẽ tận dụng những khu vực hồ nước hiện có, quy hoạch thành khu du lịch sinh thái với diện tích 46,0ha.

Ngoài ra còn quy hoạch các khu vực có di chỉ khảo cổ học Mái đá Ngườm, Phiêng Tung dọc 2 bên Sông Cái, nhà trưng bày di chỉ khảo cổ.

- Đất quốc phòng: Quy hoạch đất thao trường quân sự xã tại xóm Trung Sơn quy mô 4,0ha

Định hướng quy hoạch cải tạo các khu nhà vườn đã có, quy hoạch mới các khu nhà ở theo mô hình nhà vườn dọc theo tuyến đường liên thôn nhằm phát triển du lịch cộng đồng và du lịch sinh thái.

##### 4.5.2 Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất.

- Định hướng quy hoạch **khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất** thương mại dịch vụ tại xóm Hạ Sơn Dao. Đây là trung tâm sản xuất và giới thiệu sản phẩm tiêu

thủ công nghiệp của xã tới khách du lịch cũng như các nhà đầu tư. Quy mô quy hoạch 1,1ha.

- Định hướng quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất tại xóm Trung Sơn với quy mô 1,8 ha

- Định hướng quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ sản xuất tại xóm Ngọc Sơn 1 với quy mô 0,5ha

## V. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

### 5.1. Quy hoạch các loại đất trên địa bàn xã cập nhật phù hợp với quy hoạch sử dụng đất cấp huyện

Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng xã Thần Sa cơ bản đã phù hợp so với quy hoạch sử dụng đất huyện Võ Nhai được Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên thẩm định, trình phê duyệt quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030.

### 5.2. Xác định diện tích đất cho nhu cầu phát triển theo các giai đoạn 5 năm, 10 năm và các thông số kỹ thuật chính cho từng loại đất

Các nội dung được đánh giá và phân tích ở các vấn đề cụ thể như:

(1) Đất nông nghiệp: Diện tích đất nông nghiệp hiện tại của xã là: Hiện trạng=9874,34ha. Định hướng phát triển theo biến động giảm đến năm 2030 diện tích đất là: Sq quy hoạch=9639,45ha. Chủ yếu biến động giảm về đất trồng rừng sản xuất được chuyển sang đất hạ tầng và đất xây dựng.

(2) Đất xây dựng: Diện tích đất xây dựng hiện tại của xã là: Hiện trạng=288,41ha. Định hướng phát triển theo biến động tăng đến năm 2030 diện tích đất là: Sq quy hoạch=527,60ha. Chủ yếu biến động tăng về đất khoáng sản và đất ở nông thôn.

(3) Đất khác: Diện tích đất khác hiện tại của xã là: Hiện trạng=61,44ha. Định hướng phát triển đến năm 2030 diện tích đất khác của xã là: Sq quy hoạch=57,14ha. Chủ yếu biến động về đất khoáng sản vật liệu xây dựng.

### 5.3. Tổng hợp quy hoạch sử dụng đất

**Bảng 5. Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất**

BẢNG TỔNG HỢP QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT						
TT	Mục đích sử dụng	Hiện trạng 2022		Quy hoạch đến năm 2035		Tăng (+) Giảm (-)
		Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (Ha)	Tỷ lệ (%)	
	<b>Tổng diện tích đất (1+2+3)</b>	<b>10,224.19</b>	<b>100.0%</b>	<b>10,224.19</b>	<b>100.0%</b>	
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>9,874.34</b>	<b>96.6%</b>	<b>9,635.26</b>	<b>94.2%</b>	- 239.0785
1.1	Đất trồng lúa	225.69	2.2%	185.19	1.8%	-40.50

1.2	Đất trồng trọt khác	259.23	2.5%	289.92	2.8%	30.69
1.3	Đất rừng sản xuất	1,345.36	13.2%	1,156.19	11.3%	-189.17
1.4	Đất rừng phòng hộ	2,357.08	23.1%	2,315.81	22.7%	-41.27
1.5	Đất rừng đặc dụng	5,678.93	55.5%	5,638.00	55.1%	-40.93
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	8.05	0.1%	8.15	0.1%	0.10
1.7	Đất nông nghiệp khác	0.00		42.00	0.4%	42.00
1.7.1	Đất chăn nuôi tập trung	0.00		42.00	0.4%	
<b>2</b>	<b>Đất xây dựng</b>	<b>288.41</b>	<b>2.8%</b>	<b>531.79</b>	<b>5.2%</b>	243.379
2.1	Đất ở tại nông thôn	22.07	0.2%	64.73	0.6%	42.6600
2.2	Đất Công Cộng	3.80	0.0%	5.61	0.1%	1.8137
2.3	Đất cây xanh, thể dục thể thao	0.00	0.0%	1.72	0.0%	1.7206
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	6.35	0.1%	59.32	0.6%	52.9700
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	0.01	0.0%	3.41	0.0%	3.4000
2.6	Đất khoáng sản và vật liệu xây dựng	209.77	2.1%	322.42	3.2%	112.65
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	0.00		0.00		0.0000
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	41.84	0.4%	62.42	0.6%	20.578
2.8.1	Đất giao thông	39.68	0.4%	51.29	0.5%	11.606
2.8.2	Đất xử lý chất thải rắn	0.00		0.63	0.0%	0.63
2.8.3	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	2.15	0.0%	10.20	0.1%	8.0
2.8.4	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0.00	0.0%	0.30	0.0%	0.30
2.9	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	4.57	0.0%	7.73	0.1%	3.16
2.10	Đất quốc phòng, an ninh	0.00		4.43	0.0%	4.43
<b>3</b>	<b>Đất khác</b>	<b>61.44</b>	<b>0.6%</b>	<b>57.14</b>	<b>0.6%</b>	-4.30
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	61.44	0.6%	57.14	0.6%	-4.30
3.2	Đất chưa sử dụng	0.00	0.0%	0.00	0.0%	

## VI. QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 6.1. Định hướng quy hoạch xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, các công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật trong phạm vi xã

#### 6.1.1. Giao thông

(1) Tuyến đường Nước Hai – Thần Sa – Văn Lăng theo Quyết định số 222/QĐ-Ttg ngày 14/03/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thái Nguyên thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050 được quy hoạch là đường Vành đai 2 quy mô cấp III Miền núi đi qua địa bàn xã Thần Sa là tuyến đường có vai trò liên thông, kết nối các xã huyện Võ Nhai với nhau và với các huyện khác trong tỉnh.

Định hướng chính trang mở rộng hành lang giao thông và đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

(2) Định hướng nâng cấp, mở rộng các tuyến đường liên thôn.

(3) Các tuyến đường trục thôn cơ bản đã được cứng hóa, định hướng quy hoạch chính trang, mở rộng các tuyến đường trục thôn cho phù hợp với thực tế và đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận lợi. Có tính toán đến việc giữ gìn bản sắc đồng quê, nhằm phát triển theo mô hình du lịch cộng đồng. Ngoài ra chú trọng đầu tư bê tông hóa các tuyến đường chính đảm bảo tiêu chí nông thôn mới nâng cao năm 2030.

(4) Các tuyến đường ngõ xóm đã được cứng hóa 83,36%, định hướng quy hoạch chính trang, mở rộng các tuyến đường ngõ xóm cho phù hợp với thực tế. Cứng hóa 100% các tuyến đường.

(5) Kiên cố hóa các tuyến đường nội đồng, đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện.

Định hướng: Định hướng năm 2035 mở rộng và nâng cấp đối với các trục đường liên thôn, đảm bảo 100% cứng hóa. Phát triển mở rộng và nâng tuyến (tại những vị trí cua gấp khúc không đảm bảo tiêu chuẩn) theo đường cấp đường giao thông nông thôn.

### **6.1.2. Cấp điện**

Tính toán và quy hoạch xây dựng mới, nâng cấp các trạm biến áp đã có phục vụ đủ nhu cầu sinh hoạt, sản xuất kinh doanh của toàn xã cũng như các điểm dân cư.

Định hướng: Đảm bảo cấp điện sinh hoạt tối thiểu 200 w/người và cấp điện chiếu sáng cho các tuyến đường trục chính (khu trung tâm xã, đạt tối thiểu 90%). Đến năm 2030 hoàn thành tiêu chuẩn nông thôn mới và nâng cao đến năm 2035.

### **6.1.3. Cấp nước**

Định hướng quy hoạch nâng cấp công suất 3 trạm cấp nước hiện trạng, nguồn nước lấy từ khe suối trên núi, cấp cho toàn bộ các hộ dân trong xã.

Định hướng: Đảm bảo tỷ lệ cấp nước sạch theo tiêu chuẩn nông thôn mới nâng cao đến năm 2030 đạt trên 85% với khối lượng nước cấp nước đạt tối thiểu 60lít/người/ngày đêm.

### **6.1.4. Thoát nước**

Nạo vét và gia cố các khu vực gấp khúc cầu, tràn khe suối, giảm nguy cơ sạt lở, sạt lở cũng như tạo lập quỹ đất phát triển điểm dân cư. Ngoài ra bổ sung hệ thống rãnh thoát nước tại các trục đường trục thôn, liên xã...

Định hướng: Đảm bảo không còn hiện tượng sạt lở tại các vị trí qua khu dân cư trên địa bàn xã cũng như không còn hiện tượng ngập úng cục bộ trên địa bàn xã.

### **6.1.5. Thủy lợi**

Các đập đầu mối đã được quy hoạch và đầu tư xây dựng. Hệ thống kênh mương cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất của xã, tuy nhiên cần cải tạo và kiên cố hóa để đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật lâu dài.

Định hướng: Thường xuyên duy trì, bảo dưỡng các đập đầu mối và kênh mương đã có, hàng năm rà soát đánh giá theo thực tế đầu tư xây mới đập đầu mối và kênh mương theo nhu cầu.

## **6.2. Xác định vị trí, quy mô cho các công trình hạ tầng kỹ thuật**

### **6.2.1. Quy hoạch hệ thống giao thông**

#### **6.2.1.1. Nguyên tắc và giải pháp thiết kế**

Hệ thống giao thông phải đảm bảo khả năng thông hành và kết nối nhanh chóng, an toàn giữa các khu chức năng trong khu quy hoạch với nhau và với các tuyến đường đã xác định trong quy hoạch chung.

Hệ thống các công trình phục vụ giao thông trong khu vực phải đáp ứng nhu cầu phát triển, đảm bảo thuận tiện cho các đối tượng tham gia giao thông.

Mạng lưới đường được thiết kế theo tầng bậc. Các đường cấp thấp hơn chủ yếu chỉ đấu nối với các tuyến đường cao hơn một cấp. Trường hợp đường cấp thấp đấu nối ra đường cao hơn hai cấp trở lên sẽ tổ chức giao thông để chỉ được rẽ phải giao nhập vào dải giao thông địa phương. Vị trí các điểm đấu nối phải đảm bảo không gây ảnh hưởng nhiều đến dòng giao thông trên các tuyến đường cấp cao hơn nhưng cũng phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân trong khu vực quy hoạch.

#### **6.2.1.2. Nội dung thiết kế**

##### **(1) Giao thông đối ngoại:**

a. Vành đai 2 ( Mặt cắt 1-1) đi qua xã có chiều dài tuyến L=10,8km được quy hoạch đạt tiêu chuẩn cấp III Miền núi, có đầy đủ hệ thống thoát nước dọc, ngang, nút giao và hệ thống an toàn giao thông. Nền đường có chiều rộng 9,0m, mặt đường rộng 8,0m, mặt đường đổ bê tông nhựa 2 lớp, dày 12cm phù hợp với quy hoạch giao thông giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b. Đoạn qua trung tâm xã (xóm Kim Sơn từ trạm Kiểm Lâm đến đường rẽ vào nhà văn hóa xóm Kim Sơn) được quy hoạch theo đường đô thị, Nền đường có chiều rộng 19,5m, mặt đường rộng 10,5m, vỉa hè 2 bên mỗi bên rộng 4,5m.

c. Trục đường liên xã (Mặt cắt 2-2) Trung tâm xã đi xóm Ngọc Sơn 2; đường ngã ba Suối Phung đi xóm Tân Kim đi Như Cố định hướng đến năm 2030 nâng cấp đường đạt cấp IV miền núi.

Định hướng: Đây là các tuyến đường có vai trò liên thông, kết nối vùng phụ cận với trung tâm, kết nối xã Thần Sa với các xã trong huyện và trong tỉnh, đồng thời kết nối các đơn vị ở với nhau. Định hướng nâng cấp mở rộng đoạn đi qua trung tâm các điểm dân cư nông thôn tập trung.

##### **(2) Giao thông đối nội:**

\* Đường giao thông trực thôn, liên thôn (Mặt cắt 3-3):

Mở rộng các tuyến đường liên thôn theo tiêu chuẩn đường cấp A miền núi; bề rộng mặt đường 3,5m; nền đường tối thiểu 6,0m, hành lang an toàn 5,0m; Kết hợp xây dựng kênh tưới, tiêu dọc theo đường giao thông.

\* Đường ngõ xóm (Mặt cắt 4-4):

Mở rộng các tuyến đường ngõ xóm, áp dụng tiêu chuẩn đường cấp B miền núi; bề rộng mặt đường 3,0m, chiều rộng nền đường tối thiểu 5,0m, hành lang an toàn 5,0 m. Kết hợp xây dựng kênh tưới, tiêu dọc theo đường giao thông.

Các tuyến đường nội thôn khác dựa vào tình hình thực tế có thể mở rộng nền đường và mặt đường cho phù hợp nhu cầu đi lại cũng như phục vụ cho nhu cầu sản xuất. Xong cần tính toán đến việc giữ được tính chất của đường đồng quê nhằm không phá vỡ cảnh quan phục vụ cho phát triển du lịch cộng đồng. Vận động nhân dân trồng và chăm sóc hoa hai bên đường.

\*Giao thông nội đồng trực chính (Mặt cắt 5-5)

+ Các đường cách 500-800m. Kết hợp xây dựng kênh tưới, tiêu dọc theo đường giao thông. Áp dụng tiêu chuẩn đường cấp C, bề rộng mặt đường 3,0m. chiều rộng nền đường tối thiểu 4,0m.

Quy hoạch phát triển hệ thống rãnh thoát nước kèm theo phát triển các trục đường chính liên xã, liên thôn và một số đường nội thôn mở rộng và mở mới.

Định hướng: Đến năm 2030 đảm bảo cứng hóa 100% tuyến đường liên thôn và ngõ xóm cho giai đoạn tiếp theo.

<b>BẢNG THỐNG KÊ GIAO THÔNG XÃ THẦN SA</b>																
TT	Hạng mục	Địa danh quản lý		hiện trạng tuyến đường năm 2023							Quy hoạch giai đoạn 2023-2030					Ghi chú
		Điểm đầu	Điểm cuối	Chiều dài (km)	Chiều rộng		Kết cấu mặt đường			Đất (km)	Chiều rộng		Kết cấu đường		Cấp đường	
					Mặt Đường (m)	Nền đường (m)	Nhựa (km)	Bê tông (km)	cấp phối (km)		Mặt đường (m)	Nền Đường (m)	Nhựa (km)	Bê tông (km)		
A	Đường liên xã, xã			23			12	9	2							
1	Đường đi xã Thần Sa	Nga ba Nước Hai	Trung tâm xã	5,6	3	4-6	5,6					8,0	9,0	X	III	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
2	Đường từ trung tâm xã đi xóm Ngọc Sơn 2	Trung tâm xã	Ngã ba Suối Phung	6,4	3	3,5-5	6,4					5,5	7,5	x	IV	
3	Đường từ trung tâm xã đi Văn Lãng, Đồng Hỷ	Trung tâm xã	Văn Lãng, Đồng Hỷ	5,2	3	3,5-5		5,2				8,0	9,0	x	III	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
4	Đường từ xóm Tân Kim đi Như Cỏ, Bắc Kạn	Đường xã	xã Như Cỏ, Chợ Mới, Bắc Kạn	2		4			2			5,5	7,5	x	IV	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
5	Đường đi xóm Tân Kim	Ngã ba Suối Phung	xóm Tân Kim	3,8	3	3,5-5		3,8				3,5	6,0	x	A	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường

<b>B</b>	<b>Đường trục xóm, liên xóm</b>			<b>34,63</b>				<b>16,53</b>	<b>15,8</b>							
1	Đường đi xóm Ngọc Sơn 2	Ngã ba Suối Phung	Xóm Ngọc Sơn 2	2,9	3	3,5 - 4		2,9			<b>3,5</b>	<b>6</b>		<b>x</b>	<b>A</b>	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
2	Đường đi xóm Xuyên Sơn	Ngã ba Suối Phung	Xóm Xuyên Sơn	4,8	0	3-4		4,3	0,5		5,5	7,5		x	A	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
3	Đường đi xóm Hạ Sơn Tày	Cầu treo xóm Hạ Sơn Tày	Xóm Hạ Sơn Tày	1,55	3	3,5		1,35	0,2		3,5	5,0		x	B	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
4	Đường từ Tân Kim đi xóm Thượng Kim	Xóm Tân Kim	Xóm Thượng Kim	5		5-Mar			5		3,5	6,0		x	A	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
5	Đường theo Khe Nước Đục đi xóm Thượng Kim (Có Trần liên hợp)	Xóm Xuyên Sơn	Xóm Thượng Kim	5		5-Mar			5		3,5	5,0		x	B	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường



6	Đường trục xóm Tân Kim ( Có Trần liên hợp)	Đường xã	xóm Tân Kim	2,3		3					3,5	5,0		x	B	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
7	Đường trục xóm Kim Sơn ( Có Trần liên hợp: sl=03)	Cầu treo Trung Kim Sơn	Đường xã	1,7	2	3		1,7			3,5	5,0		x	B	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
8	Đường vào Lũng Mông, xóm Ngọc Sơn I ( Có Trần liên hợp)	Trung tâm xóm Ngọc Sơn I	Lũng Mông	1,2	2	3-4		0,35	0,85		3,5	5,0		x	B	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
9	Đường xóm Hạ Sơn Dao ( Có Trần liên hợp: sl =03)	Đường đi Văn Lãng	xóm Hạ Sơn Dao	0,9	2,5	3		0,9			3,5	5,0		x	B	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
10	Đường từ xóm Trung Sơn đi xóm Xuyên Sơn ( Có Trần liên hợp :sl=02)	Xóm Trung Sơn	Xóm Xuyên Sơn	3		3-5			3		3,5	5,0		x	B	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường

5	Đường đi xóm Tân Kim ( Có Trần liên hợp)	Ngã ba Suối Phung	Xóm Tân Kim	4,4	3	3,5 - 4		4,4			<b>3,5</b>	<b>5,0</b>		x	<b>B</b>	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
11	Đường xóm Trung Sơn ( Có Trần liên hợp)	Đường xã	xóm Trung Sơn	1,88	2,5	3		0,63	1,25		3,5	5,0		x	B	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
D	Đường ngõ xóm ( Có Trần liên hợp : sl=-02)			34,5				23,3	11		3,5	5,0		x	B	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
1	Đường ngõ xóm Kim Sơn	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3,2	1,5 - 2	2-3		2,7	0,5		3,5	5,0		x	B	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
2	Đường ngõ xóm Trung Sơn	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	4,6	1,5 - 2	2-3		3,5	1,1		<b>3,0</b>	<b>4,0</b>		x	<b>C</b>	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
3	Đường ngõ xóm Hạ Sơn Tày	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3,7	1,5 - 2	2-3		2,6	0,9		3,0	4,0		x	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường

4	Đường ngõ xóm Hạ Sơn Dao	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3,8	1,5 - 2	2-3		3,3	0,5		3,0	4,0		x	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
5	Đường ngõ xóm Ngọc Sơn I	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3,9	1,5 - 2	2-3		3,5	0,4		<b>3,0</b>	<b>4,0</b>		<b>x</b>	<b>C</b>	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
6	Đường ngõ xóm Ngọc Sơn 2	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	4,5	1,5 - 2	2-3		4,5			3,0	4,0		x	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
7	Đường ngõ xóm Xuyên Sơn	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3,8	1,5 - 2	2-3		3,2	0,6		3,5	5,0		x	B	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
8	Đường ngõ xóm Tân Kim	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3,7	1,5 - 2	2-3			3,7		3,0	4,0		x	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
9	Đường ngõ xóm Thượng Kim	Đường xóm	Các cụm dân cư, các hộ gia đình	3,3	1,5 - 2	2-3			3,3		3,0	4,0		x	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường

<b>C</b>	<b>Đường trục chính nội đồng</b>			<b>7.2</b>					<b>3,1</b>		<b>3,0</b>	<b>4,0</b>		<b>x</b>	<b>C</b>	<b>Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường</b>
	Đường nội đồng xóm Ngọc Sơn I	Đường xã	Ra cánh đồng xóm Ngọc Sơn I	1		1-2			1		3,0	4,0		x	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
	Đường nội đồng xóm Kim Sơn	Đường xóm	Ra cánh đồng xóm Kim Sơn	0.4		1-2			0,4		<b>3,0</b>	<b>4,0</b>		<b>x</b>	<b>C</b>	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
	Đường nội đồng xóm Trung Sơn	Đường xóm	Cánh đồng xóm Trung Sơn	1.7		1-2			1,7		3,0	4,0		x	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
<b>C1</b>	<b>Đường trục chính nội đồng bổ sung năm 2023</b>															
	Đường nội đồng xóm Kim Sơn	Nhà văn hóa xóm Kim Sơn	Cánh đồng xóm Kim Sơn	0.2		1-2				X	3,0	4,0		X	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
	Đường vào khu sản xuất xóm Hạ Sơn Dao	Đường vành đai 2	Cánh đồng suối Giác	1.2		1-2				X	3,0	4,0		X	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền

																đường
	Đường nội đồng xóm Ngọc Sơn 1	Đường xã	Đường xã	1.1		1-2				X	3,0	4,0		X	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
	Đường nội đồng xóm Trung Sơn	Đường xã	Cánh đồng xóm Co Pốp	0.5		1-2			1,7		3,0	4,0		x	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
	Đường nội đồng xóm Trung Sơn	Đường xã	Cánh đồng xóm Na Khù	0.8		1-2			1,7		3,0	4,0		x	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường
	Đường nội đồng xóm Trung Sơn	Đường xã	Cánh đồng xóm Nhà phay	0.3		1-2			1,7		3,0	4,0		x	C	Mở rộng lộ giới, cải tạo nâng cấp nền đường

## **6.2.2. Quy hoạch san nền**

### **6.2.2.1. Nguyên tắc thiết kế**

Tận dụng tối đa địa hình tự nhiên, giảm thiểu khối lượng đào đắp, đảm bảo các yếu tố như kỹ thuật, kinh tế, thẩm mỹ.

Kết hợp hài hòa giữa khu vực xây mới và khu vực hiện trạng. Đặc biệt sự kết hợp giữa các khu chức năng mới hình thành phải đảm bảo tính đồng bộ với khu hiện trạng đã có.

San nền theo nguyên tắc đảm bảo thoát nước tự chảy được thuận lợi nhất, không bị ngập úng, sạt lở.

### **6.2.2.2. Giải pháp thiết kế cao độ**

Cao độ tìm đường thiết kế tuân thủ theo quy định của địa phương về giới hạn cốt san nền thấp nhất của các công trình xung quanh

Cao độ tìm đường thiết kế tại các điểm giao nhau ở bước quy hoạch 1/500 được xác định trên cơ sở tuân thủ theo quy định, tôn trọng nền địa hình tự nhiên, tạo độ dốc thuận tiện xe chạy, tránh khối lượng đào đắp lớn, đồng thời tạo định hướng cho công tác quy hoạch mạng lưới cống thoát nước mưa, thoát nước thải phù hợp theo quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

Địa hình hiện trạng khu quy hoạch là khu vực nhiều đồi núi, nên thiết kế cao độ san nền, cao độ tìm đường tại các đỉnh đồi, sườn đồi có cao độ lớn có đường giao thông đi qua, thiết kế đào, giảm thấp cao độ, điều phối đất về những nơi phải đắp nhiều, tạo đường đào đắp tương đối cân bằng.

Cao độ nền các ô đất được thiết kế đảm bảo thoát nước tự chảy, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và phân lưu thoát nước các ô đất, bám sát hiện trạng, sử dụng các giải pháp kè, tường chắn, ta luy đất tùy vào điều kiện cụ thể để ổn định mái dốc đào đắp, hạn chế vươn chân ta luy, giảm thiểu khối lượng đào đắp. Tránh không xây dựng ở những nơi có hiện tượng nứt, trượt, lở núi ở các sườn đồi, hạn chế bạt mái dốc để hạn chế trượt lở khi có mưa lớn.

## **6.2.3. Quy hoạch hệ thống cấp điện**

### **(1) Dự báo phụ tải điện**

#### **a. Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt**

Tiêu chuẩn cấp điện sinh hoạt của xây dựng xã Thân Sa được tính theo (QCVN01:2021/BXD quy định về cấp điện và điện chiếu sáng).

Điện sinh hoạt : 200w/người.

#### **b. Công trình công cộng =30% phụ tải điện sinh hoạt.**

## Dự báo nhu cầu sử dụng điện toàn xã

Đơn vị tính: Kw/ngàyđêm

TT	Hạng mục	Quy mô		Chỉ tiêu(w)		Nhu cầu(kw)	
		dân số (người)		2022	2035	2022	2035
		2022	2035				
1	Phục vụ nhu cầu sinh hoạt	2804	3122	200	200	560.8	624.4
2	Phục vụ hoạt động cộng đồng	Tỷ lệ 30% điện sinh hoạt				168.24	187.32
3	Tổng Cộng					729.04	811.72

### (2) Mạng lưới cấp điện

Xây dựng mạng lưới đường 0,4 KV tới từng khu, điểm dân cư, các cơ quan, doanh nghiệp. Và xây dựng hệ thống chiếu sáng tại những nơi công cộng và trục giao thông quan trọng: trục đường liên xã, liên thôn đoạn qua khu vực trung tâm thôn.

+ Lưới 35kV: Do khoảng cách truyền tải tương đối xa sẽ nâng tiết diện dây từ AC-95 lên AC-120 để giảm tổn thất và cung cấp điện tin cậy hơn. Các trạm mới xây dựng sẽ đấu nối trực tiếp tại các vị trí cột thuận lợi, tất cả đi dây AC-70. Lưới 35kV mới vẫn chạy theo hình tia.

+ Lưới hạ áp 0,4kV: Mạng lưới hạ áp mới xây dựng sẽ được đi cáp nổi AV, tiết diện đảm bảo: từ 4xAV-70÷4xAV-120. Đề nghị người dân thay thế ngay đường dây hạ thế từ công tơ vào nhà để đảm bảo an toàn điện.

- Lưới chiếu sáng: Hoàn chỉnh toàn bộ mạng lưới chiếu sáng khu vực nghiên cứu. Xây dựng mới các tuyến chiếu sáng cho khu vực mới xây dựng. Các tuyến chiếu sáng trong khu dân cư có thể kết hợp với tuyến điện 0,4kV cấp cho sinh hoạt.

Cần lưu ý đường điện trong khu hành chính và khu thể thao, công viên cây xanh trung tâm xã khuyến khích bố trí đường dây điện theo hệ thống cáp ngầm.

### (3) Quy hoạch Trạm biến áp

- Trạm biến áp: Cần nâng cấp, bảo trì bảo dưỡng các trạm biến áp hiện có. Dự kiến nâng cấp công suất 07 trạm biến áp để cung cấp điện cho toàn bộ khu vực.

Hệ thống trạm biến áp được bố trí hợp lý tại các khu vực dân cư đảm bảo tiêu chuẩn cấp điện và bán kính phục vụ tới toàn bộ nhân dân trong xã.

STT	Tên Trạm	Công Suất	Vị trí	Công Suất quy hoạch	Ghi chú
1	Trạm Ngọc Sơn 2	50KVA	Ngã 3 Suối Phung, xóm Ngọc Sơn 2	180KVA	Nâng cấp công suất
2	Trạm Ngọc Sơn 1	50KVA	Xóm Ngọc Sơn 1	180KVA	Nâng cấp công suất
3	Trạm Làng Lớn	100KVA	Xóm Trung Sơn	180KVA	Nâng cấp công suất
4	Trạm Hạ Sơn Dao	50KVA	Xóm Hạ Sơn Dao	180KVA	Nâng cấp công suất
5	Trạm Hạ Kim	75KVA	Xóm Thượng Kim	100KVA	Nâng cấp công suất
6	Trạm UB Thần Sa	180KVA	Xóm Kim Sơn	180KVA	Giữ nguyên công suất
7	Trạm Tân Kim	100KVA	Xóm Tân Kim	100KVA	Giữ nguyên công suất

#### 6.2.4. Quy hoạch hệ thống thoát nước mưa

##### (1) Nguyên tắc thiết kế

a. Tận dụng địa hình tự nhiên trong quá trình vạch mạng lưới thoát nước mưa, đảm bảo thoát nước mưa một cách triệt để trên nguyên tắc tự chảy theo địa hình.

b. Mạng lưới thoát nước mưa phải phù hợp với hướng dốc san nền quy hoạch, phù hợp với tình hình hiện trạng và các đồ án quy hoạch, dự án đầu tư xung quanh.

##### (2) Giải pháp thiết kế

a. Hệ thống thoát nước của khu quy hoạch là hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn. Hoạt động theo phương thức tự chảy.

- Sử dụng hệ thống thoát nước riêng, dạng hệ thống đơn giản, phù hợp với địa hình miền núi, hạn chế ô nhiễm môi trường.

Kết cấu mương, rãnh hở tại các khu vực sườn núi, hạn chế nước mặt tràn qua khu dân cư.

Dùng mương nắp đan, cống hộp tại các cụm dân cư mật độ cao, dễ thi công, quản lý, nạo vét thuận tiện, có thể tận dụng các loại vật liệu địa phương.

Sử dụng cống ngầm tại các trục đường chính, khu vực công cộng đảm bảo môi trường vệ sinh.

- Xây dựng hệ thống hồ, đập nhỏ, hạn chế lũ quét mùa mưa, trữ nước canh tác mùa khô, hạn chế xói mòn hữu cơ của đất.



## 6.2.5. Quy hoạch hệ thống cấp nước

### (1) Nhu cầu cấp nước

#### Các nguồn tiêu thụ

Nước sinh hoạt của dân cư.

Nước phục vụ hoạt động công cộng

Nước phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### Nhu cầu sử dụng

60 lít/người/ ngàyđêm (tính đến năm 2020)

80 lít/người/ ngàyđêm (tính đến năm 2030)

20% nhu cầu nước sinh hoạt

25% nhu cầu nước sinh hoạt

TT	Hạng mục	Quy mô		Chỉ tiêu(lít)		Nhu cầu(m <sup>3</sup> )	
		Dân số (người)		2022	2035	2022	2035
		2022	2035				
1	Phục vụ nhu cầu sinh hoạt	2804	3122	60	80	168.2	249.76
2	Phục vụ hoạt động cộng đồng	Tỷ lệ 20% nước sinh hoạt				33.64	49.952
3	Phục vụ sản xuất kinh doanh	Tỷ lệ 25% nước sinh hoạt				42.05	62.44
<b>4</b>	<b>Tổng Cộng</b>					<b>243.89</b>	<b>299.712</b>

### (2) Mạng lưới cấp nước

Nguồn cấp nước được lấy từ nguồn nước mặt tại vị trí đầu nguồn các con suối, ngoài ra trong giai đoạn 2020-2030 sẽ xây dựng thêm bể chứa nước tại các lũng để đáp ứng nhu cầu cấp nước cho nhân dân. Dự kiến vị trí xây dựng mới các bể chứa nước sạch tại xóm. Mạng lưới cấp nước sử dụng đường ống đi nổi từ các bể chứa nước sạch được bố trí thuận lợi nguồn nước tập trung theo các tuyến đường giao thông để cấp nước cho các hộ sử dụng ở các thôn xóm.

Định hướng quy hoạch nâng cấp 07 trạm bơm cấp nước đã có; xây dựng mới 02 công trình cấp nước sinh hoạt tại xóm Tân Kim và xóm Ngọc Sơn 1

Định hướng: Năm 2035 cấp nước sạch sinh hoạt theo tiêu chuẩn nông thôn mới tối thiểu 80l/người/ngày đêm, đạt tối thiểu từ 95% trở lên.

## 6.2.6. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải và thu gom rác thải

### 6.2.6.1. Quy hoạch hệ thống thoát nước thải

#### (1) Cơ sở thiết kế

QCVN01:2021/BXD Quy hoạch xây dựng. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia xây dựng Việt Nam.

Tiêu chuẩn TCVN 7957:2008 “Thoát nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế”.

#### (2) Tiêu chuẩn thải nước và ước tính lượng thải

Tiêu chuẩn nước thải lấy bằng tiêu chuẩn cấp nước.

Sinh hoạt của dân cư: Bằng 80% khối lượng nước cấp.

Hoạt động công cộng, dịch vụ: Bằng 80% khối lượng nước cấp.

Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp là: 100%.

### (3) Giải pháp quy hoạch hệ thống thoát nước thải

Nguyên tắc xây dựng hệ thống xử lý nước thải:

a. Đối với các khu vực xây dựng tập trung: Sử dụng giải pháp xử lý nước thải tại các trạm xử lý tập trung.

b. Đối với các khu phát triển du lịch: Sử dụng giải pháp xử lý nước thải tại các trạm xử lý phân tán.

Hiện tại khu vực trung tâm xã Thân Sa chỉ có hệ thống rãnh thoát nước theo trục đường chính đường Vành đai 2, toàn bộ hệ thống nước thải của khu vực dân cư, giáp trục chính hiện nay sau khi xử lý qua bể tự hoại được thoát theo hệ thống rãnh khu vực. Các khu dân cư không tập trung hiện nay xử lý nước thải sơ bộ qua bể tự hoại và thoát ra bể tự thấm gây ảnh hưởng đến môi trường đô thị.

c. Nước thải sinh hoạt:

- Nước thải sau khi được xử lý sơ bộ tại công trình sau đó được thoát ra hệ thống thoát nước chung.

- Đối với các hộ gia đình có chăn nuôi tập trung, sẽ xử lý phân gia súc và nước rửa chuồng trại bằng các bể Biogas, để tạo khí đốt phục vụ sinh hoạt cũng như làm sạch vệ sinh môi trường chuồng trại. Cặn lắng sau bể Biogas được đưa đến xử lý tại khu xử lý chất thải rắn tập trung.

- Toàn bộ các điểm công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp có hệ thống xử lý và thu gom nước thải riêng hoàn toàn, mạng lưới thoát nước mưa riêng, mạng lưới thoát nước thải riêng. Tiêu chuẩn thu gom nước thải và xử lý nước thải đạt 100%. Nước thải đầu ra đảm bảo tiêu chuẩn hiện hành theo cột B quy chuẩn **QCVN-40/2021 BTNMT**.

- Nước mặt thoát theo địa hình tự nhiên và hệ thống rãnh thoát dọc theo hệ thống giao thông ra mương thoát.

- Nước sinh hoạt phải có hệ thống thoát nước riêng với mỗi gia đình gắn vào rãnh thoát nước giao thông tới hệ thống thoát nước chính. Các hố ga cần thường xuyên kiểm tra nạo vét để tăng khả năng thoát nước.

- Tại các cơ sở sản xuất nước thải phải xử lý cục bộ trước khi thoát vào hệ thống chung.

- Nâng cấp xây kè cải tạo hệ thống mương thoát, đảm bảo tránh ngập úng tối đa khi có mưa lớn.

- Nước thải sinh hoạt đầu ra đảm bảo tiêu chuẩn hiện hành theo cột A quy chuẩn **QCVN-14/2015 BTNMT**.

Lưu ý: làm đường và rãnh thoát nước có nắp đậy, bảo đảm độ dốc, hố ga lưu thông cho dòng chảy.

d. Nước thải từ các cơ sở dịch vụ công cộng:

- Đối với các cơ sở y tế: Nước thải được xử lý cục bộ riêng, giai đoạn đầu xử lý triệt để sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung.

- Đối với các cơ sở dịch vụ công cộng khác, nước thải được xử lý theo tiêu chuẩn hiện hành sau đó được thoát vào hệ thống thoát nước chung.

- Nước thải công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Phải được xử lý cục bộ trong từng cơ sở, sau đó thoát vào hệ thống thoát nước chung.

Định hướng: Năm 2035 tỷ lệ nước thải được xử lý theo quy chuẩn kỹ thuật đạt trên 15%.

#### 6.2.6.2. Quy hoạch thu gom rác thải

##### (1) Cơ sở thiết kế

QCVN01: 2021/BXD Quy hoạch xây dựng. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia xây dựng Việt Nam.

##### (2) Tiêu chuẩn và ước tính khối lượng chất thải rắn (CTR)

Tiêu chuẩn và dự báo khối lượng chất thải rắn: CTR sinh hoạt cho khu xã Thân Sa là 0,9kg/người/ngày đêm. CTR công cộng, dịch vụ: 15% CTR sinh hoạt.

**Bảng tổng hợp nhu cầu thu gom rác thải**

STT	THÀNH PHẦN	Quy mô dân số		Tiêu chuẩn		Nhu cầu thu gom (tấn/ngđ)	
		2022	2035	2022	2035	2022	2035
1	Sinh hoạt	2807	3122	0,9kg/ngđ		2,52	2.8
2	Công cộng, DV			15% SH		0,38	0,42
	Tổng cộng					2,90	3,22

##### (3) Định hướng thu gom xử lý chất thải rắn giai đoạn 2022-2035

a. Chất thải rắn sinh hoạt: phân loại tại nguồn thành hai loại: CTR vô cơ (gồm kim loại, giấy, bao bì thủy tinh v.v..) được định kỳ thu gom và CTR hữu cơ (lá cây, rau, quả, củ v.v.) được thu gom hàng ngày.

b. Tại các cơ quan, trường học, công trình công cộng... đều được bố trí các thùng rác công cộng ở trong khuôn viên các công trình này. Thùng thu gom (từ 400l đến 600l) được để cạnh đường đi nhằm thuận tiện cho việc thu gom của công nhân.

c. Chất thải rắn công nghiệp: Các cơ sở công nghiệp phân loại chất thải ngay tại nguồn, tận thu, tái sử dụng. Đối với chất thải rắn nguy hại cần xử lý chung với chất thải rắn nguy hại y tế. Phần CTR không sử dụng được không nguy hại vận chuyển đến bãi chôn lấp cùng với CTR sinh hoạt.

d. Chất thải rắn y tế: Được xếp vào loại chất thải nguy hại, phải được xử lý bằng lò đốt đạt tiêu chuẩn môi trường (định hướng quy hoạch lò đốt tại cơ sở y tế).

#### *(4) Phương án thu gom xử lý chất thải rắn giai đoạn 2022-2035*

a. Thành lập tổ đội chuyên thu gom rác thải tại các nơi tập kết quy định, căn cứ vào tình hình thực tế hàng năm để có kế hoạch thu gom theo ngày hay theo tuần.

b. Hợp đồng vận chuyển với đơn vị có đủ năng lực, vận chuyển rác thải về nơi tập kết xử lý rác thải đảm bảo vệ sinh môi trường (ưu tiên hợp đồng các đơn vị có đủ năng lực thực hiện đóng trên địa bàn huyện).

c. Để đảm bảo vệ sinh và mỹ quan các khu chức năng, khu trung tâm xã cần tổ chức các điểm thu gom rác, tại các nơi công cộng và điểm dân cư tập trung các điểm này (ưu tiên vị trí ngã ba đường giao nhau) phải thuận tiện để xe chuyên dụng có thể vận chuyển về khu xử lý rác thải.

d. Đối với mỗi hộ gia đình phải có thùng đựng rác riêng.

e. Rác thải y tế cần phân loại tại nguồn và xử lý riêng.

f. Xây dựng công trình mới (khu chức năng mới) cần đảm bảo, và có biện pháp chống ồn, bụi theo tiêu chuẩn quy phạm cho phép trước khi vận chuyển ra đường.

Định hướng: Ủy ban nhân dân xã ký hợp đồng với đội Công trình GTVT-VSMT huyện tổ chức thu gom vận chuyển xử lý rác thải khu vực trung tâm xã và trung tâm các thôn. Đối với các hộ gia đình cần đào 1 đến 2 hố chôn lấp rác thải đảm bảo hoàn thành tiêu chí nông thôn mới. Đến năm 2030 xã nông thôn nâng cao với tỷ lệ chất thải rắn được thu gom và xử lý đạt trên 90% và tỷ lệ rác thải sinh hoạt được phân loại... đạt trên 50%. Chất thải y tế được xử lý, tiêu hủy, chôn lấp an toàn sau xử lý đạt tối thiểu 85%. Ngoài ra tỷ lệ cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn xã thực hiện xử lý rác thải và nước thải đạt tiêu chuẩn, bền vững 100%. Đảm bảo tiêu chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu đến năm 2030.

#### **6.2.7. Quy hoạch và quản lý nghĩa trang**

(1) Tuyên truyền, giải thích cho người dân dần thích nghi với tập quán chôn cất tập trung vì môi trường sức khỏe của cộng đồng.

(2) Có cơ chế chính sách, khuyến khích sử dụng biện pháp hỏa táng định hướng năm 2030 đạt 15% tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng trên địa bàn xã.

(3) Dự kiến quy hoạch cải tạo, chỉnh trang và mở rộng nghĩa trang thôn hiện trạng. Nghĩa trang được xây dựng theo mẫu chung phù hợp với tập quán tâm linh của người dân, có cổng, tường rào bao quanh. Trong nghĩa trang trồng cây xanh, có đường đi, mộ xây có hàng lối, có bộ phận quản trang.

Định hướng: Đầu tư cải tạo, nâng cấp các nghĩa trang tập trung (nhà tang lễ, nhà quản trang và hạ tầng kỹ thuật...) năm 2030 hoàn thành tiêu chuẩn nông thôn mới .

### QUY HOẠCH NGHĨA TRANG XÃ

STT	Địa điểm	Vị trí	Diện tích đất (Ha)	Ghi Chú
1	Nghĩa trang Kim Sơn	Kim Sơn	1.5	Giữ nguyên
2	Nghĩa trang Hạ Sơn Dao	Hạ Sơn Dao	0.7	Quy hoạch mới
3	Nghĩa trang Pa Dứa	Trung Sơn	2	Giữ nguyên
4	Nghĩa trang Ngọc Sơn 2	Ngọc Sơn 2	1	Giữ nguyên
5	Nghĩa trang Đông Hấu	Trung Sơn	1.2	Giữ nguyên
6	Nghĩa trang Thượng Kim	Thượng Kim	1	Quy hoạch mới
7	Nghĩa trang Xuyên Sơn	Xuyên Sơn	1	Quy hoạch mới
8	Nghĩa trang Tân Kim	Tân Kim	1.8	Quy hoạch mới

#### 6.2.8. Quy hoạch hệ thống thủy lợi

Giai đoạn 2023-2030: thường xuyên nạo vét, nâng cấp các hồ đập, kênh mương hiện có. Hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng đáp ứng tốt nhu cầu tưới tiêu, phục vụ sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản.

### HỆ THỐNG THỦY LỢI

STT	Hạng mục	Vị trí	Khối Lượng (Ha)	Ghi chú
1	Xây dựng trạm bơm - Hạ Sơn Tày	xóm Hạ Sơn Tày	0,02	Xây mới
2	Xây dựng trạm bơm - Kim Sơn	xóm Kim Sơn	0,04	Cải tạo, nâng cấp
3	Trạm bơm Nà Lốc	xóm Trung Sơn	0,01	Xây mới
4	Kênh mương Co Póp	xóm Trung Sơn	0,20	Cải tạo, nâng cấp
5	Kênh mương Nà Thấm-Bản Trang	xóm Trung Sơn	0,25	Cải tạo, nâng cấp
6	Kênh mương Nà Mùn	xóm Trung Sơn	0,20	Cải tạo, nâng cấp
7	Kênh mương Nà Nong	xóm Trung Sơn	0,20	Cải tạo, nâng cấp
8	Kênh mương Nà Lằm	xóm Trung Sơn	0,20	Cải tạo, nâng cấp
9	Trạm bơm Nà Ruộc+kênh mương vào khu cánh đồng Bán Đàng	xóm Kim Sơn	0,15	Xây mới

10	Trạm bơm +kênh mương Nà Ruộc đến đầu cầu treo	xóm Kim Sơn	0,05	Cải tạo, nâng cấp
11	Trạm bơm suối Phung+kênh mương vào cánh đồng NVH	xóm Ngọc Sơn II	0,10	Xây mới
12	Công trình khơi thông dòng chảy và hệ thống lắng bùn Suối Bó	xóm Trung Sơn	1,68	Xây mới
<b>II</b>	<b>Đập dâng</b>			
1	+ Đập Nà Khù – Trung Sơn.			Cải tạo, nâng cấp
2	+ Đập Nà Mò - Trung Sơn.			Cải tạo, nâng cấp
3	+ Đập Khe Rác – Hạ Sơn Dao.			Cải tạo, nâng cấp
4	+ Đập Bó Lù – Ngọc Sơn I.			Cải tạo, nâng cấp
5	+ Đập Suối Phung – Ngọc Sơn II.			Cải tạo, nâng cấp

### 6.2.9 Công tác khác nhằm giảm thiểu tai biến thiên nhiên

- Nạo vét định kỳ các trục tiêu thoát chính trước mùa lũ; Kè và tạo hành lang bảo vệ trục tiêu (đoạn đi qua khu vực xây dựng mật độ cao).

+ *Khu vực ven các suối: Hạn chế xây dựng công trình tại các vực ven các suối, các khu vực sườn núi dốc, tránh hiện tượng lũ quét, sạt lở.*

+ *Dự kiến một số khu vực có thể trú, tránh bão lũ tạm thời hoặc tới định cư khi có sự cố thiên tai xảy ra, kịp thời ổn định đời sống cho các hộ dân cư.*

+ *Các công trình xây dựng cần lưu ý điều kiện địa chất để có giải pháp kết cấu an toàn, hợp lý.*

- Tăng cường phát triển rừng phòng hộ, hạn chế các nguy cơ về tai biến, hạn hán, cháy rừng, lũ lụt, lũ quét, sạt lở đất có thể xảy ra.

- Nâng cao nhận thức của bà con dân tộc về việc bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, giữ gìn môi trường sinh thái, hạn chế du canh, du cư tự phát.

## **VII: ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

### **7.1. Đề xuất các biện pháp phòng ngừa và thứ tự ưu tiên thực hiện.**

#### **7.1.1 Về cơ chế chính sách**

Có chính sách phát triển các ngành kinh tế trọng điểm một cách hợp lý cũng như việc lựa chọn và xác định cơ cấu kinh tế phù hợp ở từng vùng lãnh thổ. Bên cạnh những biện pháp về sử dụng hợp lý tài nguyên đồng thời là biện pháp bảo vệ môi trường trên cơ sở phát triển bền vững theo vùng, lãnh thổ.

Có chính sách quy định về tổ chức quản lý đảm bảo cho sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong việc quản lý, khai thác tài nguyên với tổ chức thực hiện đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao đồng thời phải đảm bảo gìn giữ được tài nguyên và môi trường cho phát triển lâu dài.

Có chính sách và cần có những quy định cụ thể dành cho việc phục hồi và bảo vệ tài nguyên môi trường.

Có chính sách phát triển và liên kết hỗ trợ giữa các ngành kinh tế, các cấp quản lý để thống nhất quản lý và kiểm soát môi trường sinh thái.

Có chính sách ưu tiên miễn giảm hoặc không thu thuế trong thời gian nhất định với các hình thức đầu tư thuận tuý cho hoạt động bảo vệ môi trường tại địa phương.

#### **7.1.2 Về quy hoạch, kế hoạch**

Đây là nhóm giải pháp cần thiết để quy hoạch xây dựng đúng hướng, khai thác có hiệu quả tiềm năng đồng thời gìn giữ đảm bảo phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, của huyện.

Khi lập các quy hoạch, kế hoạch cần phải có các giải pháp đồng bộ về kiến trúc, hạ tầng và báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Các khu vực quy hoạch mở rộng cần phải xây dựng các trạm xử lý nước thải riêng hoặc tập trung tùy theo lưu vực thoát nước và đối với các công trình dịch vụ du lịch do khó khăn về địa hình. Cải tạo xây dựng mới hệ thống thoát nước, hệ thống thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn.

Quá trình triển khai các hoạt động xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là hệ thống giao thông cần cân nhắc đến điều kiện thời tiết để hạn chế thấp nhất tác động của các hoạt động này đến giá trị các hệ sinh thái của xã

Khai thác hợp lý tài nguyên đất trên cơ sở xem xét đánh giá toàn diện nhu cầu sử dụng đất đối với các dự án quy hoạch. Khuyến khích sử dụng các khu vực có địa hình không thuận lợi cho sản xuất công nghiệp, xây dựng các công trình công ích xã hội.

#### **7.1.3 Các giải pháp công nghệ, kỹ thuật bảo vệ môi trường**

##### *(1) Đối với môi trường nước:*

Nước thải cần được xử lý trước khi thải ra môi trường, do đó cần xây dựng trạm xử lý nước thải. Sau các trạm xử lý cần thiết phải có các hồ chứa để kiểm soát

ô nhiễm và tái sử dụng một phần cho nhu cầu sử dụng và giảm lượng xả thải ra môi trường.

Đối với các khu vực nông thôn có hoạt động sản xuất nông sản cho tiêu thụ tại chỗ để giảm thiểu các tác động của hoạt động sản xuất nông nghiệp ra môi trường cần hạn chế sử dụng thuốc trừ sâu, khuyến khích sử dụng các hoạt chất vi sinh và phân hữu cơ.

Tại các cơ sở sản xuất bắt buộc phải có hệ thống thu gom, xử lý nước thải, đảm bảo nồng độ các chất ô nhiễm theo đúng tiêu chuẩn trước khi thải ra môi trường.

Đối với các sông, hồ, kênh rạch thường xuyên tổ chức nạo vét bảo đảm khả năng điều hòa nước, tránh phát sinh mùi hôi ô nhiễm và mất mỹ quan.

Trên địa bàn xã vẫn còn một vài hộ sử dụng nước giếng khoan trực tiếp, vì vậy cần xây dựng bể lọc nước để hạn chế và đảm bảo chất lượng nước.

Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức cho toàn dân về tầm quan trọng của tài nguyên nước và ý thức trách nhiệm trong việc khai thác sử dụng tiết kiệm nguồn nước, bảo vệ nguồn nước ngầm không bị ô nhiễm.

### *(2) Đối với môi trường không khí và tiếng ồn*

Tại các khu vực tập trung đông dân cư, các đầu mối giao thông có mật độ phương tiện vận chuyển cao cần tăng cường trồng cây xanh để hạn chế bụi và tiếng ồn.

Đối với hoạt động giao thông đường trục chính của xã được quy hoạch cần tăng cường kiểm soát các phương tiện giao thông để đảm bảo hạn chế đến mức thấp nhất tiếng ồn, khí thải ra môi trường.

Nguồn chất thải rắn phát sinh từ các hoạt động sản xuất nông nghiệp cần được thu gom thường xuyên để hạn chế đến mức thấp nhất ô nhiễm mùi và các loại khí từ rác thải. Hình thành hệ thống thu gom rác thải tại các điểm từng hộ dân cư trong địa bàn xã.

Nghiên cứu đặc điểm hướng gió để bố trí hợp lý các cơ sở sản xuất công nghiệp có khí thải và tại các điểm tập kết rác thải cửa từng thôn nói riêng và toàn xã nói chung để đảm bảo không bị ô nhiễm bởi khí thải và mùi rác thải.

Không bố trí các cơ sở sản xuất gây tiếng ồn ở gần các khu dân cư. Hạn chế đến mức thấp nhất các phương tiện vận chuyển trọng tải lớn đi qua các điểm đông dân.

### *(3) Đối với môi trường đất*

Cần tăng cường công tác nghiên cứu đánh giá thích nghi đất đai, lập quy hoạch sử dụng đất và quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất theo quy hoạch. Ngăn chặn mọi tác nhân gây ô nhiễm môi trường đất như: Các loại hóa chất bảo vệ thực vật, nước thải, rác thải, chất thải rắn. Tăng cường các biện pháp khôi phục lại hệ sinh thái và không làm suy giảm chất lượng đất, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong việc thu gom và xử lý rác thải.



Sử dụng đất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, đúng pháp luật, lấy giá trị sản xuất trên một đơn vị diện tích đất đai làm thước đo để chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy hoạch.

Hạn chế việc chuyển đất chuyên canh tác lúa và các mục đích nông nghiệp khác mà đem hiệu quả cao sang mục đích phi nông nghiệp.

Không ngừng tăng cường công tác trồng cây để hạn chế thiên tai và tạo môi trường xanh trong lành tại địa bàn xã. Kết hợp trồng cây xanh, xây kè bao ở những nơi đất có công trình thấp chịu ảnh hưởng của lũ lụt.

Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa nhiều ngành kinh tế nông, lâm nghiệp, công nghiệp, dịch vụ, thương mại trong quá trình khai thác sử dụng đất nhằm bảo vệ môi trường tự nhiên, khuyến khích người dân tham gia quản lý và bảo vệ môi trường.

Xây dựng cơ chế thống nhất giữa quản lý đất đai và bảo vệ môi trường; giữa sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường đất, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho tổ chức, cá nhân trong quá trình sử dụng đất.

#### *(4) Giải pháp giảm thiểu chất thải rắn*

Đầu tư xây dựng, phát triển các tổ chức quản lý chất thải rắn bao gồm: tổ chức quản lý, cơ chế, chính sách quản lý, nhân lực và phương tiện kỹ thuật đầy đủ để thu gom, phân loại và vận chuyển chất thải rắn từ nơi phát sinh đến nơi tập trung xử lý đạt 90%.

Nghiên cứu xây dựng các cơ chế chính sách ưu đãi, hỗ trợ, khuyến khích thu gom, vận chuyển và đầu tư cơ sở xử lý chất thải phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế, xã hội địa phương.

Huy động mọi nguồn lực đầu tư cho công tác quản lý, xử lý chất thải rắn: nguồn ngân sách nhà nước (cả vốn ODA), quỹ bảo vệ môi trường, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước...

Đẩy mạnh xã hội hoá công tác thu gom, vận chuyển và vận hành cơ sở xử lý chất thải rắn, tăng dần nguồn thu phí vệ sinh, giảm dần hỗ trợ từ ngân sách cho hoạt động thu gom, vận chuyển chất thải rắn (khuyến khích ban hành đơn giá xử lý chất thải rắn có thu hồi năng lượng).

#### *(4) Giải pháp bảo vệ cảnh quan tự nhiên*

Trong quá trình khai thác các giá trị cảnh quan cho phát triển du lịch trên địa bàn xã cần luôn coi trọng việc bảo vệ sinh cảnh, khuyến khích phát triển các sản phẩm du lịch sinh thái kết hợp nghỉ dưỡng theo hướng bền vững, có sự tham gia tích cực của cộng đồng. Ngoài ra với lợi thế của xã Thần Sa định hướng khuyến khích các mô hình phát triển du lịch cộng đồng nhằm góp phần giảm sức ép của hoạt động sinh kế cộng đồng đối với các hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học.

#### *(6) Giải pháp hạn chế ảnh hưởng của việc khai thác khoáng sản, sản xuất công nghiệp, vật liệu xây dựng*

a. Giải pháp đối với việc sản xuất tiểu thủ công nghiệp, vật liệu xây dựng

Cần đánh giá và có giải pháp cụ thể đối với từng dự án, yêu cầu các đơn vị hoạt động dự án cần tuân thủ nghiêm túc các yêu cầu quy định bảo vệ môi trường.

Khuyến khích các biện pháp “xanh hóa” môi trường tiêu thủ công nghiệp, có biện pháp kiên quyết đối với các đơn vị có hành vi xả thải ra môi trường chưa qua xử lý.

*(7) Giải pháp hạn chế tác động đến môi trường sinh thái, đa dạng sinh học*

Điều tra, thống kê diện tích, đánh giá tình trạng, lập dữ liệu các hệ sinh thái tự nhiên tại khu vực định hướng quy hoạch phân khu chức năng.

Thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phục hồi, phát triển các hệ sinh thái, loài sinh vật kết hợp với khả năng chống chịu của hệ sinh thái trước tác động của biến đổi khí hậu.

Khai thác các giá trị kết hợp bảo tồn với phát triển du lịch sinh thái để tạo nguồn thu đầu tư nhằm phục hồi và phát triển đa dạng sinh học.

*(8) Giải pháp truyền thông, giáo dục, đào tạo nâng cao nhận thức*

Định kỳ tổ chức các lớp bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho các cán bộ làm công tác bảo vệ môi trường tại các khu, điểm dân cư. Tăng cường công tác nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân cư. Thường xuyên tuyên truyền, vận động người dân địa phương tham gia bảo vệ môi trường. Tăng cường giáo dục, ý thức của cộng đồng dân cư đến công tác bảo vệ môi trường. Nâng cao trình độ văn hóa, trình độ giao tiếp ứng xử đối với du khách ở mọi nơi, mọi lúc. Tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn, nâng cao ý thức trách nhiệm cho toàn dân về bảo vệ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường sinh thái.

Các cơ quan có chức năng cấp huyện, xã thường xuyên tổ chức chọn lựa một đội ngũ có trình độ chuyên môn để tập huấn, đào tạo chuyên môn sâu trong việc quản lý và triển khai công tác bảo vệ môi trường đạt hiệu quả cao hơn.

Chú trọng tạo dựng pano giáo dục ý thức văn minh đô thị tại các khu vực trung tâm các điểm nhà văn hóa dân cư và các đầu mối giao thông.

*(9) Các giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu*

Quy hoạch chung xây dựng xã Thần Sa nhất thiết phải gắn liền với các giải pháp giảm nhẹ và thích ứng với biến đổi khí hậu nhằm hướng đến chiến lược phát triển bền vững. Các giải pháp được đề xuất theo hai hướng tiếp cận thích nghi và giảm thiểu. Thích nghi bao gồm việc đề xuất các biện pháp bảo vệ con người và không gian bằng cách giảm thiểu khả năng nhạy cảm với BĐKH, quản lý rủi ro, điều chỉnh các hoạt động kinh tế để giảm nhẹ ảnh hưởng và cải thiện khả năng sản xuất kinh doanh. Giảm thiểu là giải pháp làm chậm quá trình BĐKH bằng cách giảm phát thải khí nhà kính vào khí quyển, thực hiện cơ chế phát triển sạch.

*(10) Về cơ chế chính sách*

Có chính sách quy định về tổ chức quản lý đảm bảo cho sự kết hợp chặt chẽ giữa các ngành, các cấp trong việc quản lý, khai thác tài nguyên với tổ chức thực

hiện đem lại hiệu quả kinh tế, xã hội cao đồng thời phải đảm bảo gìn giữ được tài nguyên và môi trường cho phát triển lâu dài.

Có chính sách phát triển và liên kết hỗ trợ giữa các ngành kinh tế, các cấp quản lý để thống nhất quản lý và kiểm soát môi trường sinh thái.

Có chính sách ưu tiên miễn giảm hoặc không thu thuế trong thời gian nhất định với các hình thức đầu tư thuần túy cho hoạt động bảo vệ môi trường đầu tư trong các lĩnh vực với các công nghệ đồng bộ về bảo vệ môi trường. Có chính sách khuyến khích và hỗ trợ phát triển các loại hình sản xuất thân thiện với môi trường.

Có chính sách khuyến khích phát triển nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ trong lĩnh vực bảo vệ môi trường, khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, đảm bảo phát triển kinh tế xã hội bền vững. Khuyến khích nghiên cứu ứng dụng các công nghệ ít tiêu thụ năng lượng, nước sạch và tăng cường tái sử dụng chất thải trong các cơ sở dịch vụ cộng đồng.

#### *(11) Về cơ chế quản lý, kiểm soát môi trường*

Xây dựng mạng lưới quản lý, giám sát môi trường tại các khu chức năng phát triển thương mại dịch vụ kết hợp khu ở mới, điểm du lịch cộng đồng, dịch vụ thương mại kết hợp nghỉ dưỡng...nhằm cung cấp kịp thời thông tin môi trường để kịp thời xử lý.

Xây dựng nội quy, quy chế cụ thể hợp lý giữa khai thác, kinh doanh du lịch với việc bảo vệ tài nguyên môi trường với việc tuyên truyền giáo dục, nâng cao dân trí, ý thức cho cộng đồng dân cư.

Bổ sung nguồn kinh phí cho hoạt động quản lý môi trường trong hoạt động du lịch cộng đồng trên nguyên tắc người gây ô nhiễm phải có trách nhiệm trả tiền. Đồng thời thực hiện xã hội hóa công tác bảo vệ môi trường ở các khu, điểm dân cư tập chung (đặc biệt 2 khu chức năng dự kiến phát triển của xã). Có hình thức thưởng, phạt nghiêm minh đối với những hành vi vi phạm quy tắc bảo vệ môi trường.

### **VIII. DỰ KIẾN CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ**

#### **8.1. Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn**

Trong thời gian tới. để đạt mục tiêu nông thôn mới vào năm 2030, nên cơ sở vật chất được quan tâm đầu tư xong để phục vụ cho mục đích định hướng phát triển lâu dài (định hướng năm 2030) cũng như đảm bảo tính khả thi, linh hoạt của đề án quy hoạch chung xây dựng xã Thân Sa. Chính vì vậy việc lập danh mục chương trình, dự án và có kế hoạch phân kỳ đầu tư thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn xã là hết sức cần thiết cho cả giai đoạn phát triển của xã.

##### **8.1.1. Xác định các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã**

###### *(1) Các dự án hạ tầng kỹ thuật*

- + Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống giao thông.
- + Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp hệ thống thủy lợi.

- + Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp lưới điện.
- + Dự án xây dựng hệ thống cấp nước sinh hoạt

*(2) Các dự án hạ tầng xã hội*

- + Dự án xây dựng trụ sở làm việc và các công trình khu trung tâm xã;
- + Dự án nâng cấp nhà văn hóa trung tâm và khu thể thao trung tâm xã;
- + Dự án xây dựng, cải tạo nâng cấp nhà văn hóa, khu thể thao các thôn;
- + Dự án đầu tư trang thiết bị cho các công trình cơ quan, trường học và văn hóa.

*(3) Các chương trình, dự án phát triển công nghiệp*

*(4) Các chương trình, dự án phát triển nông nghiệp*

*(5) Các chương trình, dự án khác*

- + Đầu tư cho công tác lập quy hoạch chung xây dựng xã.
- + Đầu tư cho công tác lập quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn tỷ lệ 1/500.
- + Đầu tư cho công tác nâng cấp hạ tầng kinh tế xã hội nông thôn
- + Đầu tư cho công tác phát triển kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất
- + Đầu tư cho công tác đào tạo phát triển nguồn nhân lực.
- + Đầu tư cho công tác áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

**Ghi chú:**

- Đối với các công trình đã và đang sử dụng (trạm y tế, trường học,...) mới được đầu tư xây dựng, thì tùy vào tình hình thực tế phát triển cũng như khả năng cân đối nguồn vốn để bổ sung danh mục đầu tư mới hoặc cải tạo nâng cấp cho phù hợp với cảnh quan cũng như tình hình phát triển của địa phương theo giai đoạn.

- Các cơ sở thương mại dịch vụ như cơ sở kinh doanh sản xuất chế biến chế biến gỗ, các khu tiểu thủ công nghiệp được quy hoạch khuyến khích sử dụng nguồn lực đầu tư từ nguồn vốn đầu tư của doanh nghiệp, hợp tác xã...(ưu tiên các doanh nghiệp, hợp tác xã mới thành lập đóng trên địa bàn)

**8.1.2. Kế hoạch thực hiện theo từng giai đoạn**

Việc phân kỳ đầu tư theo từng giai đoạn định hướng 2025 và tầm nhìn 2035 thực hiện dựa trên cơ vật chất hiện trạng đã có và định hướng nguồn lực đầu tư chung trên địa bàn huyện Võ Nhai.

**a. Giai đoạn 2025**

Hoàn thành quy hoạch chung xây dựng xã và quy hoạch chi tiết khu trung tâm xã, điểm dân cư nông thôn tỷ lệ 1/500.

Hoàn thành việc cắm mốc chỉ giới các công trình hạ tầng theo quy hoạch được duyệt.

Nâng cấp, cải tạo 30% đường giao thông trục xã, trục thôn, ngõ xóm.

Đường trục chính nội đồng: Kiên cố hóa bê tông mặt đường và kè đường nội đồng.

Nâng cấp kiên cố hóa 30% kênh mương trên địa bàn xã.

Mở rộng diện tích nhà văn hóa các thôn, xây dựng sân thể thao trong khuôn viên nhà văn hóa các thôn.

Hỗ trợ nâng cấp, tu sửa nhà cửa đã xuống cấp hoặc hư hỏng cho những hộ gia đình chính sách, người có công, hộ nghèo, người già neo đơn,...

#### b. Giai đoạn 2026 - 2035

Nâng cấp, cải tạo 65% đường giao thông trục xã, trục thôn, ngõ xóm còn lại.

Đường trục chính nội đồng: Kiên cố hóa bê tông mặt đường và kè đường nội đồng các đoạn tuyến quy hoạch còn lại.

Nâng cấp kiên cố hóa 70% kênh mương còn lại trên địa bàn xã.

Tiếp tục hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa nhà ở cho những hộ gia đình thuộc diện chính sách, người có công, hộ nghèo, người đơn thân.

Xây dựng các điểm dân cư mới theo quy hoạch điểm dân cư 1/500.

### **8.1.3. Các nguồn lực thực hiện**

Các nguồn lực chủ yếu thực hiện các dự án

- a. Nguồn lực ngân sách nhà nước
- b. Nguồn lực huy động nhân dân và doanh nghiệp
- c. Nguồn lực cộng đồng doanh nghiệp

**CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN CHƯƠNG TRÌNH 135**

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn giai đoạn 2023-2025								
					Tổng cộng								
					Tổng cộng	Trong đó:							
						NSNN				Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay	
						NSTW		NSDP					
ĐTPT	SN	ĐTPT	SN										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
<b>2</b>	<b>Xã Thần Sa</b>				<b>6.500,0</b>	<b>5.190,0</b>	<b>0,0</b>	<b>1.000,0</b>	<b>0,0</b>	<b>310,0</b>	<b>0,0</b>	<b>0,0</b>	
2.1	Kênh mương xóm Ngọc Sơn I	Xã Thần Sa		2021-2022	1.500,0	1.430,0				70,0			
2.2	Trường MN Thần Sa (Điểm trường Hạ Sơn)	Xã Thần Sa	Nhà lớp học 2 phòng, công trình phụ trợ	2022	1.500,0	1.030,0		400,0		70,0			
2.3	Trạm bơm xóm Hạ Sơn Tày	Xã Thần Sa		2023-2024	1.500,0	1.430,0				70,0			
2.4	Trạm bơm xóm Hạ Sơn Dao	Xã Thần Sa		2024-2025	2.000,0	1.300,0		600,0		100,0			

**CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Dự kiến huy động, phân bổ và sử dụng nguồn vốn giai đoạn 2023-2025									
					Tổng cộng									
					Tổng cộng	Trong đó:						Vốn huy động	Vốn lồng ghép	Vốn vay
						NSNN			NSDP					
						NSTW		NSDP						
ĐTPT	SN	ĐTPT	SN											
1	2	3	3		4	5	6	7	8	9	10	11		
<b>I</b>	<b>Xã Thần Sa</b>				<b>10.225,0</b>	<b>6.070,0</b>		<b>3.162,0</b>		<b>993,0</b>				
1	Cầu tràn Khe Rác xóm Hạ Sơn Dao, xã Thần Sa	Xã Thần Sa		2021	950,0	900,0				50,0				
2	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt tập trung xóm Trung Sơn, xã Thần Sa	Xã Thần Sa		2021	800,0	760,0				40,0				
3	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống nước sinh hoạt tập trung xóm Kim Sơn, xã Thần Sa	Xã Thần Sa		2022	800,0	760,0				40,0				
4	Đường nội đồng Ngọc Sơn I xã Thần Sa	Xã Thần Sa	1,5 km	2022-2023	1.425,0	425,0		450,0		550,0				
5	Trạm bơm xóm Kim Sơn, xã Thần Sa	Xã Thần Sa		2023	2.500,0	1.375,0		1.000,0		125,0				
6	Sửa chữa nhà văn hóa xã Thần Sa	Xã Thần Sa		2024	750,0			712,0		38,0				
7	Khu thể thao xã Thần Sa	Xã Thần Sa		2024-2025	3.000,0	1.850,0		1.000,0		150,0				

**CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN 5 NĂM GIAI ĐOẠN 2021-2025 VỐN CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN KTXH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI**

TT	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng (Xóm, xã)	Dự kiến nguồn vốn giai đoạn 2023-2025 (tr.đ)				Ghi chú	
			Tổng số	Ngân sách TW	Ngân sách địa phương			Nguồn huy động khác
					NS tỉnh	NS huyện		
<b>I</b>	<b>Dự án 01: Đầu tư xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt tập trung</b>							
<b>7</b>	<b>Xã Thần Sa</b>		<b>6.000</b>	<b>6.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
7.1	Công trình cấp nước SHTT xóm Ngọc Sơn II	Xóm Ngọc Sơn II	3.000	3.000	0	0	0	Tự chảy
7.2	Công trình cấp nước SHTT xóm Hạ Sơn Dao	Xóm Hạ Sơn Dao	3.000	3.000	0	0	0	Tự chảy
<b>II</b>	<b>Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.</b>	<b>Xã thuộc khu vực - ATK</b>						
<b>7</b>	<b>Xã Thần Sa</b>		<b>10.700</b>	<b>10.700</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>*</b>	<b>Đầu tư cơ sở hạ tầng</b>		<b>10.000</b>	<b>10.000</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
7.1	Nâng cấp cầu treo Trung Sơn	Xóm Trung Sơn	2.000	2.000	0	0	0	
7.2	Sửa chữa nâng cấp cầu treo xóm Hạ Sơn Tày	Xóm Hạ Sơn Tày	500	500	0	0	0	
7.3	Đường giao thông từ xóm Xuyên Sơn đi Thượng Kim	Xóm Thượng Kim	5.000	5.000	0	0	0	
7.4	Xây dựng phòng học nhà 2 tầng trường tiểu học Thần Sa	Xóm Trung Sơn	2.000	2.000	0	0	0	



7.5	xây mới nhà văn hóa xóm Trung Sơn	Xóm Trung Sơn	500	500	0	0	0
*	Duy tu bảo dưỡng	<b>Xã Thần Sa</b>	<b>700</b>	<b>700</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>

## **IX. KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ**

### **9.1 Kết luận**

Việc thực hiện lập điều chỉnh quy chung xây dựng xã Thần Sa đến năm 2030 là cơ hội để so sánh, đánh giá việc thực hiện quy xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011-2020, để trên cơ sở đó phân tích đánh giá những mặt được và chưa được trong quá trình thực hiện.

Quy hoạch chung xây dựng xã Thần Sa, huyện Võ Nhai đến năm 2030 rất phù hợp với định hướng quy hoạch phát triển kinh tế của huyện, của tỉnh, phát huy được tiềm năng và thế mạnh của địa phương. Tính khả thi, linh hoạt của đồ án quy hoạch chung xây dựng xã góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế, xã hội cũng như tạo được sự thu hút đầu tư từ các đơn vị trong và ngoài địa phương, từ đó nâng cấp và hoàn thiện dần các cơ sở hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội dần nâng cao chất lượng sống của người dân.

Sự định hướng của đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Thần Sa đến năm 2030 là cơ sở cho việc thu hút đầu tư, để từ đó tạo ra được nhiều việc làm cho người dân địa phương và khu vực, nâng cao thu nhập và mức sống của người dân, bên cạnh việc đầu tư phát triển bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Thái Nguyên, làm cơ sở thực hiện phát triển kinh tế xã hội của địa phương và của huyện Võ Nhai giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn 2050, đáp ứng yêu cầu về Nông thôn mới.

### **9.2 Kiến nghị**

Hiện tại xã Thần Sa chưa có quy hoạch khu trung tâm xã kiến nghị các cơ quan chức năng quy hoạch khu trung tâm xã và các Điểm dân cư mở rộng.

Sau khi đồ án được các cấp có thẩm quyền phê duyệt cần công bố, công khai quy hoạch để thu hút các nhà đầu tư và nhân dân biết, và thực hiện theo quy hoạch.

Căn cứ vào đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, cơ quan quản lý quy hoạch có trách nhiệm hướng dẫn, triển khai các dự án đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch đã phê duyệt.

Để thực hiện tốt công tác quy hoạch chung xây dựng, đảm bảo được tính thống nhất trong quản lý sử dụng đất theo quy định, kiến nghị các cấp có thẩm quyền sớm thẩm định và phê duyệt quy hoạch chung xã Thần Sa để phương án sớm được đưa vào thực hiện, là cơ sở để thực hiện tốt các chức năng quản lý trên địa phương.

Từ những khó khăn do đặc thù của xã, đề nghị huyện, tỉnh, trung ương quan tâm tiếp tục đầu tư các dự án xây dựng cơ sở hạ tầng và ổn định đời sống nhân dân địa phương.

Đề nghị cấp trên quan tâm đầu tư các chương trình dạy nghề, khuyến nông, khuyến công để giúp nhân dân địa phương phát triển sản xuất nâng cao thu nhập./.

## **PHỤ LỤC I – CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ**

**PHỤ LỤC II**  
**TỔNG HỢP PHIẾU LẤY Ý KIẾN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**